

Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



home.liebherr.com/fridge-manuals



LIEBHERR

Nội dung

Thông tin và cảnh báo an toàn.....	3
1.1 Mục đích sử dụng.....	3
1.2 Các loại khí hậu.....	3
1.3 Nhóm người dùng.....	4
1.4 Lắp đặt và vận hành thử.....	4
1.5 Vận hành thiết bị an toàn.....	4
1.6 Dọn dẹp.....	4
1.7 Lỗi, hư hỏng và sửa chữa.....	4
1.8 Xử lý.....	4
1.9 Sự phù hợp.....	4
1.10 Các chất SVHC theo REACH	
Quy định.....	5
1.11 Cơ sở dữ liệu EPREL.....	5
1.12 Giấy phép mã nguồn mở.....	5
1.13 Phụ tùng thay thế.....	5
1.14 Các ký hiệu trên thiết bị.....	5
1.15 Mức cảnh báo.....	5
2. Tổng quan về thiết bị.....	5
2.1 Phạm vi cung cấp.....	5
2.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ.....	5
2.3 Vùng nhiệt độ thay đổi.....	6
2.4 Thiết bị thông minh.....	6
2.5 Phạm vi sử dụng của thiết bị.....	6
2.6 Sự phù hợp.....	7
2.7 Các chất SVHC theo quy định REACH.....	7
2.8 Cơ sở dữ liệu EPREL.....	7
2.9 Phụ tùng thay thế.....	7
3	
Chức năng của màn hình cảm ứng và vuốt.....	7
3.1 Giải thích về điều hướng và ký hiệu.....	7
3.2 Thực đơn.....	7
3.3 Chế độ ngủ.....	8
4	
Đưa vào vận hành.....	8
4.1 Bật thiết bị (lần sử dụng đầu tiên).....	8
4.2 Khởi động HydroBreeze lần đầu tiên*.....	9
4.3 Khởi động Trung tâm Nước và Băng.....	9
5. Lưu trữ.....	9
5.1 Thông tin liên quan đến lưu trữ.....	9
5.2 Ngăn tủ lạnh.....	9
5.3 BioFresh.....	9
5.4 Ngăn đá.....	10
5.5 Thời gian lưu trữ.....	10
6	
Tiết kiệm năng lượng.....	11
7	
Điều khiển.....	11
7.1 Bảng điều khiển và màn hình.....	11
7.1.1 Hiện thị trạng thái.....	11
7.1.2 Hiện thị các ký hiệu.....	11
7.2 Chức năng của thiết bị.....	12
7.2.1 Ghi chú về các chức năng của thiết bị.....	12
Tắt và bật lại thiết bị.....	12
Bật và tắt vùng nhiệt độ.....	12
WiFi.....	13
Nhiệt độ.....	14
Đơn vị nhiệt độ.....	14
Giá trị B của BioFresh.....	14
Siêu Mát.....	15





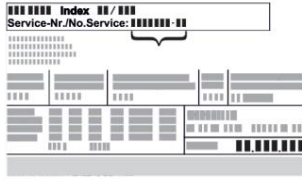


Siêu băng giá.....	15
Bắt đầu chu trình rã đông.....	16
Thời trang dự tiệc.....	16
Chế độ nghỉ lễ.....	17
Chế độ ngày Sa-bát.....	17
Tiết kiệm năng lượng.....	18
HydroBreeze*.....	18
Cung cấp nước.....	19
Trung tâm Nước và Băng.....	19
Trung tâm Nước & Đá / Máy làm đá.....	20
Chế độ làm sạch.....	21
MoodLight*.....	21
Độ sáng của MoodLight.....	22
Độ sáng màn hình.....	22
Giá trị H.....	22
Do báo động.....	22
Khóa trẻ em.....	23
Ngôn ngữ.....	23
Thông tin về thiết bị và phần mềm.....	24
Nhắc nhở.....	24
Chế độ demo.....	24
Khôi phục cài đặt gốc.....	25
7.3 Chức năng của Trung tâm Nước và Đá.....	25
7.3.1 Kích hoạt khóa trẻ em.....	26
7.3.2 Vô hiệu hóa khóa trẻ em.....	26
7.3.3 Kích hoạt MoodLight.....	26
7.3.4 Tắt MoodLight.....	26
7.3.5 Lấy đá viên.....	26
7.3.6 Phân phối đá bào.....	26
7.3.7 Cấp nước.....	26
7.3.8 Cài đặt chế độ hiển thị thông tin cá nhân.....	26
7.3.9 Sử dụng phương pháp hiển thị thông tin cá nhân.....	27
7.3.10 Điều chỉnh chế độ chờ.....	27
7.4 Thông báo.....	27
7.4.1 Tổng quan về các cảnh báo.....	27
7.4.2 Cảnh báo kết thúc.....	27
7.4.3 Tổng quan về các lời nhắc.....	28
7.4.4 Lời nhắc cuối cùng.....	29
8	
Tính năng.....	30



8.1	Giá để đồ ở cửa.....	
30 8.2	Kệ đựng chai có thể điều chỉnh.....	
32 8.3	Ngăn kéo.....	
33 8.4	Nắp ngăn đựng BioFresh Safe.....	34 8.5
HydroBreeze*.....		34 8.6
Giá để trống.....		35
8.7	Giá đựng chai.....	35

	Bảo trì.....	35 9
9.0	Đạt than hoạt tính FreshAir.....	35
9.2	Bình chứa nước.....	
36 9.3	Bộ lọc nước.....	
36 9.4	Tháo/lắp hệ thống kéo ra.....	37 9.5
Tháo/lắp giá đỡ chai có thể điều chỉnh.....		38
38 9.6	Nắp ngăn chứa BioFresh Safe.....	38
Rã đông thiết bị.....		39 9.7
Vệ sinh thiết bị.....		39 9.8
10	Hỗ trợ khách hàng.....	41 10.1
Thông số kỹ thuật.....		41 10.2
Tiếng ồn khi hoạt động.....		41 10.3
Lỗi kỹ thuật.....		41 10.4
Dịch vụ khách hàng.....		43 10.5
Tấm nhân hiệu.....		44

11	Đang tắt máy.....	44
12	Thải bỏ.....	
44 12.1	Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ.....	44 12.2
Thải bỏ thiết bị theo cách thân thiện với môi trường		
thái độ thân thiện.....		44

Nhà sản xuất liên tục nỗ lực phát triển thêm tất cả các loại và mẫu mã. Xin lưu ý rằng chúng tôi có quyền thay đổi hình dạng, trang thiết bị và công nghệ.

Giải thích ký hiệu	hiệu
	<p>Đọc hướng dẫn</p> <p>Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng để hiểu rõ tất cả các lợi ích của thiết bị mới.</p>
	<p>Thông tin bổ sung trên Internet</p> <p>Bạn có thể tìm thấy hướng dẫn sử dụng điện tử với thông tin bổ sung và bằng các ngôn ngữ khác thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại home.liebherr.com/fridge-manuals.</p> <p>Mã số dịch vụ có thể được tìm thấy trên tem số sê-ri:</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Hình minh họa.</p>
	<p>Kiểm tra thiết bị.</p> <p>Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có bị hư hỏng do vận chuyển không. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng.</p>
	<p>Sự khác biệt</p> <p>Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều mẫu máy khác nhau, vì vậy có thể có sự khác biệt. Các phần chỉ áp dụng cho một số mẫu máy nhất định được đánh dấu bằng dấu sao (*).</p>

Giải thích ký hiệu	hiệu
	<p>Hướng dẫn và kết quả</p> <p>Các hướng dẫn được đánh dấu bằng dấu chấm.</p> <p>Kết quả được đánh dấu bằng dấu chấm.</p>
	<p>Video</p> <p>Các video về thiết bị gia dụng có sẵn trên các kênh YouTube của Liebherr-Hausgeräte.</p>

Giấy phép mã nguồn mở:

Thiết bị này chứa các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép mã nguồn mở. Thông tin về các giấy phép mã nguồn mở được sử dụng có thể được tìm thấy tại đây: home.liebherr.com/open-source-licences. Hướng dẫn vận hành này áp dụng cho:

MB..i 95..8

1. Thông tin và cảnh báo an toàn

Hãy lưu giữ thông tin người dùng này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển nhượng thiết bị này, hãy chuyển thông tin người dùng này cho những người chủ sở hữu tiếp theo.

Để sử dụng thiết bị đúng cách và an toàn, hãy đọc kỹ thông tin hướng dẫn sử dụng này trước khi lắp đặt và sử dụng. Luôn luôn tuân theo các hướng dẫn, chỉ dẫn an toàn và cảnh báo có trong tài liệu này. Chúng rất quan trọng để bạn có thể lắp đặt và vận hành thiết bị một cách an toàn và đúng cách.

1.1 Mục đích sử dụng

Thiết bị này được thiết kế để sử dụng trong gia đình và các ứng dụng tương tự như: - trong khu vực

bếp dành cho nhân viên tại cửa hàng, văn phòng và các nơi làm việc khác. khu vực

- trong môi trường nông nghiệp và bởi khách lưu trú tại khách sạn, Nhà nghỉ và các loại hình lưu trú khác -

trong các nhà trọ kiểu bed and

breakfast - trong dịch vụ ăn uống và các hoạt động bán buôn tương tự.

Tất cả các hình thức ứng dụng khác đều không được phép.

1.2 Các lớp học về khí hậu

Tùy thuộc vào phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động trong phạm vi nhiệt độ môi trường nhất định. Phân loại khí hậu của thiết bị được in trên nhãn thông tin sản phẩm.

Ghi chú

Để đảm bảo hoạt động không gặp sự cố, hãy tuân thủ nhiệt độ môi trường xung quanh đã được quy định.

Phân loại khí hậu	đưa trên nhiệt độ môi trường xung quanh từ
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	Từ 10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

Thiết bị được thiết kế cho độ ẩm tương đối tối đa là 80%. Nếu thiết bị hoạt động ở độ ẩm tương đối trên 80%, thiết bị vẫn hoạt động nhưng sẽ hình thành hơi nước ngưng tụ trên bề mặt thiết bị.

Thông tin và cảnh báo về an toàn

1.3 Nhóm người dùng

- Thiết bị này có thể được sử dụng bởi trẻ em từ 8 tuổi trở lên và những người có khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hạn chế hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức nếu họ được giám sát hoặc hướng dẫn về cách sử dụng thiết bị một cách an toàn và hiểu được các mối nguy hiểm liên quan.
- Trẻ em không được phép chơi với thiết bị này.
- Trẻ em không được phép thực hiện việc vệ sinh và bảo trì mà không có sự giám sát.
- Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép lên xe và dỡ hàng từ các thiết bị làm lạnh.

1.4 Lắp đặt và vận hành thử

- Chỉ thiết lập và kết nối thiết bị theo đúng hướng dẫn theo hướng dẫn trong thông tin người dùng.
- Không được bịt kín các lỗ thông gió trên vỏ thiết bị hoặc trên vỏ lắp đặt.
- Không được làm hỏng dây nguồn. Không được vận hành thiết bị nếu dây nguồn bị hỏng.
- Không đặt ổ cắm điện đa năng di động hoặc nguồn điện di động các bộ phận ở phía sau thiết bị.
- Ổ cắm phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt nguồn điện cho thiết bị trong trường hợp khẩn cấp. Ổ cắm không được nằm phía sau thiết bị.

ance.

Các thiết bị có đường ống nước cố định: - Chỉ kết nối

đường ống nước cố định với nguồn nước sinh hoạt để tránh ngộ độc do nước bị ô nhiễm.

- Chỉ kết nối thiết bị với nguồn nước uống bằng bộ ống dẫn mới được cung cấp kèm theo thiết bị. Không sử dụng lại bộ ống dẫn cũ, hãy vứt bỏ chúng.

1.5 Cách sử dụng thiết bị an toàn

- Không được cất giữ bất kỳ chất dễ cháy nổ nào, chẳng hạn như bình xịt khí dung chứa khí đẩy dễ cháy, trong thiết bị. Các loại bình xịt này có thể được nhận biết bằng danh sách thành phần được in trên đó, hoặc bằng biểu tượng ngọn lửa. Bất kỳ khi nào bị rò rỉ đều có thể bốc cháy do các bộ phận điện.
- Giữ nến đang cháy, đèn và các vật dụng khác có ngọn lửa trần cách xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.
- Đồ uống có cồn và các vật chứa khác đựng cồn phải được đậy kín khi bảo quản. Cồn bị rò rỉ có thể bốc cháy do các bộ phận điện.
- Tránh tiếp xúc lâu với bề mặt lạnh hoặc thực phẩm lạnh/đông lạnh. Ví dụ, nên đeo găng tay để bảo vệ.
- Chất làm lạnh bên trong (thông tin trên nhãn sản phẩm) thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy. Chất làm lạnh bị rò rỉ có thể gây cháy. • Không làm hỏng mạch làm lạnh. • Không sử dụng bất kỳ nguồn gây cháy nào bên trong thiết bị. • Không sử dụng các thiết bị điện bên trong thiết bị.

(ví dụ: máy làm sạch bằng hơi nước, máy sưởi).

- Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: hãy loại bỏ mọi ngọn lửa trần hoặc nguồn gây cháy khỏi khu vực xung quanh điểm rò rỉ.

Hãy thông gió phòng cho thoáng đảng. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng.

- Chỉ mở cửa trong thời gian ngắn. Điều này giúp ngăn nhiệt độ bên trong thiết bị tăng cao.
- Không được đưa tay vào giữa cửa và thiết bị khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.
- Nhiệt độ ở phần nóng nhất của thiết bị
Nhiệt độ có thể cao hơn nhiệt độ cài đặt.

Các thiết bị có bình chứa nước: -

Chỉ đổ nước uống vào bình chứa nước của HydroBreeze để tránh ngộ độc do nước bị ô nhiễm.*

1.6 Vệ sinh

- Thường xuyên vệ sinh các bề mặt tiếp xúc với môi trường.
đồ ăn.
- Vệ sinh đường thoát nước rã đông thường xuyên.
- Không sử dụng máy sưởi điện, máy làm sạch bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt làm tan băng để đẩy nhanh quá trình rã đông.
- Không dùng vật sắc nhọn để gỡ đá.

1.7 Lỗi, hư hỏng và sửa chữa

- Nếu dây nguồn của thiết bị bị hỏng, hãy thay thế dây nguồn.
- Việc sửa chữa và can thiệp vào thiết bị chỉ được thực hiện bởi bộ phận chăm sóc khách hàng hoặc các nhân viên có trình độ chuyên môn được đào tạo cho mục đích này.
- Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố hoặc trục trặc, hãy rút phích cắm điện hoặc tắt cầu chì. Luôn giữ chặt phích cắm khi rút phích cắm điện. Tuyệt đối không được giật mạnh dây cáp.

1.8 Xử lý

- Thiết bị chứa các vật liệu có giá trị và được đánh dấu bằng ký hiệu thích hợp. (xem 1.14 Ký hiệu trên thiết bị) • Không vứt bỏ thiết bị trong nhà.
rác thải.
• Vứt bỏ thiết bị cũ miễn phí tại trung tâm tái chế địa phương bằng cách sử dụng thùng chứa loại 1. • Khi mua thiết bị mới, hãy trả lại thiết bị cũ cho nhà bán
lẻ miễn phí. • Cung cấp thông tin về các lựa chọn trả lại hàng.
- Thiết bị của bạn có thể chứa dữ liệu cá nhân. • Hãy xóa dữ liệu cá nhân trước khi vứt bỏ.
- Thiết bị chứa chất làm lạnh (thông tin trên nhãn sản phẩm) và dầu. Chất làm lạnh bên trong thiết bị thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy. Dầu chứa trong đó cũng dễ cháy. Chất làm lạnh và dầu rò rỉ có thể bốc cháy ở nồng độ cao và khi tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài.
• Không làm hỏng mạch làm lạnh. • Chỉ vứt bỏ thiết bị theo đúng hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

1.9 Sự phù hợp

Mạch làm mát đã được kiểm tra độ kín. Thiết bị tuân thủ các quy định và chỉ thị an toàn có liên quan.

Đối với thị trường EU: Thiết bị này tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU.

Đối với thị trường Anh Quốc: Thiết bị tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến năm 2017 SI 2017 số 1206.

Toàn văn Tuyên bố Tuân thủ của EU có thể được tìm thấy tại địa chỉ web sau: www.liebherr.com Ngân BioFresh đáp ứng các yêu cầu của ngân làm lạnh theo tiêu chuẩn DIN EN 62552:2020.

1.10 Các chất SVHC theo Quy định REACH

Bạn có thể sử dụng liên kết sau để kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa các chất SVHC theo Quy định REACH hay không: home.liebherr.com/en/en/liebherr-experience/sustainability/environment/scip/scip.html

1.11 Cơ sở dữ liệu EPREL

Từ ngày 1 tháng 3 năm 2021, thông tin về nhãn năng lượng và các yêu cầu thiết kế thân thiện với môi trường sẽ có sẵn trong cơ sở dữ liệu sản phẩm châu Âu (EPREL). Có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm qua liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/>.

Tại đây, bạn được yêu cầu nhập mã số nhận dạng model. Bạn sẽ tìm thấy mã số nhận dạng model trên nhãn thông tin sản phẩm.

1.12 Giấy phép mã nguồn mở

Thiết bị này chứa các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép mã nguồn mở. Thông tin về các giấy phép mã nguồn mở được sử dụng có thể được tìm thấy tại đây:

home.liebherr.com/open-source-licences


1.13 Phụ tùng thay thế



Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận dự trữ của thiết bị là 15 năm.

1.14 Các ký hiệu trên thiết bị

	Biểu tượng này có thể được tìm thấy trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm sau: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc xâm nhập vào đường hô hấp. Thông tin này chỉ có ý nghĩa đối với việc tái chế. Sử dụng bình thường không gây ra rủi ro gì. Không được gỡ bỏ biểu tượng này.
	Cảnh báo: Nguy cơ cháy nổ do các chất dễ cháy. Biểu tượng này nằm trên máy nén và cũng có thể được tìm thấy ở những vị trí khác trên thiết bị. Biểu tượng này cảnh báo về các chất dễ cháy. Không được gỡ bỏ biểu tượng này.
	Biểu tượng này hoặc một biểu tượng tương tự có thể nằm ở phía sau thiết bị. Nó cho biết có các tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm perlite trong cửa và/hoặc vỏ máy. Thông tin này chỉ có ý nghĩa đối với việc tái chế. Không được xóa biểu tượng này.
	Biểu tượng này nằm trên bảng thông tin kiểu chữ. Điều này cho thấy thiết bị chứa các vật liệu có giá trị và bạn không được vứt bỏ nó cùng với rác thải sinh hoạt. (xem mục 1.8 Xử lý)

1.15 Mức độ cảnh báo

	SỰ NGUY HIỂM	Nhận diện ngay lập tức những tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn.
--	--------------	--

	CẢNH BÁO	Xác định một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không được ngăn chặn.
	THẬN TRỌNG	Nhận diện ngay lập tức các tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc trung bình nếu không được ngăn chặn.
CHÚ Ý		Xác định một tình huống nguy hiểm có thể gây thiệt hại về tài sản nếu không được ngăn chặn.
Ghi chú		Xác định các thông tin và lời khuyên hữu ích.

2. Tổng quan về thiết bị

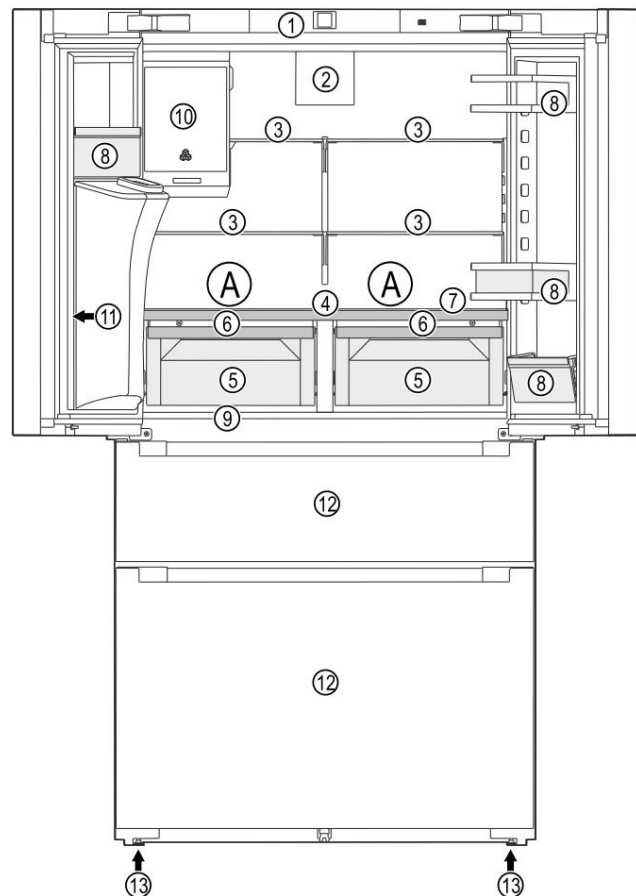
2.1 Phạm vi cung cấp

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng trong trường hợp có khiếu nại. (xem mục 10.4 Chăm sóc khách hàng)

Thiết bị mới của bạn bao gồm các bộ phận sau:

- Thiết bị độc lập
- Các tính năng (tùy thuộc vào từng mẫu)
- Vật liệu lắp đặt (tùy thuộc vào từng mẫu)
- "Hướng dẫn nhanh"
- Tài liệu giới thiệu dịch vụ

2.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ



Tổng quan về thiết bị

Hình 1. Ví dụ minh họa. Phạm

vi nhiệt độ.

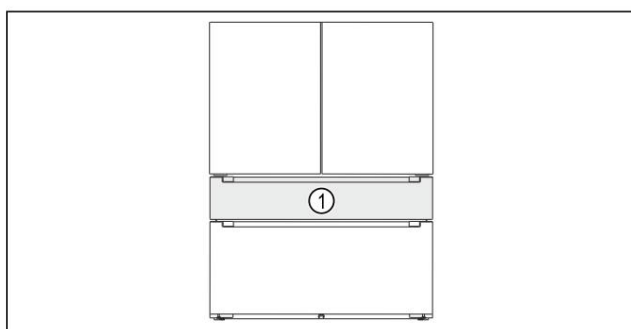
(A) Khu vực lạnh nhất

Thiết bị

- | | |
|--|---|
| (1) Kiểm soát | (8) Giá đỡ cửa |
| (2) Quạt có bộ lọc than hoạt tính FreshAir | (9) Tấm bảng kiểu |
| (3) Kệ | (10) Ngăn chứa đá |
| (4) Giá đựng chai có thể thay đổi | (11) Khu vực đầu ra của Nước & Trung tâm băng |
| (5) BioFresh Safe | (12) Ngăn đông lạnh: Đơn vị dạng kính thiên văn |
| (6) Nắp ngăn cho An toàn BioFresh | (13) Chân có thể điều chỉnh |
| (7) HydroBreeze* | |

2.3 Vùng Nhiệt Độ Biến Đổi

(VarioTempZone) Thiết bị của bạn được trang bị vùng nhiệt độ biến đổi (VarioTempZone) (-18 °C đến +5 °C). Điều này cho phép bạn sử dụng một khu vực trong ngăn đông làm vùng làm lạnh bổ sung.



Hình 2 Minh họa ví dụ (1)

VarioTempZone Nếu bạn

sử dụng VarioTempZone làm vùng làm mát bổ sung, thiết bị có thể phát ra tiếng ồn lớn hơn. Tuy nhiên, thiết bị vẫn hoạt động đầy đủ chức năng.

Thông tin thêm: - Cài

đặt nhiệt độ trong VarioTempZone. (xem phần Cài đặt nhiệt độ trong VarioTempZone)

- Lưu ý các hướng dẫn về bảo quản thực phẩm. (xem mục 5.1 Thông tin về bảo quản)

2.4 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp kết nối mạng cho tủ lạnh của bạn.

Nếu thiết bị của bạn được hỗ trợ hoặc tương thích với SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị với WiFi một cách nhanh chóng và dễ dàng. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể điều khiển thiết bị từ thiết bị di động. Các chức năng và tùy chọn cài đặt bổ sung có sẵn trong ứng dụng SmartDevice.

Thiết bị gia Thiết bị của bạn có khả năng hoạt động như một dụng tích hợp SmartDevice: thiết bị thông minh. Để kết nối thiết bị với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.

Thông tin chi tiết hơn về SmartDevice: smartdevice.liebherr.com

Đang tải xuống

Ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình ứng dụng SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của mình với mạng Wi-Fi (xem mục Wi-Fi) bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng Wi-Fi của thiết bị.

Ghi chú

Chức năng SmartDevice không khả dụng tại các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

2.5 Phạm vi sử dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng

Thiết bị này chỉ thích hợp để làm lạnh thực phẩm trong môi trường gia đình hoặc tương tự như hộ gia đình. Ví dụ, bao gồm việc sử dụng: - trong bếp của

nhân viên, nhà nghỉ, - bởi khách lưu trú tại nhà nghỉ ở nông

thôn, khách sạn, nhà trọ và các cơ sở lưu trú khác, - cho dịch vụ ăn uống và các dịch

vụ tương tự trong ngành bán buôn.

Thiết bị này không phù hợp để lắp đặt âm tường.

Mọi hình thức sử dụng khác đều không được phép.

Làm dụng có thể dự đoán trước

Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm lạnh

thuốc, huyết tương, chế phẩm phòng thí nghiệm hoặc các chất và sản phẩm

tương tự theo Chỉ thị về Thiết bị Y tế 2007/47/EC - Sử dụng trong

khu vực có nguy cơ cháy nổ. Việc sử dụng sai thiết bị có

thể dẫn đến hư hỏng hàng hóa được lưu trữ

hoặc làm chúng bị hỏng.

Phân loại khí hậu

Tùy thuộc vào phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động trong phạm vi nhiệt độ môi trường hạn chế. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên nhãn thông số kỹ thuật.

Lưu ý

Hãy tuân thủ nhiệt độ môi trường xung quanh theo quy định để đảm bảo thiết bị hoạt động đúng cách.

Phân loại khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh là
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	Từ 10 °C đến 38 °C
SN-T	Từ 10 °C đến 43 °C

Thiết bị được thiết kế cho độ ẩm tương đối tối đa là 80%. Nếu thiết bị hoạt động ở độ ẩm tương đối trên 80%, thiết bị vẫn hoạt động nhưng sẽ hình thành hơi nước ngưng tụ trên bề mặt thiết bị.

2.6 Sự phù hợp

Hệ thống làm lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Thiết bị tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tương ứng.

Đối với thị trường EU: Thiết bị này tuân thủ chỉ thị 2014/53/EU.

Dành GB cho thị trường: Thiết bị này tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến năm 2017 SI 2017 số 1206.

Toàn văn Tuyên bố Tuân thủ của EU có sẵn trên trang web sau: www.liebherr.com. Ngân BioFresh đáp ứng các yêu cầu của ngân bảo quản lạnh theo tiêu chuẩn DIN EN 62552:2020.

2.7 Các chất SVHC theo quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa các chất SVHC theo quy định REACH hay không tại liên kết sau: home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nach-haltigkeit/umwelt/scip/scip.html

2.8 Cơ sở dữ liệu EPREL

Thông tin chi tiết về nhãn năng lượng và các yêu cầu thiết kế sinh thái sẽ có trên cơ sở dữ liệu sản phẩm châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được yêu cầu nhập mã số model. Bạn có thể tìm thấy mã số model trên nhãn sản phẩm.

2.9 Phụ tùng thay thế



Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận dự trữ của thiết bị là 15 năm.


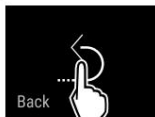


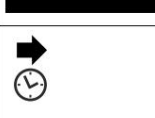
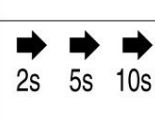
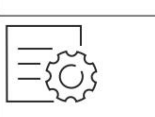

3. Chức năng của Màn hình cảm ứng và vuốt

Bạn điều khiển thiết bị của mình bằng màn hình cảm ứng và vuốt. Bạn chọn các chức năng của thiết bị trên màn hình Cảm ứng & Vuốt (sau đây gọi là màn hình) bằng cách chạm vào chúng. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ thao tác nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ quay lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.

3.1 Giải thích về điều hướng và ký hiệu

Trong các hình minh họa, các ký hiệu khác nhau được sử dụng để điều hướng trên màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.

Biểu tượng	Mô tả: Chạm
	nhẹ vào màn hình: Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng. Xác nhận lựa chọn. Mở menu phụ.
	Chạm vào màn hình trong một khoảng thời gian nhất định (ví dụ: 3 giây): Kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng hoặc giá trị.

Biểu tượng	Mô tả : Vuốt
	sang trái hoặc phải để điều hướng trong menu.
	Nhấn nhanh vào biểu tượng Quay lại: Quay lại một cấp độ menu.
	Nhấn và giữ biểu tượng Quay lại trong 3 giây: Quay lại màn hình hiển thị trạng thái.
	Nhấn nhanh vào biểu tượng Quay lại ở góc trên bên trái: Quay lại một cấp độ menu.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây thì thông báo sau mới hiển thị trên màn hình.
	Mũi tên chỉ thời gian: Sẽ mất khoảng thời gian được chỉ định cho đến khi thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Biểu tượng "Mở menu Cài đặt": Điều hướng đến menu Cài đặt và mở menu cài đặt. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu Cài đặt. (xem mục 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
	Biểu tượng "Mở menu Nâng cao": Điều hướng đến menu Nâng cao và mở menu nâng cao. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu Nâng cao. (xem mục 3.2.2 Mở menu mở rộng)
Không có hành động nào trong 10 giây	Nếu bạn không thực hiện bất kỳ thao tác nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ quay lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp hiển thị trạng thái.
Mở cửa rồi đóng lại.	Nếu bạn mở cửa và đóng ngay lập tức, màn hình sẽ chuyển thẳng về màn hình hiển thị trạng thái.

Lưu ý: Hình ảnh minh họa màn hình được hiển thị trong phiên bản tiếng Anh.

3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị được phân bố trên nhiều menu khác nhau:

Thực đơn	Sự miêu tả
Menu chính	Khi bạn bật thiết bị, bạn sẽ tự động được chuyển đến menu chính. Từ đây, bạn có thể điều hướng đến các chức năng quan trọng nhất của thiết bị, đến menu Cài đặt và đến mục Nâng cao. thực đơn.

LƯU

Ý: Nhà sản xuất khuyến nghị: Đối với

thực phẩm đông lạnh: Chờ khoảng 6 tiếng cho đến khi đạt được nhiệt độ cài đặt.

Bảo quản thực phẩm đông lạnh ở

-18 °C hoặc thấp hơn. Tuân thủ các lưu ý về bảo quản

thực phẩm. (xem mục 5.1 Thông tin về bảo quản)

Ghi chú

Bạn có thể mua phụ kiện từ cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

4.2 Khởi động HydroBreeze lần đầu tiên*

Nếu thiết bị của bạn được trang bị hệ thống HydroBreeze, bạn phải vệ sinh hệ thống HydroBreeze trước khi sử dụng lần đầu.

Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Thiết bị được kết nối đúng

cách. Vệ sinh HydroBreeze. (xem mục 9.8.5 Vệ

sinh HydroBreeze)

Gió nhẹ*)

Đổ đầy bình chứa nước. (xem mục 8.5.1 Đổ đầy bình chứa

nước) Kích hoạt HydroBreeze. (xem mục HydroBreeze*)

4.3 Khởi động Trung tâm Nước và Băng

Nếu máy của bạn được trang bị bộ phận cấp nước và làm đá, bạn phải xả hết nước trong hệ thống và làm sạch bộ phận này trước khi sử dụng lần đầu.

Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Đã kết nối nguồn

nước. Xem phần Lắp đặt

Hướng dẫn sử dụng hoặc hướng dẫn lắp ráp.

Bình chứa nước đã được lắp đặt. Xem Hướng dẫn lắp đặt hoặc hướng dẫn

lắp ráp. Bộ lọc nước đã

được lắp đặt. Xem Hướng dẫn lắp đặt hoặc hướng dẫn lắp ráp. Thiết bị

đã được kết nối hoàn toàn.

Thiết bị đã được bật. Trung tâm Nước &

Đá đã được kích hoạt. (xem phần

Kích hoạt)

(Trung tâm Nước và Băng)

4.3.1 Xả khí hệ thống nước

Chạm vào biểu tượng nước.

Ấn cốc hoặc ly vào nút và giữ nguyên vị trí.

địa điểm.

Không khí thoát ra hoặc nước chảy vào cốc hoặc ly. Tiếp

tục quá trình cho đến khi nước chảy vào cốc hoặc ly thành dòng đều. Hệ

thống nước đã được xả hết khí.

4.3.2 Vệ sinh Trung tâm Nước và Đá (xem 9.8.6 Vệ sinh

Trung tâm Nước và Đá)

5 Lưu trữ

5.1 Thông tin liên quan đến lưu trữ



CẢNH BÁO:

Nguy cơ cháy nổ từ các thiết bị điện!

Nếu bạn sử dụng các thiết bị điện trong khu vực chế biến thực phẩm của thiết bị, chúng có thể gây ra hỏa hoạn.

Không sử dụng các thiết bị điện trong khu vực chế biến thực phẩm của thiết bị trừ khi có khuyến cáo của nhà sản xuất.

LƯU

Ý: Mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng và công suất làm mát sẽ giảm nếu hệ thống thông gió không đủ. Luôn giữ cho các khe thông gió thông thoáng.

Hãy tuân thủ các hướng dẫn sau đây khi bảo quản: - Giữ cho

các lỗ thông hơi trên quạt luôn thông thoáng.

- Trong ngăn đá: Đóng gói thực phẩm đúng cách.

- Đóng gói hoặc đậy kín các loại thực phẩm để hấp thụ hoặc tỏa mùi hoặc vị trong các hộp kín.

- Đóng gói thịt hoặc cá sống vào các hộp đựng sạch sẽ, kín.

Điều này sẽ ngăn thịt hoặc cá chạm vào hoặc nhỏ giọt lên các thực phẩm khác.

- Bảo quản chất lỏng trong các vật chứa có nắp đậy kín.

- Để khoảng trống giữa các sản phẩm để đảm bảo không khí lưu thông tốt.

- Bảo quản thực phẩm theo hướng dẫn trên bao bì.

lão hóa.

- Luôn luôn xem hạn sử dụng tốt nhất trước ngày được ghi trên bao bì.

Lưu ý:

Việc không tuân thủ các hướng dẫn này có thể dẫn đến thực phẩm bị hư hỏng.

Khu vực nhiệt độ Thực phẩm		
VarioTempZone	Bảo quản thực phẩm theo nhiệt độ đã cài đặt. Liebherr khuyến nghị bảo quản thực phẩm trong khu vực VarioTempZone:	
	Phạm vi nhiệt độ	Đồ ăn
	4 °C đến 5 °C	thực phẩm chế biến sẵn, phô mát, thực phẩm đóng hộp
	0 °C	trái cây và rau củ đóng gói
	-2 °C	hải sản và sản phẩm tươi sống
-18 °C	xem ngăn đông lạnh	

Tổng quan về VarioTempZone

5.2 Ngăn tủ lạnh

Sự lưu thông không khí trong thiết bị tạo ra các vùng nhiệt độ khác nhau.

Bạn có thể tìm thấy các vùng nhiệt độ khác nhau trong phần tổng quan về thiết bị và dụng cụ. (xem mục 2.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ)

5.2.1 Sắp xếp thực phẩm đúng cách Khu vực phía

trên và cửa: Bảo quản bơ, phô mai, thực phẩm đóng hộp và ồng.

Khu vực nhiệt độ lạnh nhất: Bảo quản thực phẩm dễ hỏng như...

như những bữa ăn đã được nấu chín sẵn.

5.3 BioFresh

Công nghệ BioFresh sẽ kéo dài thời gian bảo quản một số loại thực phẩm tươi sống so với phương pháp làm lạnh truyền thống.

Trong thiết bị của bạn, bạn có thể chọn sử dụng ngăn BioFresh Safe làm ngăn an toàn cho rau củ quả hoặc ngăn an toàn cho thịt và sữa. (xem mục 8.4 Nắp ngăn BioFresh Safe)

Lưu ý:

Nếu nhiệt độ giảm xuống dưới 0°C, thực phẩm có thể bị đóng đá. Bảo quản

các loại rau quả nhạy cảm với lạnh như dưa chuột, cà tím, bí ngòi và trái cây nhiệt đới trong ngăn mát tủ lạnh.

Kho

5.3.1 Ngăn bảo quản rau quả: Ngăn này tạo



ra môi trường bảo quản ở nhiệt độ gần 0 °C. Nắp ngăn đảm bảo độ ẩm ổn định. Môi trường bảo quản này thích hợp để bảo quản thực phẩm không đóng gói có độ ẩm cao (ví dụ: rau diếp, rau củ, trái cây).

Độ ẩm trong ngăn chứa phụ thuộc vào độ ẩm của hàng hóa đông lạnh được đặt bên trong, và cũng phụ thuộc vào tần suất mở ngăn. Bạn có thể điều chỉnh mức độ ẩm.

Sắp xếp thực phẩm đúng cách Bảo

quản trái cây và rau củ không đóng gói.

Nếu độ ẩm quá cao:

Điều chỉnh độ ẩm.

5.3.2 An toàn cho thịt và sữa



Tủ bảo quản này tạo ra môi trường bảo quản ở nhiệt độ gần 0 °C. Môi trường bảo quản này phù hợp với các loại thực phẩm dễ hư hỏng (ví dụ: các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, xúc xích).

Sắp xếp thực phẩm đúng cách Bảo

quản thực phẩm khô hoặc đóng gói.

5.4 Ngăn đá

Tại đây, môi trường bảo quản khô và lạnh được tạo ra ở nhiệt độ -18 °C. Môi trường bảo quản lạnh này thích hợp để bảo quản thực phẩm đông lạnh trong vài tháng, làm đá viên hoặc đông lạnh thực phẩm tươi sống.

5.4.1 Đông lạnh thực phẩm

Khối lượng đông lạnh:

Lượng thực phẩm tươi tối đa mà bạn có thể đông lạnh trong vòng 24 giờ được ghi rõ trên nhãn sản phẩm (xem nhãn Model 10.5) ở mục "Dung lượng đông lạnh ... kg/24h".

Để đảm bảo thực phẩm đông lạnh nhanh chóng, hãy tuân thủ khối lượng sau đây cho mỗi gói: - Rau quả: tối đa 1 kg

- Thịt: tối đa 2,5 kg

Làm đông thực phẩm bằng SuperFrost Tùy

thuộc vào số lượng thực phẩm cần đông lạnh, bạn có thể kích hoạt SuperFrost trước khi đông lạnh để đạt được nhiệt độ đông lạnh thấp hơn. (xem SuperFrost) Kích hoạt

SuperFrost nếu lượng thực phẩm bạn cần đông lạnh

Khối lượng đông lạnh lớn hơn khoảng 2 kg.

Thời điểm kích hoạt SuperFrost phụ thuộc vào lượng thực phẩm bạn cần đông lạnh:

Số lượng đông lạnh	Thời điểm bạn nên kích hoạt SuperFrost
Một lượng nhỏ thực phẩm để đông lạnh	Kích hoạt SuperFrost khoảng 6 tiếng trước khi đông lạnh. Ngay khi thiết bị tự động tắt chức năng SuperFrost, bạn có thể cho thức ăn vào lò nướng từ phía sau.
Lượng thực phẩm tối đa được phép đông lạnh	Kích hoạt SuperFrost khoảng 24 giờ trước khi đông lạnh. Ngay khi thiết bị tự động tắt chức năng SuperFrost, bạn có thể cho thức ăn vào lò nướng từ phía sau.

Sắp xếp thức ăn của bạn một cách hợp lý



CẢNH BÁO:

Nguy cơ bị thương do mảnh kính vỡ!

Các chai và lon đựng đồ uống có thể bị vỡ trong quá trình đông lạnh.

Điều này đặc biệt áp dụng cho các loại đồ uống có ga. Chỉ

đông lạnh chai và lon đựng đồ uống nếu bạn đã kích hoạt chức năng BottleTimer trong thiết bị thông minh.

Ứng dụng.

Số lượng đông lạnh	Sắp xếp thức ăn của bạn một cách hợp lý
Số lượng đông lạnh nhỏ	Đặt thực phẩm đóng gói vào ngăn kéo trượt phía trên.
Số lượng đông lạnh tối đa	Phân bổ thực phẩm đã đóng gói vào các ngăn kéo trượt.

5.4.2 Rã đông thực phẩm



CẢNH BÁO Nguy

cơ ngộ độc thực phẩm!

Không đông lạnh lại thực phẩm đã rã

đông. Sử dụng thực phẩm đã rã đông càng sớm càng tốt.

Bạn có thể rã đông thực phẩm bằng nhiều cách: -

Trong ngăn mát tủ lạnh - Trong lò vi

sóng - Trong lò nướng/lò

nướng có quạt đối lưu - Ở nhiệt độ phòng

Chỉ lấy ra lượng thực phẩm

cần thiết.

5.5 Thời gian lưu trữ

Vui lòng tham khảo thời gian bảo quản được chỉ định để biết thêm chi tiết.

Đối với các loại thực phẩm có hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao bì vẫn được áp dụng.

5.5.1 Khu vực tủ lạnh

Luôn luôn tuân thủ hạn sử dụng ghi trên bao bì.

5.5.2 BioFresh

Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong hướng dẫn an toàn thịt và sữa.		
Bơ	ở 1 °C	tối đa 90 ngày
Phô mai cứng	ở 1 °C	tối đa 110 ngày
Sữa	ở 1 °C	tối đa 12 ngày
Xúc xích, thịt nguội ở 1 °C		tối đa 8 ngày
Gia cầm	ở 1 °C	tối đa 6 ngày
Thịt lợn	ở 1 °C	tối đa 6 ngày
Thịt bò	ở 1 °C	tối đa 6 ngày
Trò chơi	ở 1 °C	tối đa 6 ngày

Lưu ý

Hãy nhớ rằng thực phẩm giàu protein sẽ nhanh hỏng hơn; động vật có vú và giáp xác không thể được lâu như cá, và cá không thể được lâu như thịt.

Thời gian bảo quản khuyến nghị đối với rau quả.

An toàn

Rau củ, salad

Thời gian bảo quản khuyến nghị đối với rau quả. An toàn		
Atiso	ở 1 °C	tối đa 14 ngày
Cần tây	ở 1 °C	tối đa 28 ngày
Súp lơ	ở 1 °C	tối đa 21 ngày
Bông cải xanh	ở 1 °C	tối đa 13 ngày
Rau diếp xoăn	ở 1 °C	tối đa 27 ngày
Rau xà lách	ở 1 °C	tối đa 19 ngày
Đậu Hà Lan	ở 1 °C	tối đa 14 ngày
Khác	ở 1 °C	tối đa 14 ngày
Cà rốt	ở 1 °C	tối đa 80 ngày
Tỏi	ở 1 °C	tối đa 160 ngày
Củ cải	ở 1 °C	tối đa 14 ngày
Rau xà lách	ở 1 °C	tối đa 13 ngày
Thảo dược	ở 1 °C	tối đa 13 ngày
Tỏi tây	ở 1 °C	tối đa 29 ngày
Nấm	ở 1 °C	tối đa 7 ngày
Củ cải	ở 1 °C	tối đa 10 ngày
cải Brussels	ở 1 °C	tối đa 20 ngày
Măng tây	ở 1 °C	tối đa 18 ngày
Rau chân vịt	ở 1 °C	tối đa 13 ngày
Savoy	ở 1 °C	tối đa 20 ngày
Hoa quả		
Quả mơ	ở 1 °C	tối đa 13 ngày
Táo	ở 1 °C	tối đa 80 ngày
Lê	ở 1 °C	tối đa 55 ngày
Quả mâm xôi	ở 1 °C	tối đa 3 ngày
Ngây tháng	ở 1 °C	tối đa 180 ngày
Dâu tây	ở 1 °C	tối đa 7 ngày
Quả sung	ở 1 °C	tối đa 7 ngày
Quả việt quất	ở 1 °C	tối đa 9 ngày
Quả mâm xôi	ở 1 °C	tối đa 3 ngày
Nho khô	ở 1 °C	tối đa 7 ngày
Anh đào ngọt	ở 1 °C	tối đa 14 ngày
Ngọt New Zealand	ở 1 °C	tối đa 80 ngày
Đào	ở 1 °C	tối đa 13 ngày
Mận	ở 1 °C	tối đa 20 ngày
Nam việt quất	ở 1 °C	tối đa 60 ngày
Đại hoàng	ở 1 °C	tối đa 13 ngày
Quả lý gai	ở 1 °C	tối đa 13 ngày
Quả nho	ở 1 °C	tối đa 29 ngày

5.5.3 Ngăn đá

Thời gian bảo quản khuyến nghị cho các loại thực phẩm khác nhau		
Kem	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Xúc xích, giăm bông	ở -18 °C	2 đến 3 tháng

Thời gian bảo quản khuyến nghị cho các loại thực phẩm khác nhau		
Bánh mì, các loại bánh nướng ở nhiệt độ -18 °C	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Thịt thú rừng, thịt lợn	ở -18 °C	6 đến 9 tháng
Cá béo	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Cá nạc	ở -18 °C	6 đến 8 tháng
Phô mai	ở -18 °C	2 đến 6 tháng
Gia cầm, thịt bò	ở -18 °C	6 đến 12 tháng
Rau củ, trái cây	ở -18 °C	6 đến 12 tháng

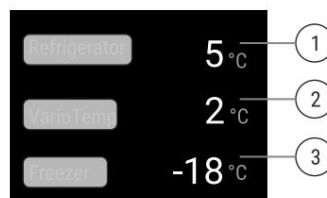
6. Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý đến việc thông gió tốt. Không che chắn các khe thông gió. Lỗ hoặc lưới.
- Luôn giữ cho các khe thông gió của quạt luôn thông thoáng.
- Không đặt thiết bị dưới ánh nắng trực tiếp hoặc gần các thiết bị phát bức xạ. máy sưởi hoặc các nguồn nhiệt tương tự.
- Nếu thiết bị được đặt ngay cạnh lò nướng, Mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Điều này là tùy thuộc vào tuổi thọ và cường độ sử dụng của sản phẩm.
lò vi sóng.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt các yếu tố, ví dụ như nhiệt độ môi trường xung quanh (xem mục 2.5 Thiết bị). Nhiệt độ môi trường xung quanh ấm hơn có thể Tăng mức tiêu thụ năng lượng.
- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ càng thấp thì năng lượng càng cao sự tiêu thụ.
- Phân loại thực phẩm của bạn: home.liebherr.com/food.
- Luôn đóng gói và đậy kín thức ăn. Điều này giúp ngăn ngừa...
Ngăn chặn sự hình thành sương giá.
- Chỉ lấy thức ăn ra trong thời gian cần thiết để nó Không nóng lên quá nhiều.
- Cho thức ăn nóng vào: để nguội đến nhiệt độ phòng.
Thiên nhiên là trên hết.
- Rã đông thực phẩm đông lạnh trong tủ lạnh.
- Đối với các kỳ nghỉ dài ngày, hãy sử dụng Chế độ Nghỉ lễ.
(xem Chế độ Nghỉ lễ) .

7 nút điều khiển

7.1 Điều khiển và màn hình hiển thị

7.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình 7. Màn hình hiển thị trạng thái cho thấy nhiệt độ thực tế.

- (1) Nhiệt độ ngăn tủ lạnh (2) Nhiệt độ ngăn đông lạnh-
màn hình hiển thị thiên nhiên màn hình hiển thị hình ảnh
(2) VarioTempZone
hiển thị nhiệt độ








Màn hình hiển thị trạng thái hiển thị nhiệt độ thực tế và là...

Màn hình hiển thị ban đầu. Việc điều hướng đến các chức năng diễn ra từ ở đó.

7.1.2 Biểu tượng hiển thị

Các biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về ứng dụng hiện tại.
tình trạng tài chính:

Điều khiển

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị:
	Chế độ chờ. Thiết bị hoặc vùng nhiệt độ đã tắt.
	Màn hình nhấp nháy hiển thị "Thiết bị đang hoạt động". Nhiệt độ sẽ nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt.
	
	Biểu tượng nhấp nháy cho thấy thiết bị đang hoạt động. Cài đặt đã được thực hiện.
	
	Chữ "D" trên màn hình hiển thị trạng thái cho biết chế độ Demo đang hoạt động.
	Biểu tượng WLAN trên màn hình trạng thái cho biết WLAN đang hoạt động.

7.2 Chức năng của thiết bị

7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập sẵn tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động hoàn hảo.

Trước khi thay đổi, kích hoạt hoặc vô hiệu hóa các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Bạn

đã đọc và hiểu mô tả về cách hoạt động của màn hình. (xem mục 3 Chức năng của màn hình cảm ứng và vuốt) Bạn đã làm quen với các yếu tố vận hành và hiển thị của thiết bị.



Tắt và bật thiết bị.

Sử dụng chức năng này để bật và tắt toàn bộ thiết bị.

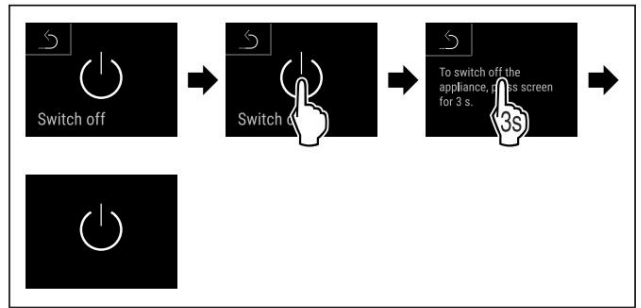
Tắt thiết bị Khi bạn tắt thiết

bị, các cài đặt đã lưu trước đó sẽ được lưu lại.

Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Hướng dẫn xử lý (xem mục 11 Tắt máy) được thực hiện ngoài.



Hình 8



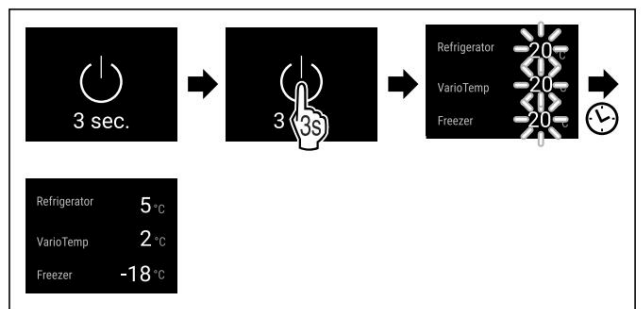
Hình 9

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Thiết bị đã được tắt. Biểu tượng chế độ chờ xuất hiện trên màn hình. Màn hình chuyển sang màu đen.

Bật thiết bị

Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ:

Chạm nhẹ vào màn hình.



Hình 10. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Khi thiết bị khởi động ở chế độ demo: Tắt chế độ demo. (xem Tắt chế độ demo) Thiết bị được bật. Các cài đặt trước đó được khôi phục.

Thiết bị làm mát đến nhiệt độ mục tiêu đã cài đặt.

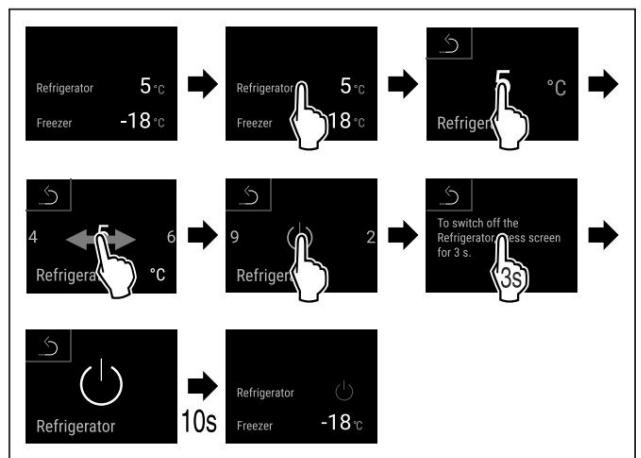


Bật/tắt vùng nhiệt độ

Bạn có thể tắt các vùng nhiệt độ của thiết bị một cách độc lập.

Tắt ngăn lạnh. Hãy đảm bảo đáp ứng các

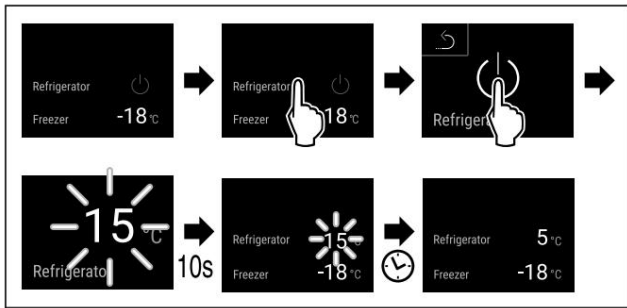
yêu cầu sau: Ngăn lạnh đã được làm trống.



Hình 11. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Ngăn lạnh đã được tắt.

Bật ngăn lạnh



Hình 12. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Ngăn lạnh đã được bật. Thiết bị làm lạnh đến nhiệt độ đã cài đặt lần cuối.

 WiFi

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể điều khiển thiết bị thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối WiFi.

Thông tin chi tiết hơn về SmartDevice: (xem mục 2.4 SmartDevice)

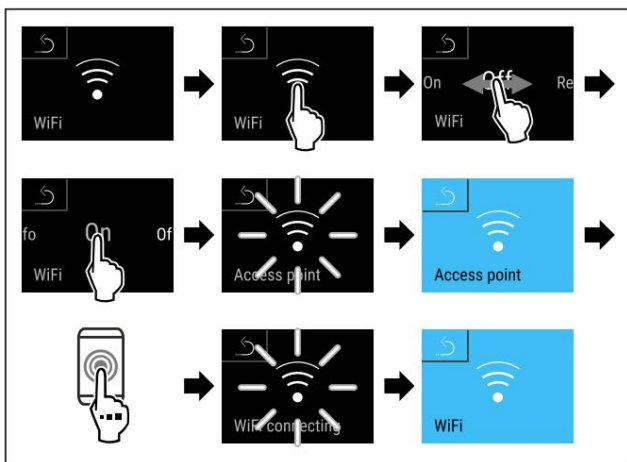
Ghi chú

Chức năng SmartDevice không khả dụng tại các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Thiết lập kết nối WiFi lần đầu tiên Hãy đảm bảo rằng các yêu cầu sau đã được đáp ứng: Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem apps.home.liebherr.com). Quá trình đăng ký trên ứng dụng SmartDevice đã hoàn tất.



Hình 13



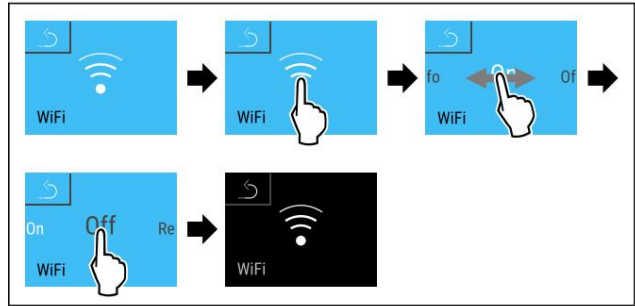
Hình 14

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Kết nối đã được thiết lập.

Ngắt kết nối khỏi WiFi



Hình 15



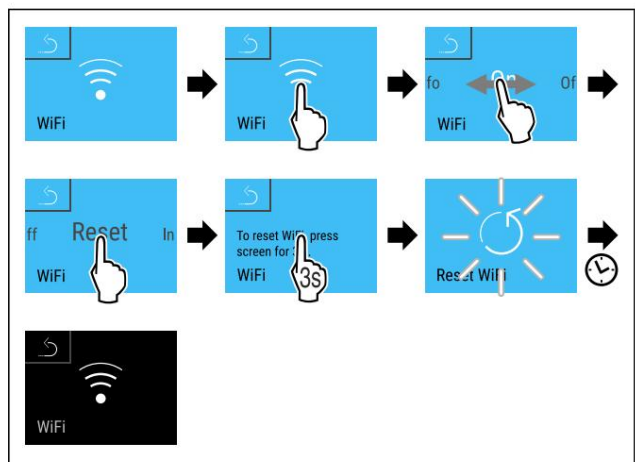
Hình 16

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Không có kết nối.

Khôi phục kết nối WiFi



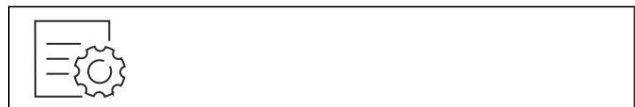
Hình 17



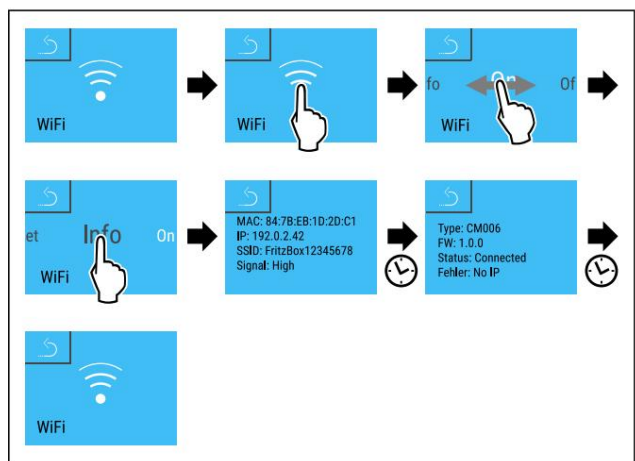
Hình 18

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Kết nối WiFi và các cài đặt WiFi khác được khôi phục về cài đặt gốc.

Hiển thị thông tin về kết nối WiFi



Hình 19



Hình 20

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Điều khiển

5 °C

Nhiệt độ sử dụng

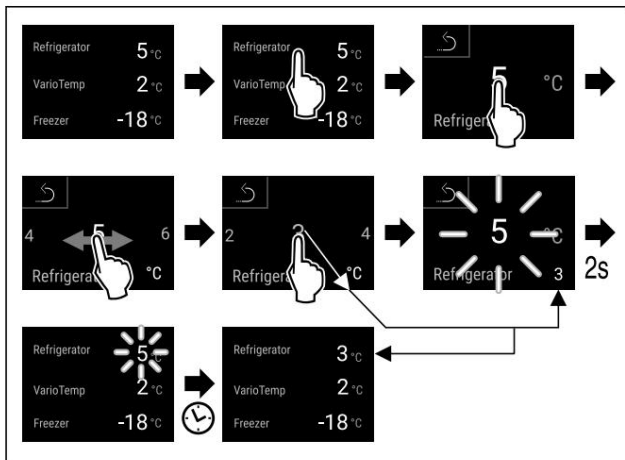
chức năng này để thiết lập nhiệt độ.

Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Tần suất mở cửa
- Thời gian mở cửa
- Nhiệt độ phòng tại vị trí lắp đặt
- Loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm

Vùng nhiệt độ	Nhiệt độ được cài đặt sẵn tại nhà máy	Cài đặt được đề xuất
5 °C Ngăn tủ lạnh	4 °C	4 °C
-18 °C Khu vực đông lạnh	-18 °C	-18 °C
0 °C BioFresh	0 °C	Giá trị B (xem BioFresh B-) Giá trị)
-18 °C VarioTempZone	-18 °C	Tùy thuộc vào VarioTempZone (xem mục 2.3.1 VarioTempZone)

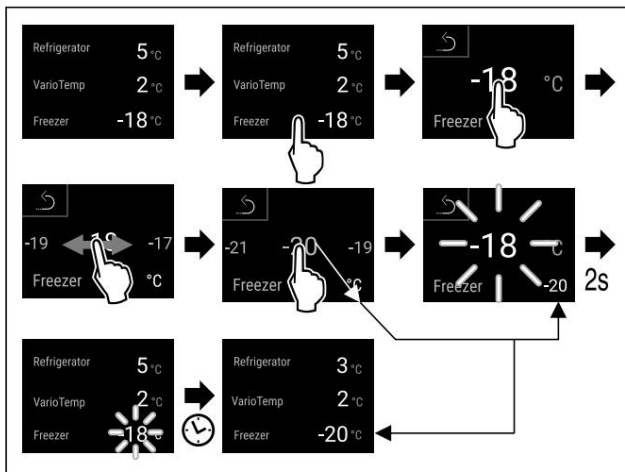
Cài đặt nhiệt độ trong ngăn tủ lạnh



Hình 21. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Nhiệt độ đã được thiết lập.

Cài đặt nhiệt độ trong ngăn đá.



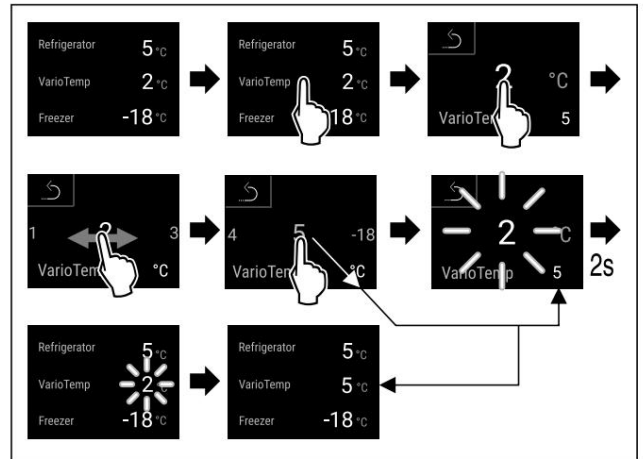
Hình 22. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Nhiệt độ đã được thiết lập.

Cài đặt nhiệt độ trong BioFresh. Cài

đặt nhiệt độ bằng cách sử dụng giá trị B của BioFresh. (xem Giá trị B của BioFresh)

Thiết lập nhiệt độ trong VarioTempZone



Hình 23. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Nhiệt độ đã được thiết lập.

°C/°F

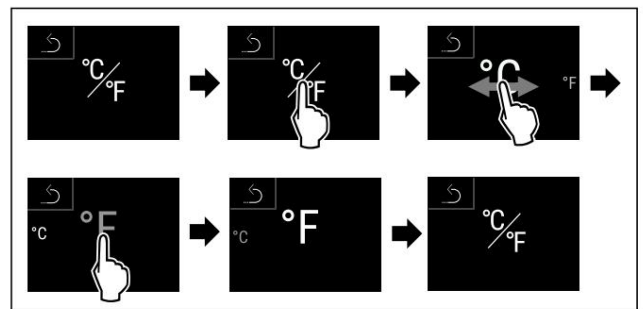
Đơn vị nhiệt độ

Sử dụng chức năng này để thiết lập đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể chọn độ C hoặc độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Cài đặt đơn vị nhiệt độ



Hình 24



Hình 26. Ví dụ minh họa: Chuyển đổi từ độ C sang độ F.

Thực hiện các bước thao

tác theo hình minh họa. Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.

°C

Giá trị B của BioFresh

Sử dụng chức năng này để thiết lập giá trị B của BioFresh. Với giá trị B của BioFresh, bạn có thể điều chỉnh nhiệt độ BioFresh ấm hơn hoặc lạnh hơn một chút nếu cần thiết do nhiệt độ môi trường xung quanh cao hơn hoặc thấp hơn. Giá trị B của BioFresh được cài đặt sẵn là B5 khi giao hàng. Nếu bạn thay đổi giá trị B, hãy tham khảo bảng sau:

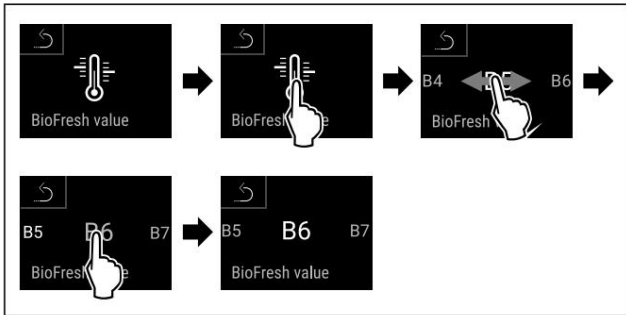
Mô tả giá trị	
B1	Nhiệt độ thấp nhất

Mô tả giá trị B1-B4	
Nhiệt độ có thể giảm xuống dưới 0 °C, nghĩa là thực phẩm có thể dễ dàng bị đông đá.	
B5	Nhiệt độ cài đặt sẵn
B9	Nhiệt độ cao nhất

Thiết lập giá trị B của BioFresh



Hình 27



Hình 29 Minh họa ví dụ: Chuyển từ B5 sang B6. Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Giá trị B của BioFresh đã được thiết lập. Màn hình hiển thị trạng thái cho thấy nhiệt độ mục tiêu.

Siêu ngàu

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc tắt chế độ Siêu Làm Lạnh. Nếu chế độ Siêu Làm Lạnh được kích hoạt, thiết bị sẽ tăng công suất làm lạnh. Điều này cho phép bạn đạt được nhiệt độ làm lạnh thấp hơn. Bạn có thể kích hoạt chế độ Siêu Làm Lạnh khi muốn làm lạnh nhanh một lượng lớn thực phẩm.

Nhiệt độ trong vùng VarioTempZone vẫn giữ nguyên như đã cài đặt trước. Chức năng SuperCool đang hoạt động không ảnh hưởng đến Vario-TempZone.

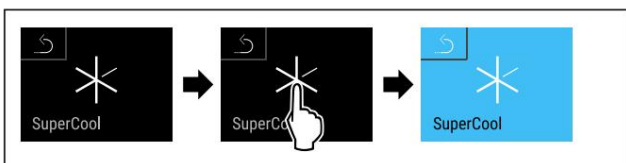
Nếu chức năng này được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể tạm thời lớn hơn và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

Kích hoạt SuperCool. Thời gian kích hoạt chức năng:

- Khi bạn muốn bảo quản thực phẩm tươi sống trong ngăn mát tủ lạnh: Kích hoạt chức năng này khi cho thực phẩm vào.



Hình 30



Hình 31

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-hoặc-

Kích hoạt bằng ứng dụng SmartDevice.

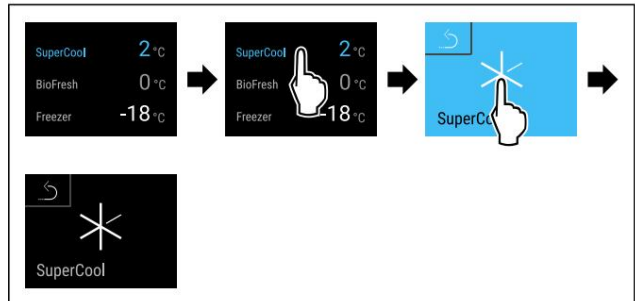
SuperCool đã được kích hoạt.

Màn hình hiển thị nhiệt độ chuyển sang màu xanh lam.

Tắt SuperCool: SuperCool sẽ

tự động tắt sau 18 giờ.

Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SuperCool thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 32. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-hoặc-

Vô hiệu hóa bằng ứng dụng SmartDevice.

Chức năng SuperCool đã bị tắt.

Thiết bị tiếp tục hoạt động ở chế độ bình thường.

Thiết bị làm mát đến nhiệt độ đã được cài đặt trước đó.

SuperFrost

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc tắt chế độ SuperFrost. Nếu SuperFrost được kích hoạt, thiết bị sẽ tăng khả năng làm đông. Điều này cho phép bạn đạt được nhiệt độ đông thấp hơn.

Ứng dụng: -

Làm đông lạnh nhanh thực phẩm tươi sống đến tận lõi.

Điều này đảm bảo giữ nguyên giá trị dinh dưỡng, hình thức và hương vị của thực phẩm đông lạnh.

- Tăng lượng dự trữ lạnh trong thực phẩm đông lạnh trước khi rã đông thiết bị.

Nhiệt độ trong vùng VarioTempZone bị ảnh hưởng bởi việc kích hoạt chức năng SuperFrost miễn là vùng VarioTempZone được đặt trong khoảng từ -12 °C đến -18 °C. Nếu nhiệt độ của vùng VarioTempZone nằm trong phạm vi nhiệt độ này, chức năng SuperFrost sẽ được kích hoạt cho vùng VarioTempZone.

Nếu nhiệt độ được cài đặt cao hơn -12 °C, vùng VarioTemp-Zone sẽ không bị ảnh hưởng bởi SuperFrost.

Nếu chức năng này được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể tạm thời lớn hơn và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

Nếu cửa tủ lạnh mở quá lâu, ví dụ như khi bạn cho thức ăn vào, thiết bị sẽ tự động kiểm tra xem nhiệt độ thực tế bên trong thiết bị có khớp với nhiệt độ cài đặt hay không. Nếu chênh lệch vượt quá một giá trị nhất định, thiết bị sẽ tự động làm lạnh mạnh hơn. Do đó, nhiệt độ hiển thị trên màn hình có thể cao hơn nhiệt độ thực tế bên trong thiết bị. Điều này là bình thường và thiết bị của bạn đang hoạt động chính xác.

Kích hoạt SuperFrost Hủy

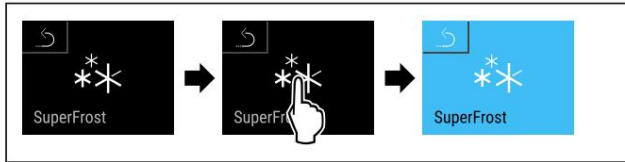
đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Cần tính đến lượng thực phẩm

đông lạnh và thời gian kích hoạt SuperFrost. (xem phần Đông lạnh thực phẩm bằng SuperFrost)



Hình 33

Điều khiển



Hình 34

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

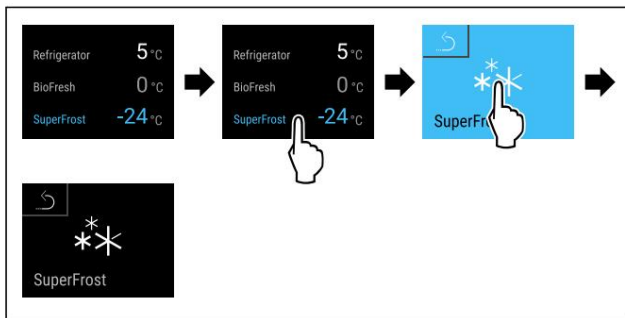
-hoặc-

Kích hoạt bằng ứng dụng SmartDevice.

Chức năng SuperFrost đã được kích hoạt. Màn hình hiển thị nhiệt độ chuyển sang màu xanh lam.

Tắt SuperFrost: Chức năng

SuperFrost sẽ tự động tắt sau 56 đến 72 giờ tùy thuộc vào lượng thực phẩm được cho vào. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SuperFrost thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 35. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-hoặc-

Tắt bằng ứng dụng SmartDevice. Chức năng

SuperFrost đã bị tắt. Thiết bị tiếp tục hoạt động ở chế độ bình thường. Thiết bị làm mát đến nhiệt độ đã được cài đặt trước đó.



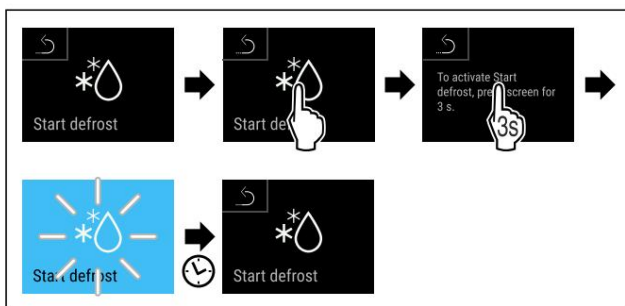
Bắt đầu chu trình rã đông

Sử dụng chức năng này để khởi động chu trình rã đông tự động theo cách thủ công nếu chu trình không tự động khởi động trong trường hợp xảy ra lỗi.

Bắt đầu chu trình rã đông



Hình 36



Hình 37

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chu trình rã đông đã bắt đầu: Biểu tượng nhấp nháy cho đến khi quá trình rã đông hoàn tất. Chu trình được hoàn tất tự động.

Khi chu trình rã đông hoàn tất: Thiết bị tiếp tục hoạt động ở chế độ bình thường.

Hủy chu trình rã đông: Chu trình

rã đông sẽ tự động dừng lại. Tuy nhiên, bạn cũng có thể hủy chu trình rã đông bất cứ lúc nào trong quá trình rã đông:



Hình 38

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chu trình rã đông bị hủy bỏ. Thiết bị tiếp tục hoạt động ở chế độ bình thường.



Thời trang dự tiệc

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc tắt Chế độ Tiệc tùng. Chế độ Tiệc tùng kích hoạt nhiều chức năng hữu ích cho một bữa tiệc.

Chế độ PartyMode kích hoạt các chức năng sau: - SuperCool

(xem SuperCool)

- SuperFrost (xem SuperFrost)

- Trung tâm Nước & Đá với MaxIce (xem Nước & Đá)

(Trung tâm / Máy làm đá)

- Đèn tạo không khí

Bạn có thể điều chỉnh tất cả các chức năng được liệt kê một cách riêng lẻ và linh hoạt. Khi bạn tắt PartyMode, tất cả các thay đổi sẽ bị hủy bỏ.

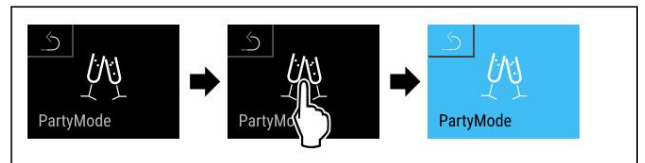
Nếu chức năng này được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể tạm thời lớn hơn và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

Kích hoạt Chế độ Tiệc tùng

Hãy đảm bảo các yêu cầu sau được đáp ứng: Trung tâm Nước & Đá đang hoạt động. (xem mục 4.3 Khởi động Trung tâm Nước & Đá)



Hình 39

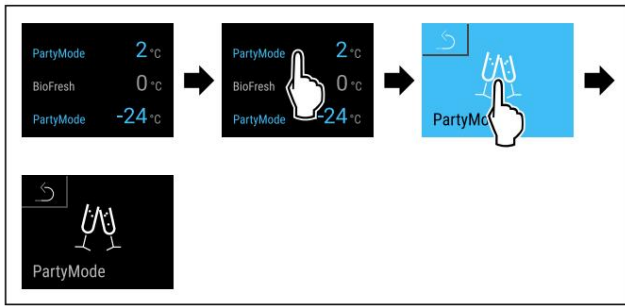


Hình 40

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chế độ PartyMode và các chức năng liên quan được kích hoạt. Màn hình hiển thị nhiệt độ chuyển sang màu xanh lam. Nhiệt độ hiện tại nhấp nháy cho đến khi đạt được nhiệt độ mục tiêu.

Tắt Chế độ Tiệc tùng Chế độ

Tiệc tùng sẽ tự động tắt sau 24 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt Chế độ Tiệc tùng thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 41. Ví dụ minh họa.

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chế độ PartyMode đã được tắt. Thiết bị làm mát đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó: Nhiệt độ hiện tại sẽ nhấp nháy cho đến khi đạt được nhiệt độ mục tiêu.



Chế độ nghỉ lễ

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc tắt Chế độ Nghỉ lễ. Nếu bạn kích hoạt Chế độ Nghỉ lễ, ngăn mát tủ lạnh sẽ được đặt ở nhiệt độ 15 °C. Điều này giúp tiết kiệm năng lượng trong thời gian bạn vắng nhà dài ngày và ngăn ngừa mùi khó chịu cũng như sự phát triển của nấm mốc.

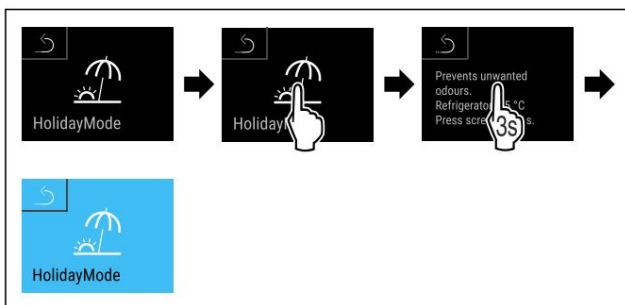
Trạng thái thiết bị khi Chế độ Nghỉ lễ được kích hoạt
Ngăn mát tủ lạnh làm lạnh đến 15 °C.
BioFresh làm mát đến 15 °C.
Nhiệt độ đã cài đặt được duy trì trong ngăn đá.
Chế độ PartyMode đã bị vô hiệu hóa.
Chức năng SuperCool đã bị vô hiệu hóa.
Trung tâm Nước và Băng đã ngừng hoạt động.

Kích hoạt Chế độ Nghỉ lễ

Làm trống hoàn toàn ngăn mát tủ lạnh. Làm trống hoàn toàn ngăn BioFresh. Làm trống hoàn toàn ngăn chứa đá.



Hình 42



Hình 43

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Chế độ Nghỉ lễ được kích hoạt. Màn hình hiển thị nhiệt độ chuyển sang màu xanh lam và hiển thị Chế độ Nghỉ lễ biểu tượng.

Tắt Chế độ Nghỉ Lễ Thực hiện

các bước theo hình minh họa. Chế độ Nghỉ Lễ đã được tắt. Thiết bị làm mát đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



Chế độ ngày Sa-bát

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc tắt Chế độ Sabbath. Nếu bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Kết quả là, thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo cho các ngày lễ của người Do Thái như ngày Sabbath và tuân thủ chứng nhận Kosher STAR-K.

Trạng thái thiết bị khi Chế độ Sabbath được kích hoạt
Màn hình hiển thị trạng thái luôn hiển thị Chế độ Sabbath.
Tất cả các chức năng trên màn hình đều bị khóa ngoại trừ chức năng Tắt Chế độ Ngày Sa-bát.
Các chức năng đang hoạt động vẫn tiếp tục hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Hệ thống chiếu sáng bên trong đã được tắt.
Chức năng nhắc nhở không được thực hiện. Khoảng thời gian đã thiết lập dừng lại.
Các lời nhắc nhở và cảnh báo không được hiển thị.
Không có chuông báo cửa.
Không có chức năng báo động nhiệt độ.
Trung tâm Nước và Đá đã ngừng hoạt động.
Chu trình rã đông chỉ hoạt động trong thời gian đã định, không tính đến mức tiêu thụ điện năng của thiết bị.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ tự động chuyển sang Chế độ Sabbath.

Trạng thái thiết bị

Ghi chú

Thiết bị này đã được chứng nhận bởi "Viện Khoa học và Luật Do Thái" (www.machonhalacha.co.il).

Bạn có thể tìm thấy danh sách các thiết bị gia dụng được chứng nhận STAR-K tại trang web www.star-k.org/appliances.

Kích hoạt Chế độ Ngày Sa-bát

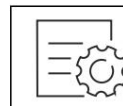


CẢNH BÁO:

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm do thực phẩm ôi thiu!

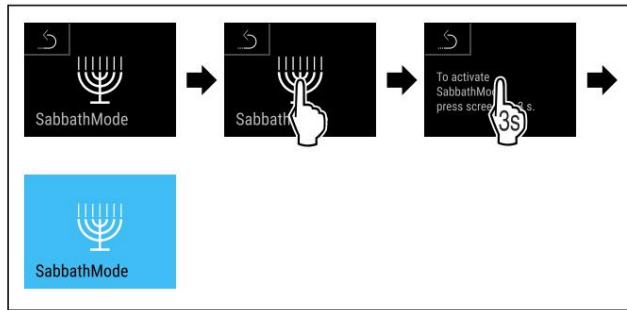
Nếu bạn đã kích hoạt Chế độ Sabbath và xảy ra sự cố mất điện, màn hình hiển thị trạng thái sẽ không hiển thị thông báo nào về sự cố mất điện. Sau khi có điện trở lại, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở Chế độ Sabbath. Sự cố mất điện có thể khiến thực phẩm bị hư hỏng và việc tiêu thụ thực phẩm này có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện: Không ăn thức ăn đã được đông lạnh và rã đông ngoài.



Hình 44

Điều khiển

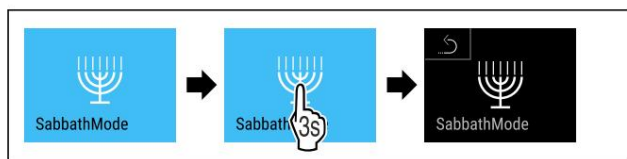


Hình 45

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Chế độ Sa-bát được kích hoạt. Màn hình hiển thị trạng thái luôn hiển thị Chế độ Sa-bát.

Tắt Chế độ Ngày Sa-bát Chế độ

Ngày Sa-bát sẽ tự động tắt sau 80 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt Chế độ Ngày Sa-bát thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 46

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Chế độ Sabbath Mode đã bị tắt.



Tiết kiệm năng lượng

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc tắt chế độ tiết kiệm năng lượng. Nếu chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt, mức tiêu thụ năng lượng sẽ giảm và nhiệt độ trong thiết bị sẽ tăng lên. Thực phẩm vẫn tươi ngon, nhưng thời hạn sử dụng sẽ ngắn hơn.

Nhiệt độ trong vùng VarioTempZone vẫn giữ nguyên như đã cài đặt trước. Chức năng EnergySaver đang hoạt động không ảnh hưởng đến Vario-TempZone.

Trạng thái thiết bị khi chế độ Tiết kiệm năng lượng được
kích hoạt: Đèn chiếu sáng trung tâm nước và đá (MoodLight) bị tắt
Tay nắm âm MoodLight đã bị vô hiệu hóa.*

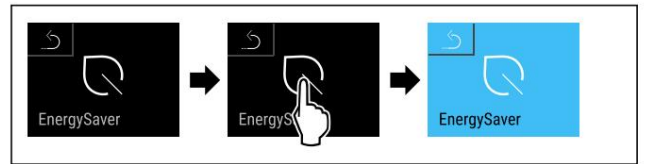
Vùng nhiệt độ	Cài đặt được khuyến nghị (xem phần Cài đặt nhiệt độ trong tủ lạnh)	Nhiệt độ với hoạt động Tiết kiệm năng lượng
5 °C Ngăn tủ lạnh	4 °C	7 °C
-18 °C Khu vực đông lạnh	-18 °C	-16 °C

Nhiệt độ

Kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng



Hình 47



Hình 48

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chế độ tiết kiệm năng lượng đã được kích hoạt.

Tắt chế độ tiết kiệm năng lượng

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Chế độ tiết kiệm năng lượng đã được tắt.



HydroBreeze* Bạn có

thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc tắt HydroBreeze. Nếu bạn kích hoạt chức năng này, HydroBreeze sẽ tạo ra một lớp sương mịn, mát, an toàn cho BioFresh. Điều này giúp kéo dài thời hạn sử dụng của rau xà lách, rau củ và trái cây không đóng gói có độ ẩm cao.

Nếu bạn kích hoạt chức năng này, HydroBreeze sẽ hoạt động mỗi 90 phút trong 4 giây khi cửa đóng. Khi bạn mở cửa, HydroBreeze sẽ hoạt động theo cài đặt đã thiết lập:

Mô tả	Giá trị
Chế độ	HydroBreeze sẽ hoạt động trong 4 giây khi cửa mở.
Chức năng	HydroBreeze sẽ hoạt động trong 6 giây khi cửa mở.
Chế độ	HydroBreeze tối đa sẽ hoạt động trong 8 giây khi cửa mở.
tắt	HydroBreeze đã bị vô hiệu hóa.

Thời gian hoạt động của HydroBreeze khi cửa mở

Kích hoạt HydroBreeze

Lưu ý:

Nếu bạn kích hoạt HydroBreeze nhưng không có thực phẩm trong ngăn kéo, hơi nước sẽ ngưng tụ ở đáy ngăn kéo. Chỉ kích hoạt HydroBreeze nếu bạn đang bảo quản thực phẩm trong ngăn kéo.

Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Máy HydroBreeze phải sạch

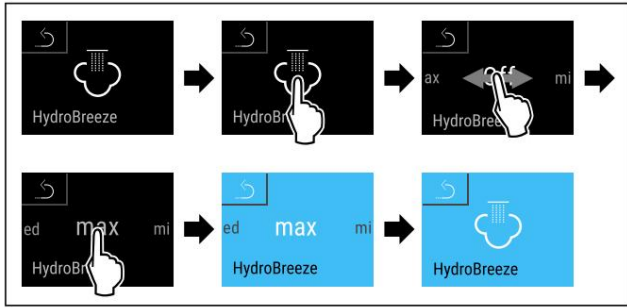
sẽ. (xem mục 9.8.5 Vệ sinh máy HydroBreeze)
Giò nhẹ*)

Bồn chứa nước đã đầy. (xem mục 8.5.1 Đổ đầy nước vào bồn chứa)

Kích hoạt HydroBreeze bằng cách chọn một giá trị cho Hydro-
Thời lượng gió:



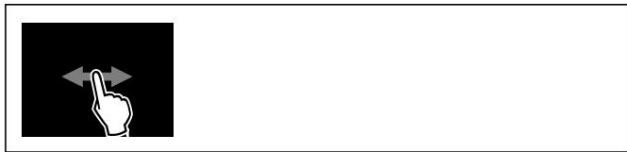
Hình 50



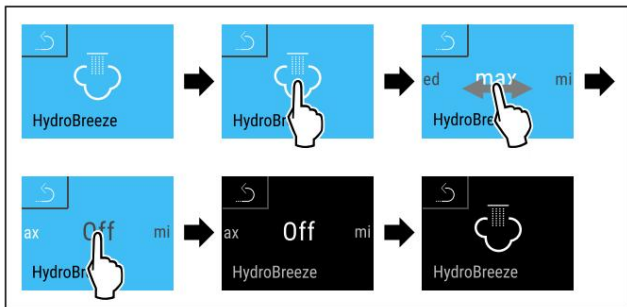
Hình 51. Ví dụ minh họa: Kích hoạt HydroBreeze với giá trị tối đa. Thực

hiện các bước thao tác theo hình minh họa. HydroBreeze đã được kích hoạt.

Tắt chế độ HydroBreeze



Hình 52



Hình 53. Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chức năng HydroBreeze đã bị vô hiệu hóa.

Cung cấp nước

Sử dụng chức năng này để thiết lập nguồn cấp nước. Nguồn cấp nước điều chỉnh lượng nước được cung cấp. Có thể thay đổi nguồn cấp nước nếu nó không phù hợp với áp suất nước và kích thước đá viên được phân phối.

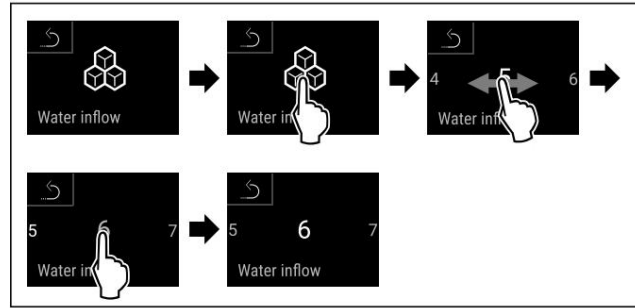
Nguồn cung cấp nước được cài đặt sẵn ở giá trị 4. Có thể chọn giá trị từ 1 (Lượng nước chảy vào nhỏ nhất) đến 8 (Lượng nước chảy vào lớn nhất).

Thiết lập nguồn cung cấp

nước. Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Trung tâm Nước & Đá đã được đưa vào hoạt động. (xem mục 4.3 Khởi động Trung tâm Nước & Đá) Trung tâm Nước & Đá đã được kích hoạt. (xem mục Kích hoạt) (Trung tâm Nước và Băng)



Hình 54



Hình 55. Ví dụ minh họa: Chuyển từ giá trị 5 sang giá trị 6.

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Hệ thống cấp nước đã được thiết lập.

Trung tâm Nước và Băng

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc vô hiệu hóa Trung tâm Nước & Đá ở cửa. Khi kích hoạt chức năng, bạn có thể sử dụng menu ở cửa để chọn đá viên, đá bào hoặc nước lạnh.

Các chức năng sau đây có sẵn:

Mô tả chức năng	Chức năng
	Khóa trẻ em Các chức năng riêng lẻ đã bị khóa, không thể phân phối sản phẩm.
	Đèn MoodLight Khu vực lấy sữa được chiếu sáng. Có thể điều chỉnh độ sáng bằng menu của thiết bị. (xem độ sáng MoodLight) * Khu vực lấy sữa và tay cầm âm được chiếu sáng. Có thể điều chỉnh độ sáng bằng menu của thiết bị. (xem độ sáng MoodLight) *
	Đá viên Phân phối đá viên (xem mục 7.3.5 Phân phối đá viên)
	Đá bào Cung cấp đá bào (xem mục 7.3.6 Cung cấp đá bào)
	Cấp nước (xem mục 7.3.7 Cấp nước)
	Chiết rót theo yêu cầu Chiết rót và phân phối theo yêu cầu (xem mục 7.3.9 Sử dụng chiết rót theo yêu cầu)

Trung tâm Nước và Băng hoạt động

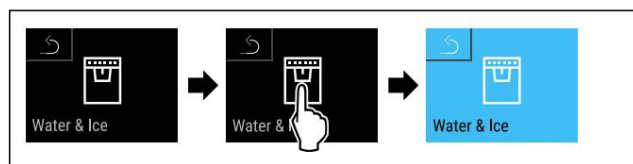
Kích hoạt Trung tâm Nước và Băng

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Nguồn cấp nước

được kết nối với mạng lưới cấp nước chính.

Kết nối. Xem thông tin người dùng kỹ thuật số.

Hệ thống nước đã được xả hết khí. (xem mục 4.3.1 Xả khí hệ thống nước)

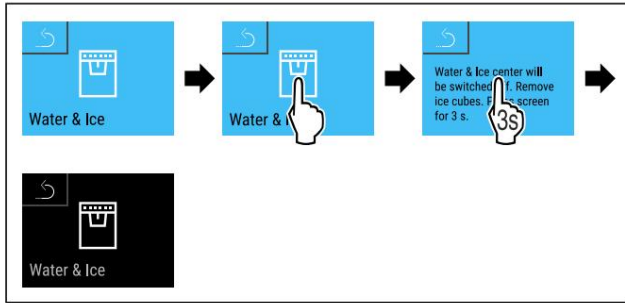


Hình 56

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Trung tâm Nước & Đá được kích hoạt.

Điều khiển

Ngừng hoạt động Trung tâm Nước và Băng



Hình 57

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Trung tâm Nước & Đá đã được tắt. Chức năng Đèn chiếu sáng vẫn hoạt động. Sử dụng hết đá viên.

-hoặc-

Làm trống hoàn toàn ngăn chứa đá.



Trung tâm Nước & Đá / Máy làm đá

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc vô hiệu hóa việc sản xuất đá viên cho Trung tâm Nước & Đá. Chức năng này được kích hoạt tự động khi Trung tâm Nước & Đá được kích hoạt. Nếu Trung tâm Nước & Đá bị vô hiệu hóa, chức năng này sẽ không hiển thị trong menu.

Với MaxIce, bạn có thể tăng lượng đá viên.

Thông tin chi tiết hơn về số lượng đá viên:	(Xem mục 10.1 Thông số kỹ thuật)
Thông tin thêm về nguồn cung cấp nước:	

Nếu chức năng này được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi hoạt động của thiết bị có thể tạm thời lớn hơn và mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng lên.

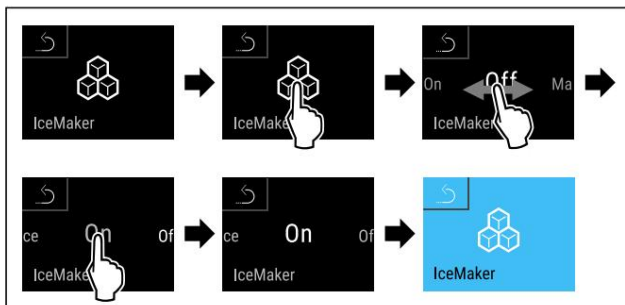
Kích hoạt máy làm đá Đảm bảo

đáp ứng các yêu cầu sau: Nguồn nước được kết nối với đường ống nước chính. Xem hướng dẫn lắp đặt hoặc hướng dẫn lắp ráp.

Trung tâm Nước và Đá được đưa vào hoạt động. (xem mục 4.3 Khởi động Trung tâm Nước và Đá) Trung tâm Nước và Đá được kích hoạt. (xem mục Kích hoạt) (Trung tâm Nước và Băng)



Hình 58



Hình 59

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

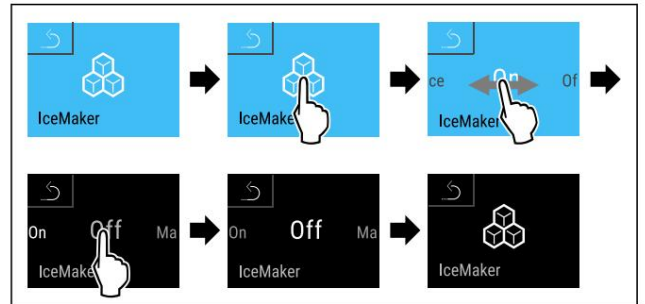
Máy làm đá đã được kích hoạt. Có thể mất đến 24 giờ trước khi Trung tâm Nước & Đá tạo ra những viên đá đầu tiên.

Tắt máy làm đá: Chức năng

này cho phép tắt quá trình sản xuất đá viên của Trung tâm Nước và Đá, ví dụ như vào mùa đông.



Hình 60



Hình 61

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Máy làm đá đã tắt. Sẽ không có đá viên mới nào

được tạo ra. Sử dụng hết đá viên.

-hoặc-

Làm trống hoàn toàn ngăn chứa đá. (xem mục 9.8.6 Vệ sinh Trung tâm Nước & Đá) Hết đá viên: Biểu tượng trên Trung

tâm Nước & Đá

Phần trung tâm nhấp nháy hai lần.

Lưu ý:

Bạn vẫn có thể lấy nước từ Trung tâm Nước và Đá.

Kích hoạt MaxIce: Với

MaxIce, bạn có thể tăng số lượng đá viên.

Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Trung tâm Nước và

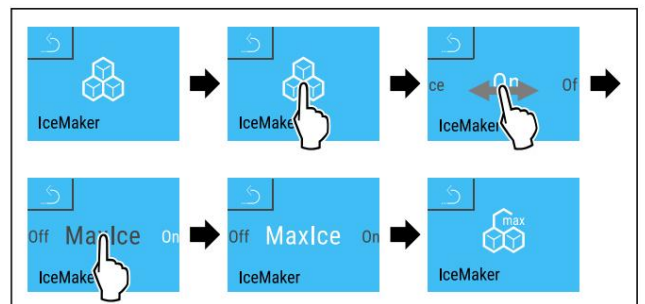
Đá đã được kích hoạt. (xem Nước và Đá)

(Trung

tâm) Máy làm đá đã được kích hoạt.



Hình 62



Hình 63

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. MaxIce đã được kích hoạt.

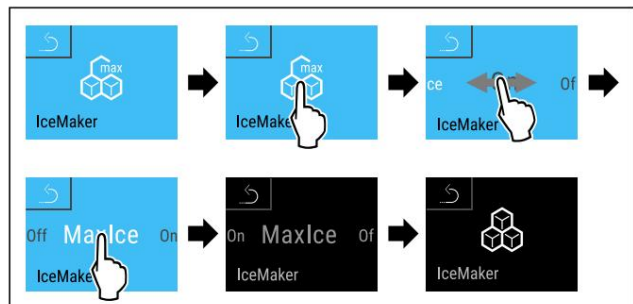
Tắt MaxIce: MaxIce sẽ

tự động bị tắt sau 48 giờ.

Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt MaxIce thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 64



Hình 65

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. MaxIce đã bị vô hiệu hóa. Quá trình sản xuất đá viên hiện tại đang được hoàn tất.

Chế độ làm sạch

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc tắt Chế độ Vệ sinh. Chế độ Vệ sinh cho phép bạn vệ sinh thiết bị một cách thuận tiện.

Cài đặt này áp dụng cho ngăn tủ lạnh.

Cách thực

hiện: - Vệ sinh ngăn mát tủ lạnh. (xem mục 9.8 Vệ sinh thiết bị)
- Dọn dẹp khu vực cung cấp nước và đá.

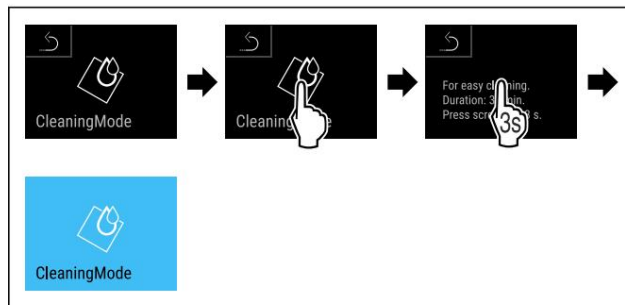
Trạng thái thiết bị khi Chế độ làm sạch đang hoạt động
Màn hình hiển thị trạng thái luôn hiển thị Chế độ làm sạch.
Ngăn lạnh đã được tắt.
Hệ thống đèn chiếu sáng bên trong đã được kích hoạt.
Các thông báo nhắc nhở và cảnh báo không được hiển thị. Không có âm báo hiệu.
Việc sản xuất đá tại Trung tâm Nước và Đá đã bị tạm ngừng.
Trung tâm Nước và Băng đã bị khóa.
Đèn trang trí MoodLight của Trung tâm Nước và Đá đã được kích hoạt.
Đèn MoodLight tích hợp trên tay cầm đã được tắt.*

Trạng thái thiết bị

Kích hoạt Chế độ Làm sạch



Hình 66



Hình 67

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Chế độ làm sạch được kích hoạt. Màn hình hiển thị trạng thái luôn hiển thị Chế độ làm sạch. Tháo ngăn chứa đá. Vứt bỏ đá viên.

-hoặc-

Bảo quản đá viên trong ngăn đông khi Chế độ làm sạch được kích hoạt.

Vệ sinh ngăn chứa đá (xem phần Vệ sinh ngăn chứa đá) rồi lắp vào.

Tắt Chế độ Làm sạch Chế độ Làm

sạch sẽ tự động tắt sau 30 phút. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt Chế độ Làm sạch thủ công bất cứ lúc nào:



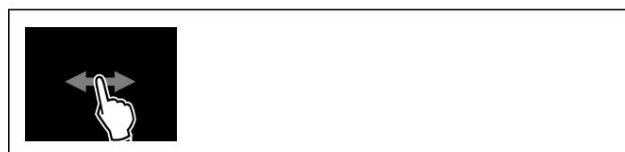
Hình 68

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chế độ làm sạch đã được tắt. Thiết bị nguội đến nhiệt độ đã được cài đặt trước đó.

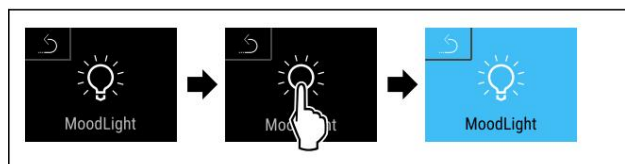
MoodLight*

Sử dụng chức năng này để kích hoạt đèn MoodLight. Chức năng này áp dụng cho các tay nắm âm trên ngăn kéo tủ đông.

Kích hoạt MoodLight



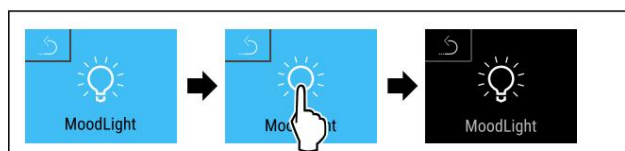
Hình 69



Hình 70

Thực hiện các bước theo hình minh họa. MoodLight đã được kích hoạt.

Tắt MoodLight



Điều khiển

Hình 71

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Chức năng MoodLight đã được tắt.



Độ sáng của MoodLight

Sử dụng chức năng này để điều chỉnh độ sáng của đèn MoodLight theo từng mức. Chức năng này áp dụng cho khu vực lấy nước và đá của máy làm lạnh nước.*

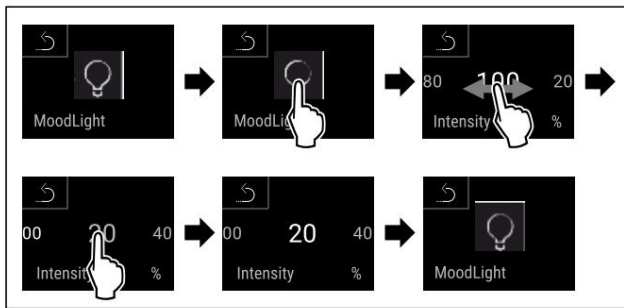
Sử dụng chức năng này để điều chỉnh độ sáng của đèn MoodLight theo từng mức. Chức năng này áp dụng cho các tay nắm âm trên ngăn kéo và khu vực lấy nước của máy làm lạnh nước đá.*

Bạn có thể chọn các mức độ sáng sau: - 20% - 40% - 60% - 80% - 100% = cài đặt sẵn

Điều chỉnh độ sáng



Hình 72



Hình 73. Ví dụ minh họa: Chuyển từ 100% xuống 20%.

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Độ sáng đã được thiết lập.



Độ sáng màn hình

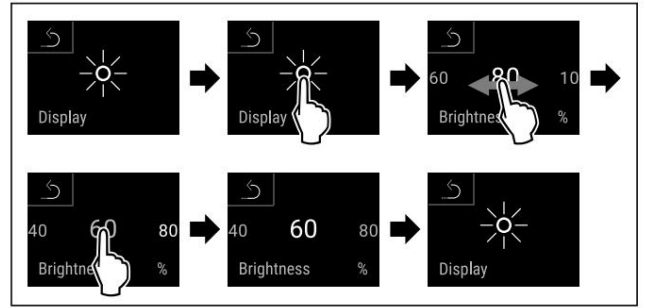
Sử dụng chức năng này để điều chỉnh độ sáng màn hình theo từng giai đoạn.

Bạn có thể chọn các mức độ sáng sau: - 40% - 60% - 80% - 100% (cài đặt sẵn)

Điều chỉnh độ sáng



Hình 74



Hình 75. Ví dụ minh họa: Chuyển từ 80% xuống 60%.

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Độ sáng đã được thiết lập.

H Giá trị H

Bạn có thể sử dụng chức năng này để bật chế độ sưởi chống ngưng tụ của thiết bị nếu có hiện tượng ngưng tụ hơi nước xung quanh ngăn lạnh hoặc ngăn đông. Hiện tượng ngưng tụ có thể xảy ra trong điều kiện độ ẩm cao và nhiệt độ môi trường thấp.

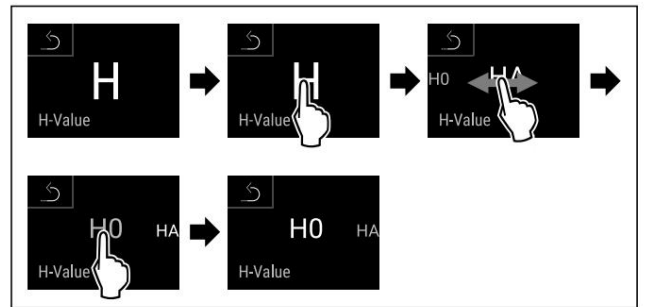
Giá trị H được đặt mặc định là HA khi giao hàng. Nếu bạn muốn thay đổi giá trị H, vui lòng tham khảo bảng sau:

Giá trị	Mô tả: Điều
HA	khiến tự động tùy thuộc vào độ ẩm và nhiệt độ môi trường. Chức năng sưởi chống ngưng tụ được
H0	tắt.

Thiết lập giá trị H



Hình 76



Hình 77 Minh họa ví dụ: Chuyển từ HA sang H0. Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Giá trị H đã được thiết lập.



Do báo động

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc vô hiệu hóa báo động cửa.

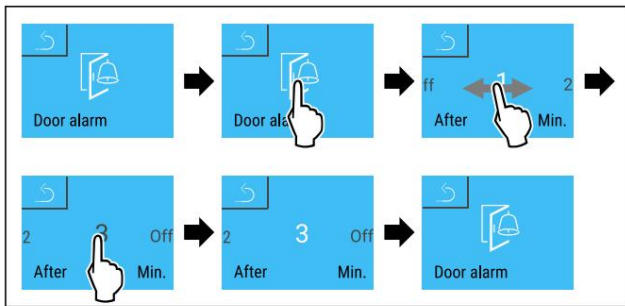
Chuông báo cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo cửa được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể thiết lập thời gian tối đa cửa được phép mở trước khi chuông báo cửa kêu.

Bạn có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút - 2 phút - 3 phút - Tắt

Cài đặt báo động cửa



Hình 78



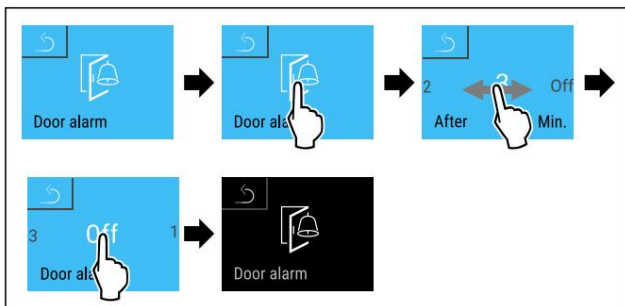
Hình 79. Ví dụ minh họa: Thay đổi thời gian báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút. Thực hiện

các bước thao tác theo hình minh họa. Thời gian báo động cửa đã được thiết lập.

Tắt báo động cửa



Hình 80



Hình 81

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chương báo cửa đã được tắt.



Khóa trẻ em

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc vô hiệu hóa khóa trẻ em. Khóa trẻ em ngăn chặn việc thiết bị bị vận hành ngoài ý muốn, ví dụ như bởi trẻ em.

Ứng dụng: -

Tránh việc vô tình thay đổi chức năng.

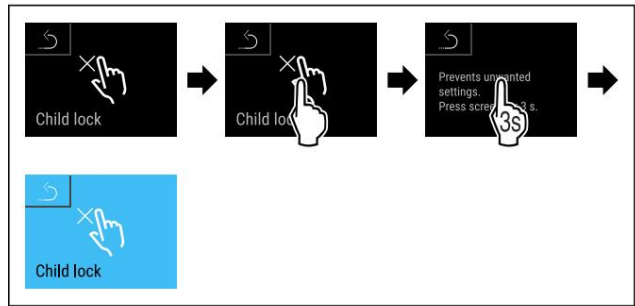
- Tránh tắt thiết bị một cách vô ý.
- Tránh cài đặt nhiệt độ không mong muốn.

Kích hoạt khóa trẻ em: Nếu bạn

kích hoạt khóa trẻ em, bạn vẫn có thể điều hướng trong menu nhưng không thể chọn hoặc thay đổi các chức năng khác.



Hình 82



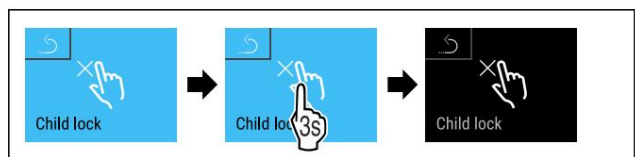
Hình 83

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chức năng khóa trẻ em đã được kích hoạt.

Vô hiệu hóa khóa trẻ em



Hình 84



Hình 85

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Chức năng khóa trẻ em đã được tắt.



Ngôn ngữ

Sử dụng chức năng này để thiết lập ngôn ngữ hiển thị.

Bạn có thể chọn các ngôn ngữ sau: - Tiếng Đức -

Tiếng Anh -

Tiếng Pháp -

Tiếng Tây Ban

Nha - Tiếng Ý

- Tiếng Hà

Lan - Tiếng Ba Lan

- Tiếng Bồ

Đào Nha -

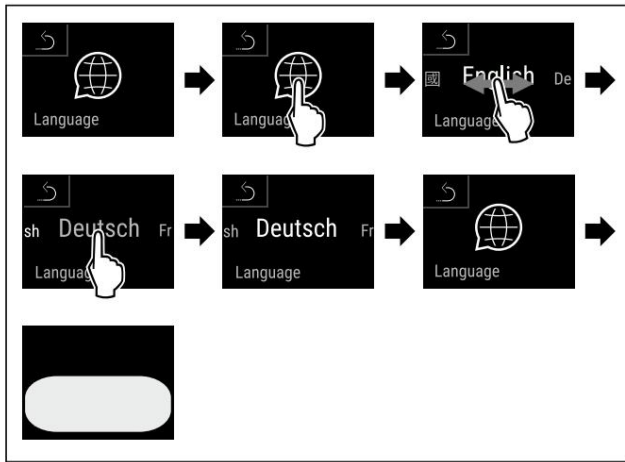
Tiếng Bulgaria

Thiết lập ngôn ngữ



Hình 86

Điều khiển



Hình 87. Ví dụ minh họa tùy thuộc vào ngôn ngữ và nhiệt độ

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Ngôn ngữ đã được thiết lập. Màn hình trở lại màn hình hiển thị trạng thái.



Thông tin về thiết bị và phần mềm

Sử dụng chức năng này để ghi rõ tên model, chỉ số, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị. Bạn sẽ cần thông tin thiết bị này khi liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem mục 10.4 Chăm sóc khách hàng)

Chức năng này cũng mở menu Nâng cao. (xem Mục 3 Chức năng của màn hình Cảm ứng & Vuốt)

Hiển thị thông tin thiết bị



Hình 88



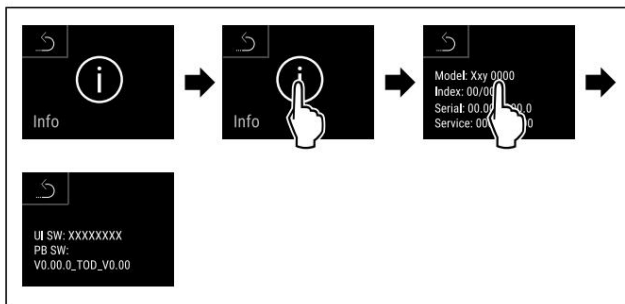
Hình 89

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.

Hiển thị thông tin phần mềm



Hình 90



Hình 91

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Màn hình hiển thị thông tin phần mềm.



Lỗi nhắc nhở

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc vô hiệu hóa lỗi nhắc. Chức năng này được kích hoạt khi giao hàng.

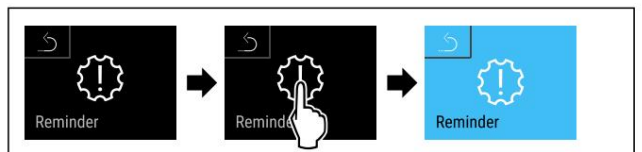
Nếu chức năng này được kích hoạt, các lỗi nhắc sau sẽ xuất hiện:

- Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir (xem phần Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir)

Kích hoạt lỗi nhắc



Hình 92



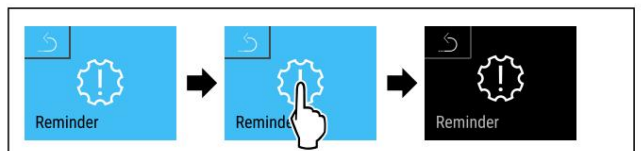
Hình 93

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chức năng nhắc nhở đã được kích hoạt.

Tắt lỗi nhắc



Hình 94



Hình 95

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chức năng nhắc nhở đã bị tắt.



Chế độ demo

Chế độ demo là một tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các tính năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

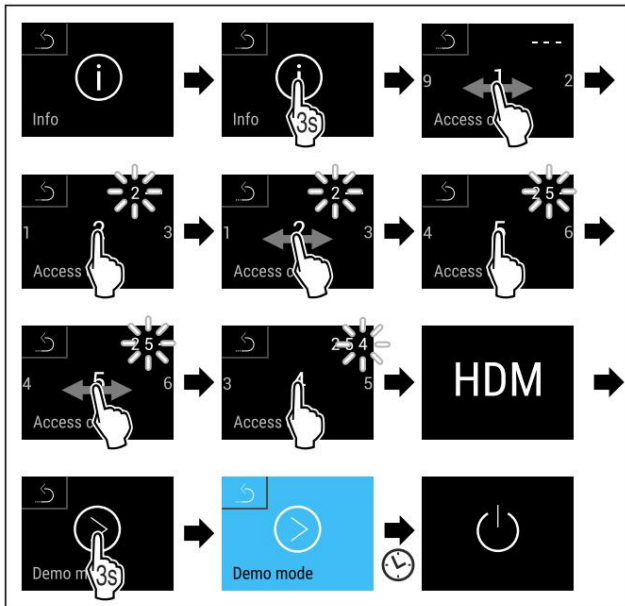
Nếu bạn bật thiết bị và chữ "D" xuất hiện trên màn hình hiển thị trạng thái, điều đó có nghĩa là chế độ demo đã được kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt rồi tắt chế độ demo, thiết bị sẽ được khôi phục về cài đặt mặc định của nhà sản xuất. (xem phần Khôi phục cài đặt gốc)

Kích hoạt chế độ demo



Hình 96



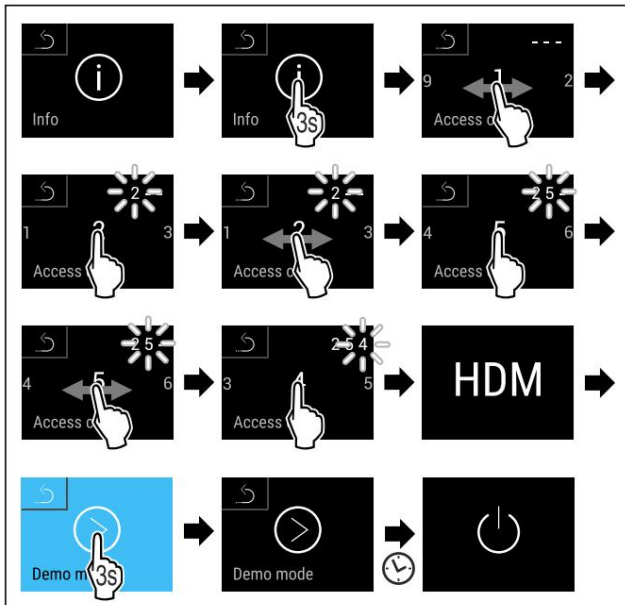
Hình 97

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chế độ demo được kích hoạt. Thiết bị đã được tắt. Bật thiết bị. (xem mục 4.1 Bật thiết bị) (Lần sử dụng đầu tiên) Chữ "D" xuất hiện trên màn hình hiển thị trạng thái.

Tắt chế độ demo



Hình 98



Hình 99

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Chế độ demo đã được tắt. Thiết bị đã được tắt. Bật thiết bị. (xem mục 4.1 Bật thiết bị) (Lần sử dụng đầu tiên) Thiết bị được khôi phục về cài đặt gốc.



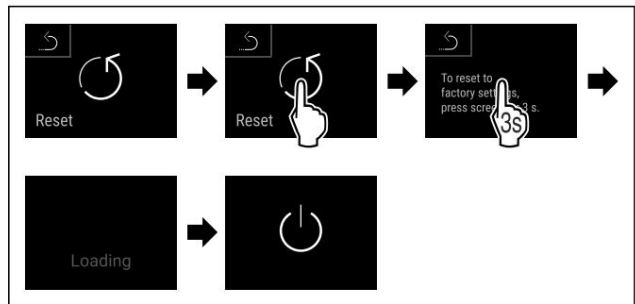
Khôi phục cài đặt gốc

Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay sẽ được đặt lại về cài đặt ban đầu.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 100



Hình 101

Thực hiện các bước thao tác theo hình minh họa. Thiết bị được đặt lại. Thiết bị được tắt. Khởi động lại thiết bị. (xem mục 4.1 Bật thiết bị (lần đầu tiên sử dụng))

7.3 Chức năng của Trung tâm Nước và Đá

Trung tâm Nước & Đá tích hợp trên cửa thích hợp để cung cấp nước uống, đá viên và đá bào. Thúc đơn trên cửa được sử dụng để lựa chọn.

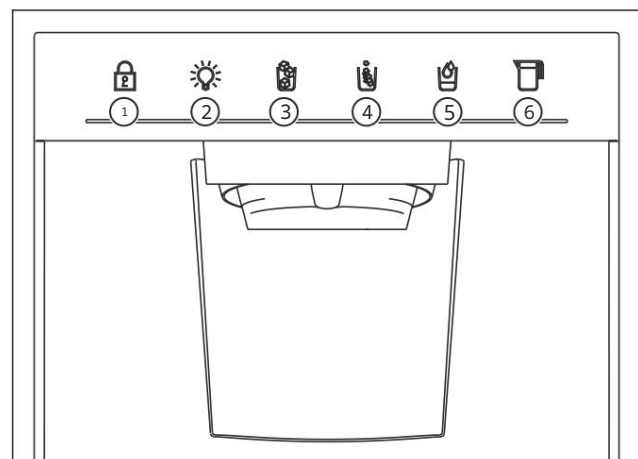
Nhiệt độ nước uống phụ thuộc vào nhiệt độ trong ngăn mát tủ lạnh.



CẢNH BÁO:

Nguy hiểm cho sức khỏe do nguồn nước bị ô nhiễm! Nhiễm trùng.

Vệ sinh Trung tâm Nước & Đá nếu không sử dụng trong hơn 5 ngày. (xem mục 9.8.6 Vệ sinh Trung tâm Nước & Đá)



Hình 102 Tổng quan về các chức năng của Trung tâm Nước & Đá (1) Khóa trẻ em (4) Đá bào (2) Đèn chiếu sáng (5) Nước (3) Đá viên (6) Tự động đổ đầy

Điều khiển

Lưu ý:

Chức năng lấy nước được lưu làm cài đặt mặc định ở chế độ chờ. Bạn có thể sử dụng chức năng lấy nước trực tiếp bằng cách nhấn nút. Bạn không cần phải chọn bất cứ thứ gì trong menu.

Bạn có thể thay đổi cài đặt mặc định này. (xem mục 7.3.10 Điều chỉnh chế độ chờ)

7.3.1 Kích hoạt khóa trẻ em

Sử dụng chức năng này để khóa tất cả các chức năng phân phối nước và đá của Trung tâm Nước & Đá. Không thể chọn bất kỳ tùy chọn nào. Nhấn giữ biểu tượng khóa trẻ em khoảng 5 giây. Thanh đèn sáng lên từ trái sang phải. Đèn bên dưới biểu tượng nhấp nháy hai lần. Tất cả các chức năng phân phối đều bị khóa.

Nếu chức năng khóa trẻ em được kích hoạt:

Đèn bên dưới biểu tượng sáng lên. Đèn MoodLight vẫn hoạt động.

7.3.2 Vô hiệu hóa khóa trẻ em Nhấn giữ biểu tượng

khóa trẻ em khoảng 5 giây. Thanh đèn sẽ sáng lên từ trái sang phải. Đèn bên dưới chức năng cuối cùng sẽ sáng lên.

7.3.3 Kích hoạt MoodLight

Chức năng này kích hoạt đèn chiếu sáng ở khu vực lấy nước và đá trên Trung tâm Nước & Đá. Có thể điều chỉnh độ sáng bằng menu của thiết bị. (xem độ sáng MoodLight) * Chức năng này kích hoạt đèn chiếu sáng ở khu vực lấy

nước và đá trên Trung tâm Nước & Đá và các tay nắm âm trên ngăn kéo. Có thể điều chỉnh độ sáng bằng menu của thiết bị. (xem độ sáng MoodLight) * Chạm vào biểu tượng MoodLight. Khu vực lấy nước và đá được chiếu sáng.* Khu vực lấy nước và tay nắm âm được chiếu sáng.

nated.*

7.3.4 Tắt MoodLight

Chạm vào biểu tượng MoodLight. Đèn MoodLight tắt.

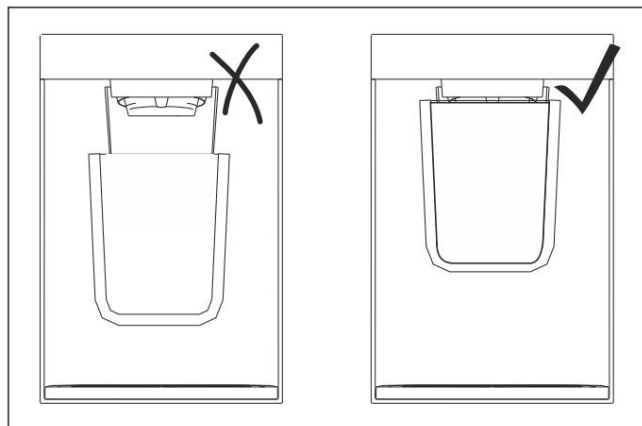
7.3.5 Lấy đá viên Đảm bảo đáp ứng các yêu

cầu sau: Bình chứa có dung tích ít nhất 0,3 lít. Bình chứa phải có đường kính ít nhất 6 cm.

Ghi chú

Nếu bạn chuyển từ đá bào sang đá viên, lượng đá được phân phối cùng một lúc có thể nhiều hơn. Trong trường hợp này, hỗn hợp đá bào và đá viên là điều bình thường.

Chạm vào biểu tượng viên đá.



Hình 103 Minh họa ví dụ Giữ bình

chứa càng gần vòi rót càng tốt

Khai trương.

Ấn hộp đựng vào nút ở phía trên và giữ nguyên vị trí đó. Quá trình lấy đá viên bắt đầu.

Khi đã cho đủ lượng đá viên cần thiết vào cốc hoặc ly:

Nhấc cốc hoặc ly ra khỏi nút. Giữ nguyên vị trí cho đến khi hết đá viên trong bình. Quá trình lấy đá dừng lại.

7.3.6 Rót đá bào Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu

sau: Bình chứa có dung tích ít nhất 0,3 lít. Bình chứa phải có đường kính ít nhất 6 cm.

Chạm vào biểu tượng đá bào. Giữ hộp đựng càng gần lỗ lấy đá càng tốt. (xem Hình 103) Ấn hộp đựng vào nút ở phía trên và giữ nguyên vị trí đó. Quá trình lấy đá bào bắt đầu.

Khi đã cho đủ lượng đá bào cần thiết vào cốc hoặc ly:

Lấy cốc hoặc ly ra khỏi nút. Giữ vật chứa ở vị trí đó cho đến khi phần vụn còn lại được nghiền nát. Đá đã có trong bình chứa.

Việc phân phối đá bào dừng lại.

7.3.7 Lấy nước Chức năng này được lưu

làm cài đặt mặc định ở chế độ chờ. Bạn có thể lấy nước ngay lập tức. Chạm vào biểu tượng nước. Ấn cốc hoặc ly vào nút và giữ nguyên vị trí.

Địa

điểm. Bắt đầu cấp nước.

Khi lượng nước cần thiết đã được đổ vào cốc hoặc ly: Nhấc cốc hoặc ly ra khỏi nút. Quá trình rót nước dừng lại.

7.3.8 Thiết lập điều khiển thông tin cá nhân

Sử dụng chức năng này để chỉ định lượng nước được rót bằng chức năng rót nước cá nhân hóa. Cài đặt này sẽ được lưu lại cho tất cả các lần rót nước trong tương lai.

Trước khi thực hiện quy trình đổ nước cá nhân hóa lần đầu tiên hoặc sau khi bạn đã khôi phục thiết bị về cài đặt gốc, bạn phải thiết lập lượng nước. Chạm vào biểu tượng đổ nước

cá nhân hóa. Đặt cốc hoặc ly bên dưới vòi rót nước. Chạm và giữ biểu tượng đổ nước cá nhân hóa trong

3 giây.

Quá trình lấy nước bắt đầu.

Lượng nước mong muốn trong cốc hoặc ly: Bỏ ngón tay khỏi biểu tượng đồ nước cá nhân. Quá trình rót nước dừng lại. Đèn bên dưới biểu tượng nhấp nháy hai lần. Lượng nước đã chọn được lưu lại cho lần rót nước sau.

quy trình.

7.3.9 Sử dụng phương pháp điều khiển thông tin cá nhân

Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Chế độ rót nước cá nhân đã được thiết lập và lưu lại. Chạm vào biểu tượng

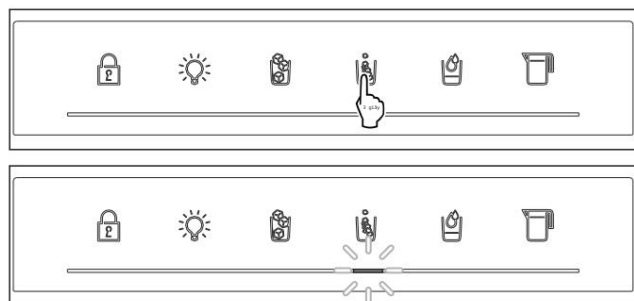
rót nước cá nhân. Đặt cốc hoặc ly bên dưới vòi rót.

Chạm vào biểu tượng rót nước cá nhân. Quá trình rót nước sẽ tự động bắt đầu và dừng sau thời gian đã lưu. Trong khi rót nước: Thanh đèn sẽ sáng từ phải sang trái.

7.3.10 Điều chỉnh chế độ chờ

Chức năng lấy nước được lưu làm cài đặt mặc định ở chế độ chờ. Bạn có thể sử dụng chức năng lấy nước trực tiếp bằng cách nhấn nút. Bạn không cần phải chọn bất cứ thứ gì trong menu.

Bạn có thể thay đổi cài đặt như sau:



Hình 104 Minh họa ví dụ: Chuyển sang chế độ phân phối đá bào ở chế độ chờ.

Nhấn và giữ biểu tượng mong muốn trong 3 giây. Đèn bên dưới biểu tượng sẽ nhấp nháy hai lần. Chức năng đã chọn sẽ trở thành chức năng mặc định mới trong

Chế độ chờ.

Lưu

y: Nếu bạn tắt Trung tâm Nước & Đá, cài đặt của bạn sẽ bị xóa. Chức năng lấy nước sẽ trở lại cài đặt mặc định.

7.4 Tin nhắn








Có hai loại tin nhắn:

Mức độ quan trọng của cảnh	
báo: Cảnh báo	<p>sẽ xuất hiện trong trường hợp xảy ra sự cố.</p> <p>Bạn có thể tự mình hủy bỏ các cảnh báo đơn giản. Trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, bạn phải liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem mục 10.4 Chăm sóc khách hàng)</p>
Lời nhắc	<p>Lời nhắc sẽ nhắc nhở bạn về các quy trình chung.</p> <p>Bạn có thể thực hiện các thao tác này để kết thúc tin nhắn.</p>

7.4.1 Tổng quan về cảnh báo Hành vi của thiết

bị khi có cảnh báo: - Cảnh báo hiển thị màu đỏ trên màn hình.

- Âm báo động vang lên với âm lượng ngày càng lớn.
- Hệ thống đèn chiếu sáng bên trong nhấp nháy để cảnh báo một số vấn đề.

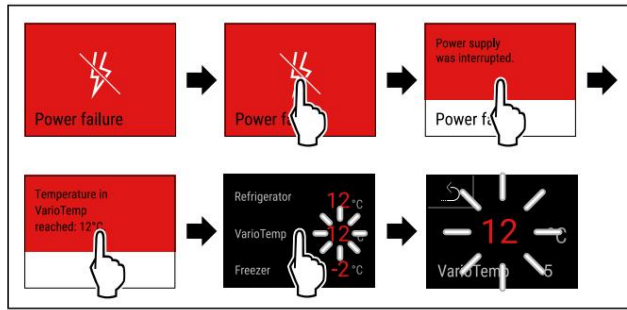
Tin nhắn	Gây ra	Cái
 Power failure Cảnh báo mất điện	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu nhiệt độ tăng lên do sự cố mất điện.	Thực hiện ngoài các bước hành động cụ thể.
 Temperature alarm Cảnh báo nhiệt độ	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu nhiệt độ trong thiết bị không khớp với nhiệt độ đã cài đặt.	Thực hiện ngoài các bước hành động cụ thể.
 Error Lỗi	Thông báo này xuất hiện nếu có lỗi xảy ra với thiết bị. Một bộ phận của thiết bị (xem Lỗi) bị lỗi.	ngoài
 WiFi error Lỗi WLAN	Thông báo này xuất hiện nếu thiết bị không thể kết nối với WLAN (xem lỗi thiết lập kết nối WiFi lần đầu tiên). Thông báo chỉ xuất hiện trong quá trình thiết lập ban đầu.	ngoài
 WWW error Lỗi kết nối	Thông báo "Tiếp tục" sẽ xuất hiện nếu kết nối đến các bước thực hiện của mạng gia đình bị gián đoạn. Thông báo này chỉ xuất hiện trong quá trình thiết lập ban đầu.	ngoài
 DEFR. MAX. See user manual. Error Chu trình rã đông lỗi	Thông báo này xuất hiện nếu thiết bị có các bước hành động. Tôi đã thử rã đông năm lần (xem lỗi chu kỳ rã đông) và đã xảy ra sự cố. một hàng	ngoài
 Ice container Đầy ngăn chứa đá vào.	<p>Thông báo này xuất hiện nếu Trung tâm Nước & Đá được kích hoạt nhưng ngăn chứa đá đang mở.</p> <p>Lời nhắc đầu tiên sẽ hiện lên, nếu bỏ qua lời nhắc này, cảnh báo sẽ hiện lên sau khoảng 5 phút.</p>	ngoài các bước thực hiện. (xem phần "Đẩy vào ngăn chứa đá")

7.4.2 Cảnh báo kết thúc

Cảnh báo mất điện. Thông

báo này được hiển thị cho mỗi vùng nhiệt độ của thiết bị. Khi sự cố mất điện kết thúc, thiết bị sẽ tự động làm mát đến nhiệt độ mục tiêu đã được cài đặt trước đó mà không cần bạn xác nhận thông báo. Bạn phải xác nhận thông báo để nó biến mất khỏi màn hình.

Điều khiển



Hình 105 Minh họa ví dụ

Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình hiển thị thông tin cảnh báo. Chạm nhẹ vào màn hình. Nhiệt độ đông lạnh cao nhất được hiển thị. Nếu nhiệt độ đông lạnh dưới $-9\text{ }^{\circ}\text{C}$: Thực phẩm vẫn có thể ăn được.

Nếu nhiệt độ đông băng đã tăng lên trên $-9\text{ }^{\circ}\text{C}$: Kiểm tra thực phẩm.

Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình trở lại hiển thị trạng thái: Nhiệt độ hiện tại và nhiệt độ mục tiêu được hiển thị.

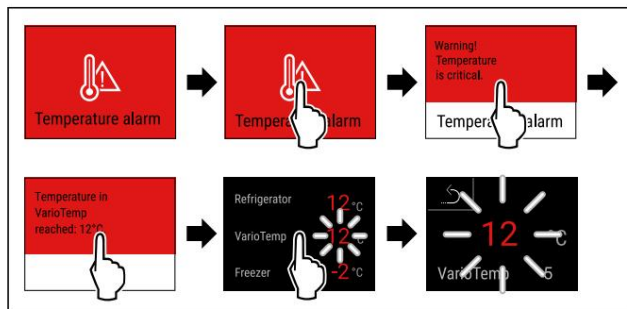
Cảnh báo nhiệt độ.

Thông báo này hiển thị cho mỗi vùng nhiệt độ của thiết bị. Bạn phải xác nhận thông báo để nó biến mất khỏi màn hình.

Sự chênh lệch nhiệt độ có thể do: - Bạn đã cho vào thức ăn ấm và tươi.

- Quá nhiều không khí nóng đã tràn vào trong khi bạn đang sắp xếp đồ đạc. ngăn đá hoặc lấy đồ ra.
- Sự cố mất điện kéo dài hơn bình thường.
- Thiết bị bị lỗi. Loại bỏ nguyên nhân. Thiết bị làm lạnh đến nhiệt độ mục tiêu đã cài đặt trước đó.

hình cách tự nhiên.



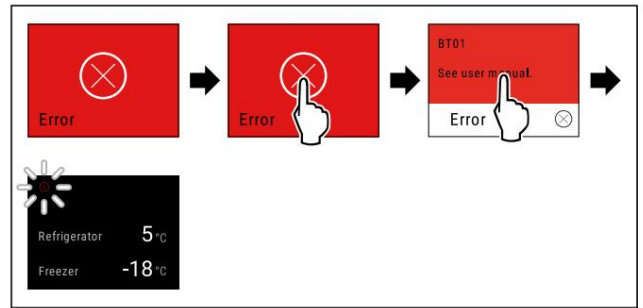
Hình 106. Ví dụ minh họa.

Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình hiển thị thông tin cảnh báo. Chạm nhẹ vào màn hình. Nhiệt độ đông lạnh cao nhất được hiển thị. Nếu nhiệt độ đông lạnh dưới $-9\text{ }^{\circ}\text{C}$: Thực phẩm vẫn có thể ăn được.

Nếu nhiệt độ đông băng đã tăng lên trên $-9\text{ }^{\circ}\text{C}$: Kiểm tra thực phẩm.

Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình trở lại hiển thị trạng thái: Nhiệt độ hiện tại và nhiệt độ mục tiêu được hiển thị.

Lỗi



Hình 107 Minh họa ví dụ

Chạm nhẹ vào màn hình. Mã lỗi sẽ hiển thị. Ghi lại mã lỗi. Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình trở lại hiển thị trạng thái. Liên hệ bộ phận Chăm sóc Khách hàng. (xem mục 10.4 Chăm sóc Khách hàng)

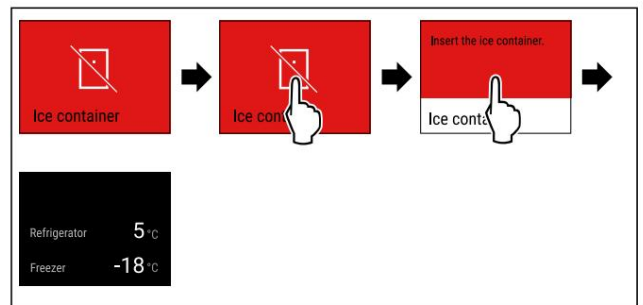
Lỗi WLAN

Kiểm tra kết nối WLAN. Kết nối lại thiết bị với WLAN. (xem WiFi)

Lỗi chu trình rã đông

Bắt đầu chu trình rã đông tự động thủ công: (xem Bắt đầu chu trình rã đông)

Đẩy ngăn chứa đá vào



Hình 108

Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình hiển thị thông tin cảnh báo. Chạm nhẹ vào màn hình. Nhấn vào biểu tượng xác nhận. Đẩy ngăn chứa đá vào. Khi ngăn chứa đá được lắp vào: Nước &

Ice Center sản xuất đá viên.






Nếu ngăn chứa đá không được lắp vào: Cảnh báo sẽ xuất hiện định kỳ cho đến khi ngăn chứa đá được lắp vào.

7.4.3 Tổng quan về các lời nhắc

Hoạt động của thiết bị khi có nhắc nhở: - Thông báo nhắc nhở hiển thị màu vàng trên màn hình. - Âm báo động vang lên.

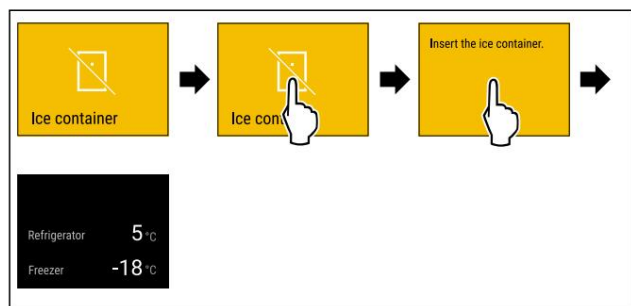
- Hệ thống đèn nội thất nhấp nháy để nhắc nhở một số điều.

Bạn có thể tắt các lời nhắc sau (xem phần Tắt lời nhắc): - Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Tín nhắn	Gây ra	Thông báo thoát
 Thùng đựng đá Đẩy ngăn chứa đá vào.	Thông báo này xuất hiện nếu Trung tâm Nước & Đá được kích hoạt nhưng ngăn chứa đá đang mở.	Thực hiện các bước thao tác. (xem phần "Án vào ngăn chứa đá")
 Water filter Thay thế bộ lọc nước	Thông báo này xuất hiện khi cần thay thế bộ lọc nước.	Thực hiện các bước hành động. (xem Thay thế bộ lọc nước)
 FreshAir filter Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir.	Thông báo này xuất hiện khi bộ lọc than hoạt tính FreshAir cần được thay thế.	Thực hiện các bước hành động. (xem Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir)
 Open door	Thông báo này sẽ hiện lên nếu cửa mở quá lâu.	Thực hiện các bước hành động. (xem Báo động cửa)
 Water & Ice Làm sạch ngăn chứa đá.	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu không có viên đá nào được lấy ra từ Trung tâm Nước và Đá trong vòng 30 ngày.	Thực hiện các bước hành động. (xem phần Làm sạch ngăn chứa đá)

7.4.4 Lời nhắc kết thúc

Đẩy ngăn chứa đá vào



Hình 109

Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình hiển thị thông tin nhắc nhở. Chạm nhẹ vào màn hình. Nhấn vào biểu tượng xác nhận. Đẩy ngăn chứa đá vào. Khi ngăn chứa đá được lắp vào: Nước &

Ice Center sản xuất đá viên.

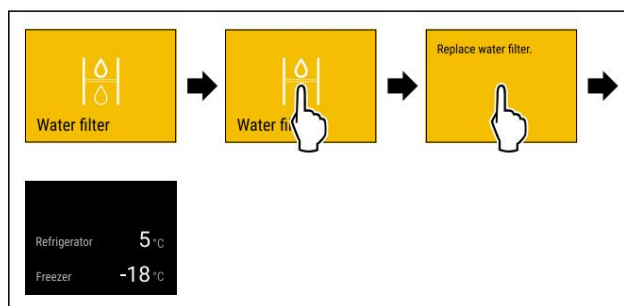
Nếu ngăn chứa đá không được lắp vào: Sau khoảng 5 phút, thông báo nhắc nhở sẽ chuyển thành cảnh báo. (xem phần "Đẩy ngăn chứa đá vào")

Liebherr khuyến nghị thay thế

bộ lọc nước : Thay bộ lọc nước sau mỗi 6 tháng.

Lưu

ý: Bộ lọc nước có sẵn tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.



Hình 110. Ví dụ minh họa.

Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình hiển thị thông tin nhắc nhở. Chạm nhẹ vào màn hình. Thay bộ lọc nước. (xem mục 9.3 Bộ lọc nước) Bộ lọc nước đảm bảo chất lượng nước tối ưu. Thông báo nhắc nhở sẽ xuất hiện lại sau 6 tháng.

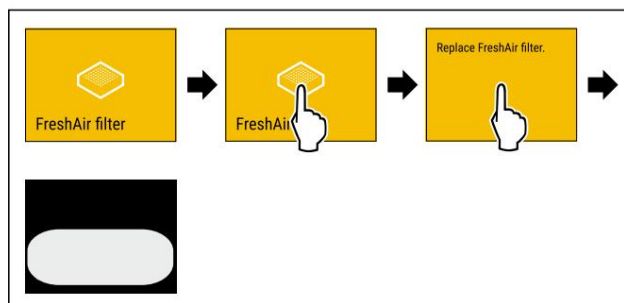
Nếu bạn không muốn nhận lời nhắc này nữa, bạn có thể tắt nó đi. (xem phần Tắt lời nhắc)

Liebherr khuyến nghị nên thay thế bộ lọc than hoạt tính

FreshAir sau mỗi 6 tháng.

Lưu ý:

Bạn có thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte trên trang web home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

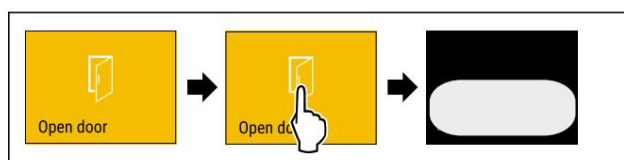


Hình 111 Minh họa ví dụ

Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình hiển thị thông tin nhắc nhở. Chạm nhẹ vào màn hình. Thay thế bộ lọc than hoạt tính. (xem mục 9.1 Bộ lọc than hoạt tính FreshAir) Bộ lọc than hoạt tính đảm bảo chất lượng không khí tối ưu trong thiết bị làm mát. Thông báo nhắc nhở sẽ xuất hiện lại sau 6 tháng.

Nếu bạn không muốn nhận lời nhắc này nữa, bạn có thể tắt nó đi. (xem phần Tắt lời nhắc)

Do báo động



Hình 112

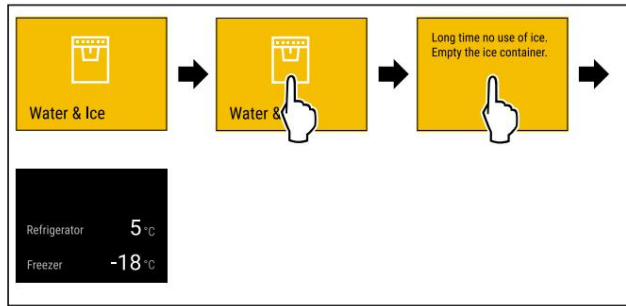
Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. -hoặc- Đóng cửa.

Màn hình trở lại hiển thị trạng thái.

Đặc trưng

Bạn có thể thiết lập thời gian tối đa cửa được phép mở trước khi chuông báo cửa kêu. (xem phần Thiết lập chuông báo cửa)

Làm sạch ngăn chứa đá.



Hình 113

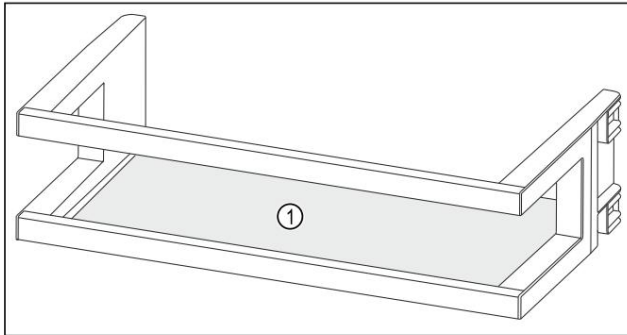
Chạm nhanh vào màn hình.

Màn hình hiển thị thông tin nhắc nhở. Chạm nhanh vào màn hình. Làm sạch hoàn toàn ngăn chứa đá. (xem phần Vệ sinh ngăn chứa đá)

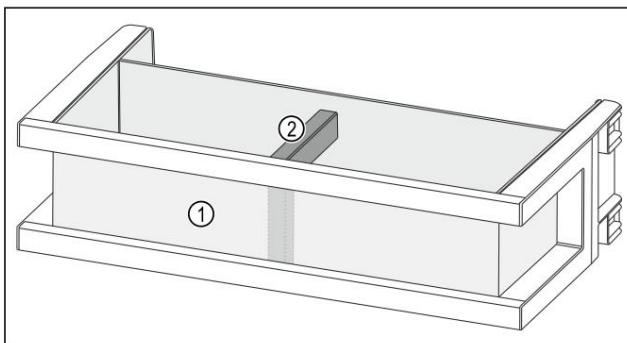
8 tính năng

8.1 Giá đỡ cửa

Giá đỡ đồ trên cửa thích hợp để đựng đồ uống và thực phẩm. Bạn có thể di chuyển giá đỡ đồ trên cửa để sử dụng cá nhân và tháo rời chúng để vệ sinh. Tuy nhiên, Liebherr khuyến nghị nên sử dụng giá đỡ đồ trên cửa ở vị trí như khi được nhà máy lắp đặt.



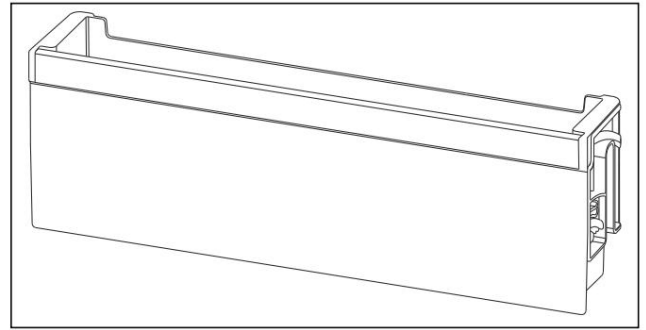
Hình 114 Minh họa ví dụ, Giá đỡ cửa (1) Kệ



Hình 115. Ví dụ minh họa, Giá treo cửa có ngăn đựng đồ và giá đỡ chai.

(1) Người tổ chức

(2) Giá đỡ chai

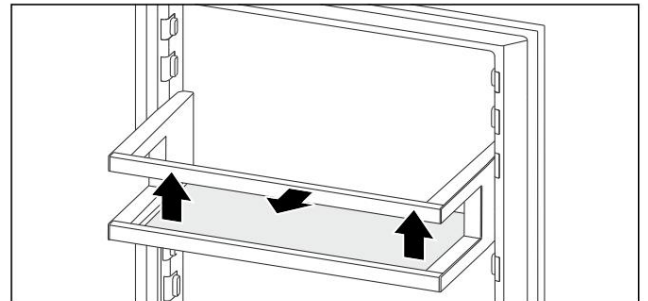


Hình 116 Minh họa ví dụ, giá để đồ gắn cửa gập xuống.

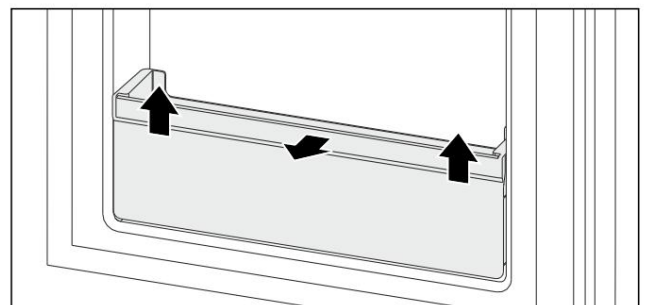
Bảng sau đây cho thấy các ví dụ về những gì có thể được lưu trữ trong mỗi giá để đồ gắn cửa. Không được vượt quá trọng lượng tải tối đa của cửa.

Giá treo cửa	Đồ ăn
Cửa giá đỡ (nhìn thấy Hình 114)	Bơ, phô mai, đồ hộp, hộp đựng lớn
Giá treo đồ gắn cửa có ngăn sắp xếp và giá đỡ chai. (xem Hình 115)	Giá đỡ chai trượt giúp giữ chặt các chai lọ trong ngăn ở cửa. Vách ngăn đựng thực phẩm nhỏ có thể sử dụng cho bất kỳ giá treo cửa nào. Dùng cho
Giá đỡ cửa gập xuống (xem Hình 116)	thực phẩm nhỏ và các gói hàng, tuýp, mỹ phẩm.

8.1.1 Tháo giá đỡ cửa

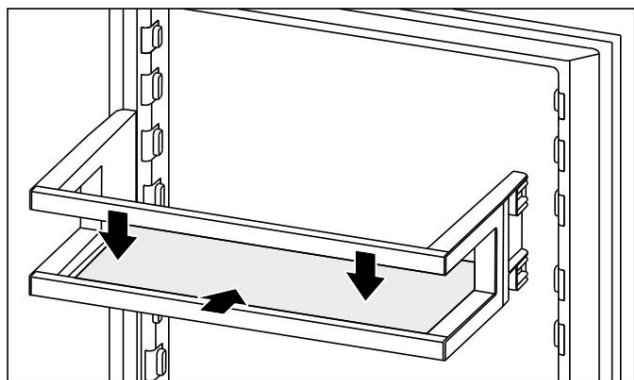


Hình 117. Ví dụ minh họa.

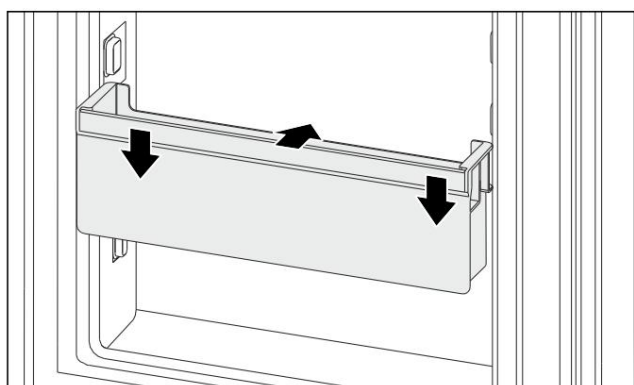


Hình 118 Minh họa ví dụ. Đẩy giá đỡ cửa lên trên. Kéo giá đỡ cửa về phía trước.

8.1.2 Lắp giá đỡ cửa



Hình 119 Minh họa ví dụ

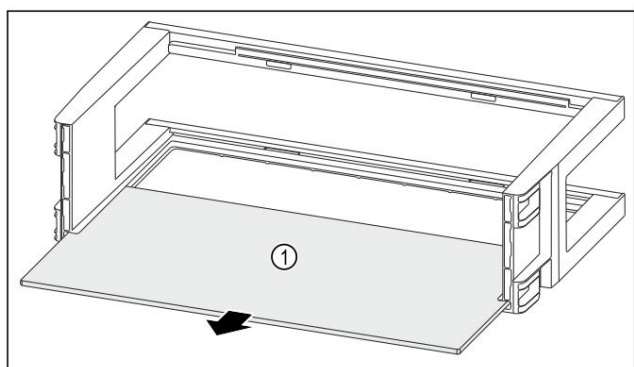


Hình 120 Minh họa ví dụ Trượt
giá đỡ cửa vào. Ấn giá đỡ
cửa xuống.

8.1.3 Tháo dỡ giá đỡ cửa

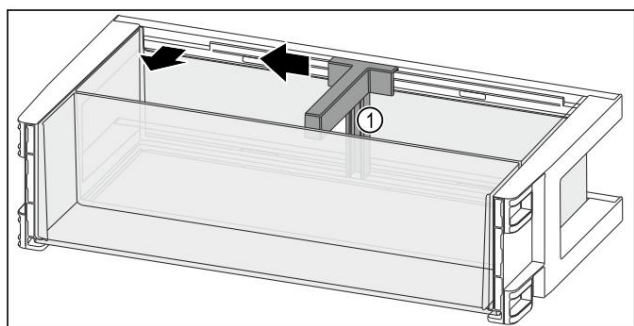
Bạn có thể tháo rời một số giá đỡ cửa nếu muốn vệ sinh, lắp đặt hoặc tháo các phụ tùng thay thế.

Tháo dỡ giá đỡ cửa



Hình 121 Tháo giá đỡ Hình 121 (1).

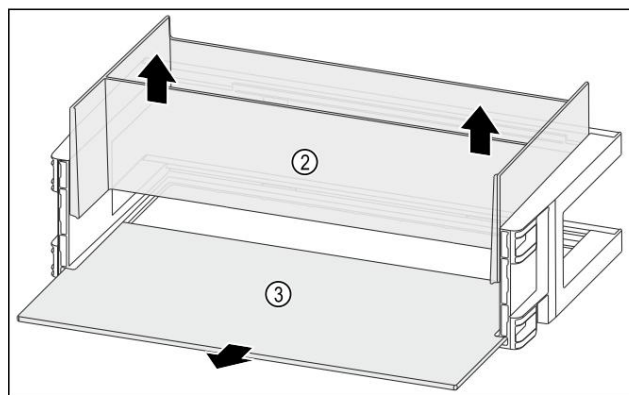
Tháo rời giá treo đồ trên cửa kèm khay đựng đồ và giá để chai nước.



Hình 122

Trượt giá đỡ chai Hình 122 (1) sang một bên cho đến khi
giữ giải lao.

Tháo giá đỡ chai Hình 122 (1).

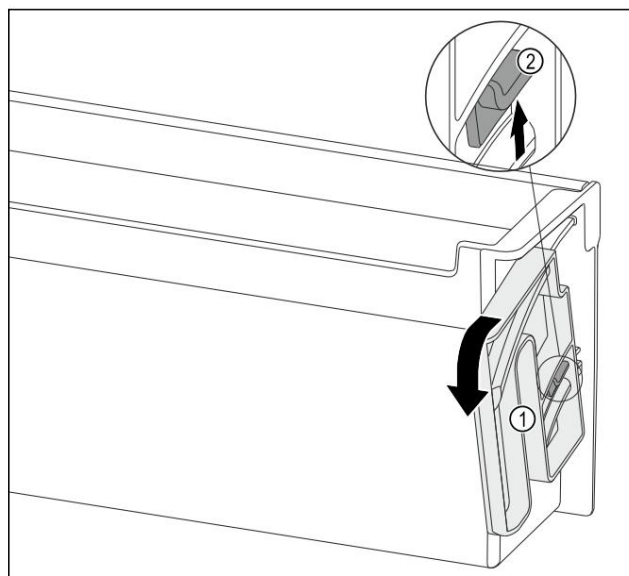


Hình 123

Tháo bộ phận sắp xếp Hình 123 (2) lên trên.

Tháo giá đỡ Hình 123 (3).

Tháo dỡ giá đỡ cửa gập



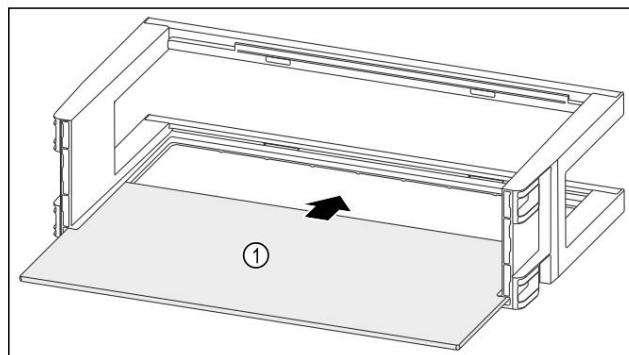
Hình 124

Xoay bộ phận xoay Hình 124 (1) theo hướng đã chỉ định đến
điểm dừng cuối.

Nhấn lẫy Hình 124 (2) lên và tháo bộ phận xoay Hình 124 (1).

8.1.4 Lắp ráp giá đỡ cửa

Lắp ráp giá đỡ cửa

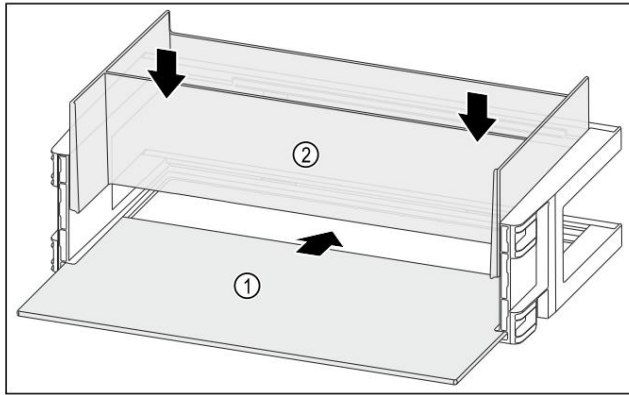


Hình 125

Đẩy giá đỡ Hình 125 (1) vào các rãnh bên.

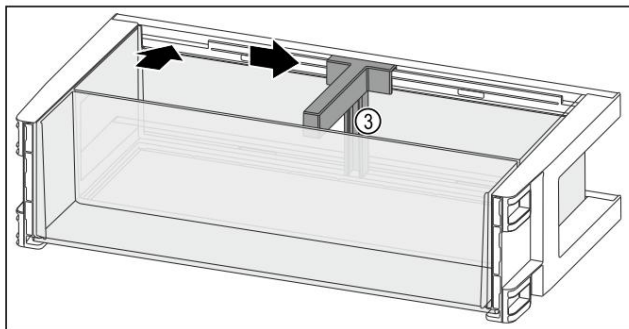
Đặc trưng

Lắp ráp giá treo cửa kèm khay đựng đồ và giá để chai nước.



Hình 126

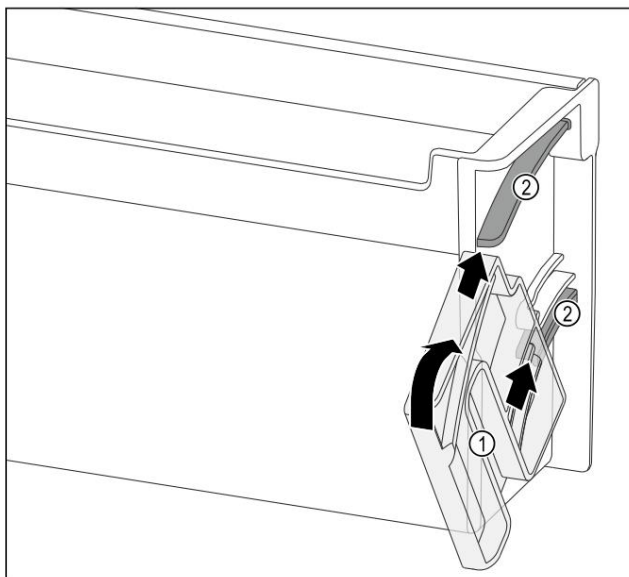
Đẩy giá đỡ Hình 126 (1) vào các rãnh bên. Lắp hộp đựng Hình 126 (2).



Hình 127

Lắp giá đỡ chai Hình 127 (3) vào rãnh. Đẩy giá đỡ chai Hình 127 (3) đến vị trí mong muốn sang một bên.

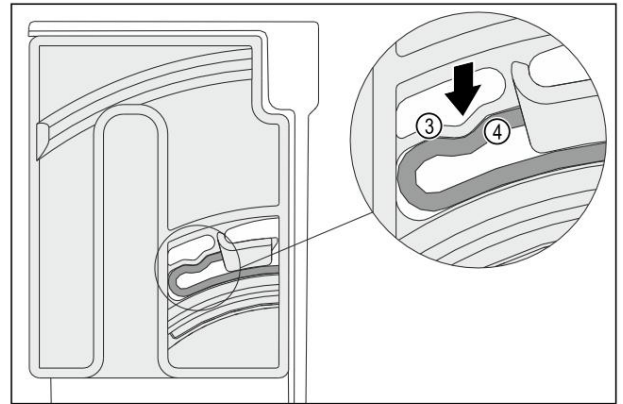
Lắp ráp giá đỡ cửa gập xuống



Hình 128

Định vị bộ phận xoay Hình 128 (1) sao cho các rãnh nằm đối diện chính xác với các rãnh dẫn hướng Hình 128 (2) của giá đỡ cửa.

Xoay bộ phận xoay Hình 128 (1) về phía được chỉ định phương hướng.

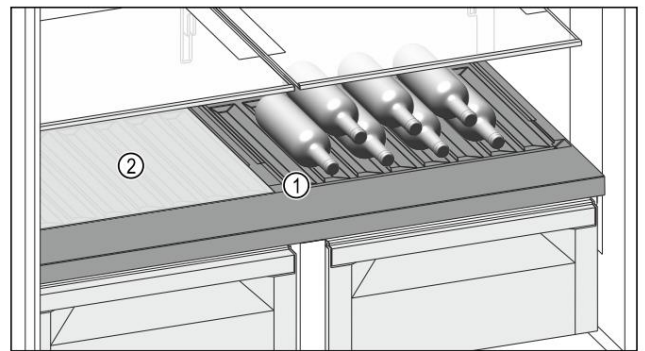


Hình 129

Phần tử đàn hồi Hình 129 (3) của bộ phận quay khớp một cách rõ ràng với hình dạng tròn của gờ Hình 129 (4).

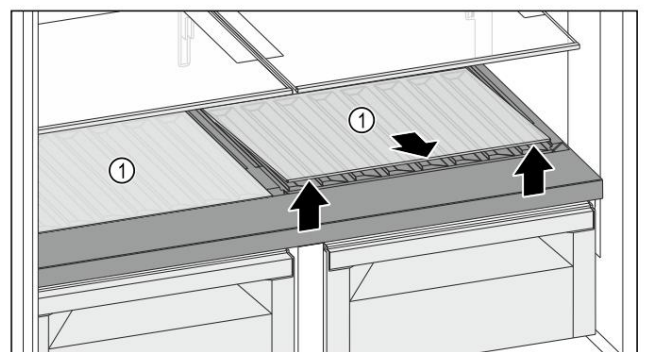
8.2 Kệ đựng chai có thể điều chỉnh

Có thể sử dụng một kệ kính, cả hai kệ kính hoặc giá đựng chai có thể điều chỉnh ở ngăn dưới của tủ lạnh. Cả hai kệ kính đều được lắp sẵn khi giao hàng.



Hình 130 Minh họa ví dụ (1) Giá đựng chai có thể thay đổi (2) Kệ kính

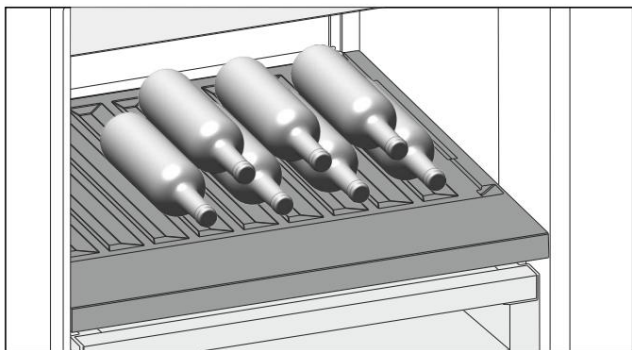
8.2.1 Sử dụng giá đựng chai có thể điều chỉnh



Hình 131

Nâng một hoặc cả hai kệ kính Hình 131 (1) ở phía trước và di dời.

Cắt giữ kệ kính (các kệ) Hình 131 (1) ở nơi an toàn bên ngoài thiết bị.



Hình 132

Đặt các chai ở hàng sau cùng, đáy chai dựa vào tường phía sau. (xem Hình 132)

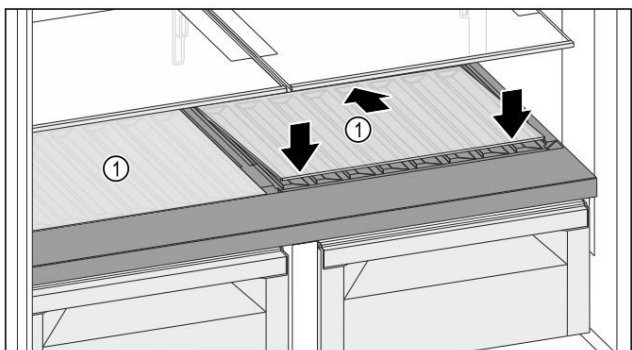
Lưu ý:

Khi các chai nhỏ ra khỏi giá đỡ chai có thể điều chỉnh ở phía trước: Nâng giá đỡ cửa dưới lên một nấc.

8.2.2 Sử dụng giá đỡ bằng kính Đảm bảo đáp

ứng các yêu cầu sau: Đã lấy hết chai ra. Giá đỡ chai có thể điều chỉnh đã được làm

sạch. (xem 9.5 Tháo/lắp giá đỡ chai có thể điều chỉnh) (xem 9.8.4 Làm sạch các bộ phận)



Hình 133

Đặt kệ kính Hình 133 (1) nghiêng xuống và ra sau. Hạ kệ kính Hình 133 (1) ở phía trước. Lắp kệ kính

thứ hai theo cách tương tự.

8,3 ngăn kéo

Bạn có thể tháo các ngăn kéo ra để vệ sinh.

Cách tháo/lắp ngăn kéo khác nhau tùy thuộc vào hệ thống kéo ra. Thiết bị của bạn có thể có nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

Lưu ý:

Mức tiêu thụ năng lượng sẽ tăng và công suất làm mát sẽ giảm nếu hệ thống thông gió không đủ. Hãy để ngăn kéo dưới cùng ở trong máy!

Luôn đảm bảo các lỗ thông gió của quạt ở mặt sau máy luôn thông thoáng!

8.3.1 Ngăn kéo trên ray trượt dạng ống lồng

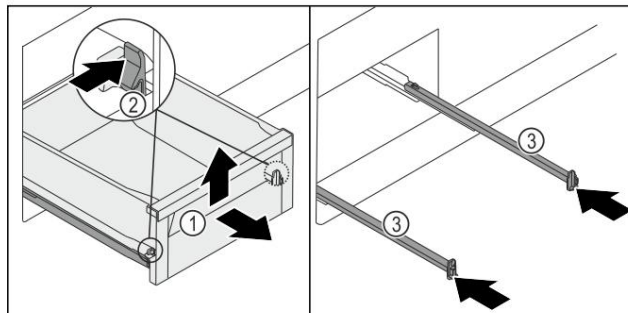
Ngăn kéo chạy trên ray trượt có thể kéo dài (ray trượt dạng ống lồng). Có loại ray trượt dạng ống lồng có thể kéo dài hoàn toàn và loại ray trượt dạng ống lồng chỉ kéo ra một phần. Ngăn kéo có thể kéo dài hoàn toàn có thể kéo ra hết cỡ khỏi thiết bị. Ngăn kéo chỉ kéo ra một phần không thể kéo ra hết cỡ khỏi thiết bị. Hệ thống trong thiết bị của bạn phụ thuộc vào loại thiết bị.

Mở rộng hoàn toàn

Bạn có thể nhận biết độ dài tối đa của thanh ray bằng một kẹp nằm ở phía trước bên trái và bên phải của thanh ray.

Tháo ngăn kéo Đảm bảo

đáp ứng các yêu cầu sau: Ngăn mát tủ lạnh: Cửa mở hơn 90°. Ngăn đông có ngăn kéo trượt: Ngăn kéo trượt phía dưới được kéo ra hết cỡ.

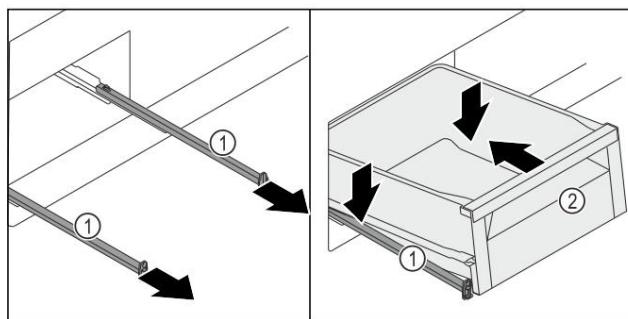


Hình 134

Kéo ngăn kéo Hình 134 (1) ra hết cỡ. Ấn kẹp trái và phải Hình 134 (2) vào trong tại đồng thời.

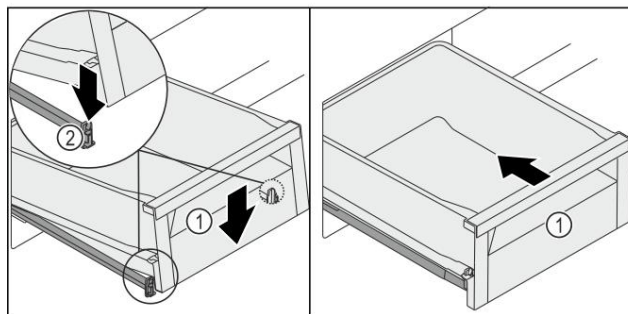
Ngăn kéo Hình 134 (1) tách khỏi ray. Nâng ngăn kéo Hình 134 (1) về phía trước. Tháo ngăn kéo Hình 134 (1) về phía trước. Đẩy ray Hình 134 (3) vào.

Lắp ngăn kéo



Hình 135

Kéo các thanh ray Hình 135 (1) ra. Giữ chặt các thanh ray Hình 135 (1) và đặt ngăn kéo Hình 135 (2) theo đường chéo trên các thanh ray Hình 135 (1) từ phía trên. Trượt ngăn kéo Hình 135 (2) về phía sau trên các thanh ray Hình 135 (1) cho đến khi hết cỡ.



Hình 136

Hạ ngăn kéo Hình 136 (1) ở phía trước xuống sao cho ngăn kéo trượt vào kẹp Hình 136 (2) ở bên trái và bên phải.

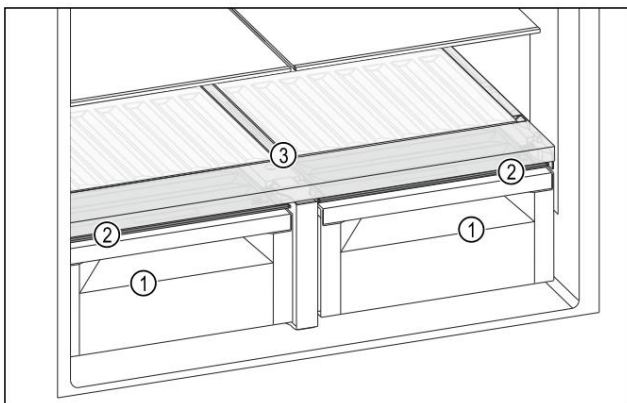
Ngăn kéo Hình 136 (1) khóa lại phát ra tiếng kêu. Đẩy ngăn kéo Hình 136 (1) vào.

Đặc trưng

8.4 Nắp ngăn chứa cho túi BioFresh Safe

Nắp ngăn chứa đảm bảo độ ẩm luôn được duy trì ở mức ổn định.

Nắp ngăn nằm trực tiếp trên ngăn kéo và có thể được che phủ bởi các kệ hoặc ngăn kéo bổ sung.

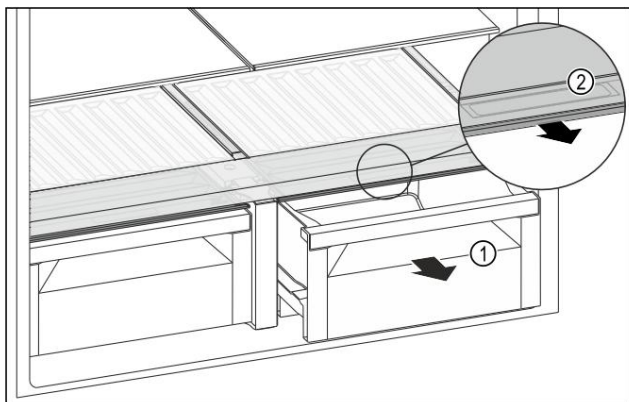


Hình 137 Minh họa ví dụ, nắp ngăn cho BioFresh Safe (1) BioFresh Safe (2) Nắp

ngăn cho BioFresh Safe

(3) Giá đỡ chai có thể điều chỉnh

8.4.1 Giảm độ ẩm không khí trong ngăn kéo



Hình 138

Kéo ngăn kéo ra Hình 138 (1). Nắm lấy

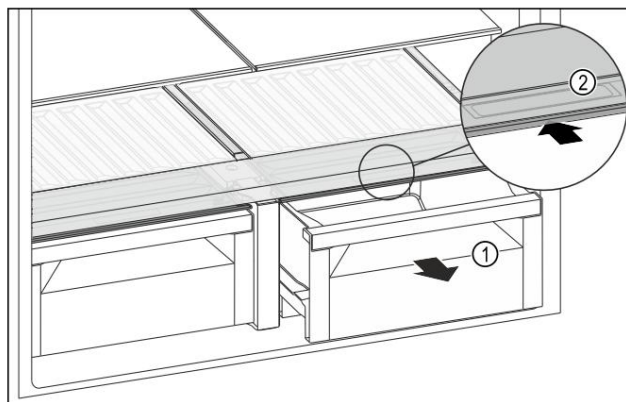
tay cầm lõm Hình 138 (2) trên nắp ngăn và đồng thời kéo nắp ngăn về phía trước.

Thực hiện các bước thao tác tương tự cho ngăn thứ hai. nắp ment.

Khi ngăn kéo đóng lại, có một khe hở nhỏ giữa nắp ngăn và ngăn kéo. Không thể sử dụng HydroBreeze. (xem mục 8.5 Hydro-

Gió nhẹ*) *

8.4.2 Tăng độ ẩm không khí trong ngăn kéo



Hình 139

Kéo ngăn kéo ra Hình 139 (1). Nắm lấy tay cầm lõm Hình 139 (2) trên nắp ngăn và đồng thời đẩy nắp ngăn về phía sau.

Thực hiện các bước thao tác tương tự cho ngăn thứ hai. nắp ment.

Khi ngăn kéo được đóng lại, nắp ngăn sẽ khít với ngăn kéo. Có thể sử dụng HydroBreeze. (xem

mục 8.5 HydroBreeze*) *

8.4.3 Sử dụng sản phẩm an toàn cho trái cây và rau quả với Hydro-Breeze*

Bạn có thể sử dụng Fruit & Vegetable Safe với HydroBreeze.

Để làm được điều này, bạn phải tăng độ ẩm trong ngăn kéo. (xem mục 8.4.2 Tăng độ ẩm không khí trong ngăn kéo)

8.5 HydroBreeze*

HydroBreeze phun sương lên hàng hóa được bảo quản lạnh để cung cấp độ ẩm mỗi khi cửa được mở.

Máy HydroBreeze và bình chứa nước của nó được đặt trong giá đỡ chai có thể điều chỉnh.

Hãy đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: - Bồn chứa nước sạch sẽ. (xem mục 9.8.4 Vệ sinh các bộ phận)

- Bình chứa nước đã được lắp đặt đúng cách.

- Độ ẩm trong ngăn kéo được đặt ở mức độ ẩm không khí cao. (xem mục 8.4.2 Tăng độ ẩm không khí trong ngăn kéo)

- Chức năng HydroBreeze đã được kích hoạt. (xem HydroBreeze*)

8.5.1 ĐỔ Đầy nước vào bình chứa



CẢNH BÁO Nước

bẩn!

Các chất gây ô nhiễm.

Chỉ đổ nước uống vào. Máy

HydroBreeze đã tắt: bình chứa nước đã hết. Máy

HydroBreeze không còn được sử dụng: bình chứa nước đã hết.

THÔNG BÁO:

Sản phẩm dạng lỏng có chứa đường!

Hư hỏng bình HydroBreeze. Chỉ

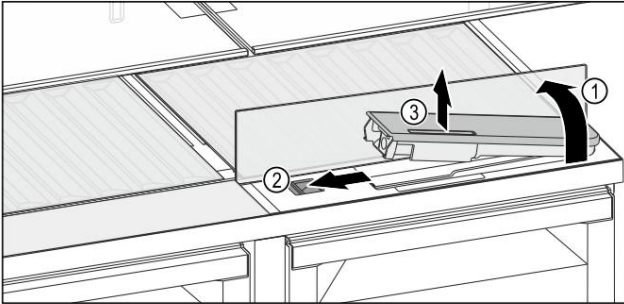
dùng để đựng nước uống.

Lưu ý:

Chỉ sử dụng nước đã lọc và khử cacbon để có nước uống chất lượng tốt nhất và giúp máy HydroBreeze hoạt động trơn tru.

Có thể đạt được chất lượng nước này bằng cách sử dụng bộ lọc nước để bàn loại có bán tại các cửa hàng bán lẻ. Chỉ nên đổ đầy bình chứa nước bằng nước uống đã được lọc và khử cacbon.

Bình chứa nước được tích hợp vào giá đỡ chai có thể điều chỉnh (xem mục 2.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ).



Hình 140

Nhấn vào góc sau bên trái của tấm kính phía trước. Tấm kính sẽ gập lên ở phía trước. Nâng tấm kính lên và gập về phía sau cho đến khi nghe thấy tiếng tách khớp vào vị trí (Hình 140 (1)). Tấm kính sẽ đứng thẳng. Trượt thanh trượt (Hình 140 (2)) sang trái. Bình chứa nước sẽ bật ra khỏi rãnh. Tháo bình chứa nước (Hình 140 (3)).

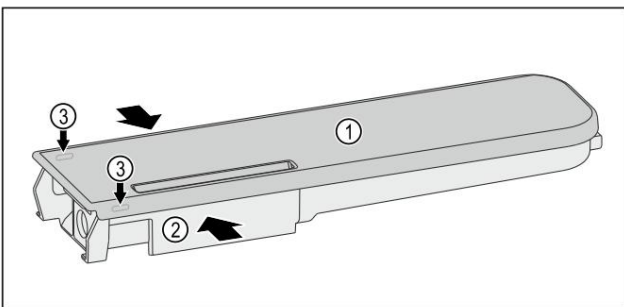
Vệ sinh bình chứa nước (xem 9.8.4 Vệ sinh

bộ phận-
ments) .

Lỗ vuông: Đổ nước uống vào đến vạch chỉ định. Đặt bình chứa nước vào rãnh, phần đáy vào trước. Từ từ hạ phần trước xuống và đẩy bình vào. Bình chứa nước khớp vào vị trí.

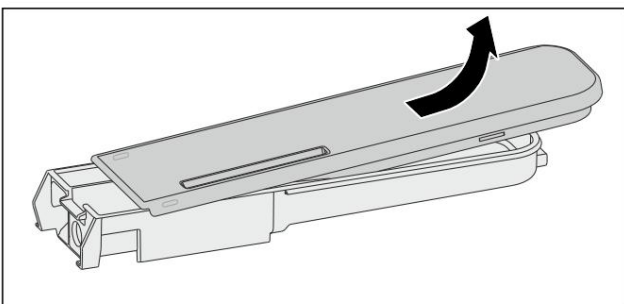
8.5.2 Tháo dỡ bể chứa nước

Bạn có thể tháo bình chứa nước HydroBreeze ra để vệ sinh.



Hình 141

Đẩy các bình nước Hình 141 (2) lại gần nhau, cẩn thận dùng lực đẩy nắp Hình 141 (1) qua các chốt Hình 141 (3) và nhấc nó lên. Nắp được mở ra.

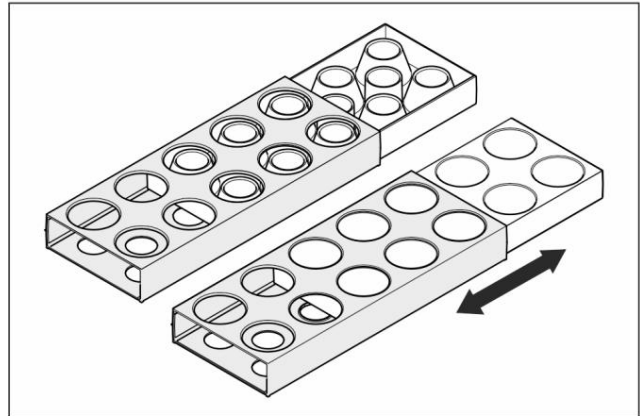


Hình 142

Di chuyển nắp Hình 141 (1) nhẹ nhàng về phía trước và phía sau, rồi tháo ra phía trên. Bể chứa nước đã được tháo rời.

8.6 Giá để trứng

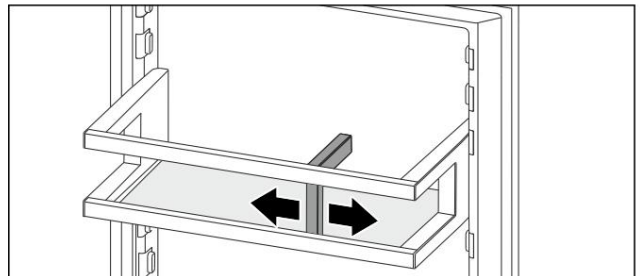
Bạn có thể kéo khay đựng trứng ra và xoay được. Bạn có thể sử dụng cả hai mặt của khay đựng trứng để ghi nhãn các thông tin cụ thể như ngày mua.

8.6.1 Sử dụng giá để trứng

Hình 143

Lớp trên: dùng để bảo quản trứng gà.

Lớp dưới: dùng để bảo quản trứng chim cút.

8.7 Giá đỡ chai**8.7.1 Sử dụng giá đỡ chai**

Hình 144

Đẩy giá đỡ chai lên trên các chai. Các chai được giữ cố định để không bị đổ.

9. Bảo trì**9.1 Bộ lọc than hoạt tính FreshAir**

Bộ lọc than hoạt tính FreshAir nằm trong ngăn phía trên quạt.

Sản phẩm đảm bảo chất lượng không khí

tốt nhất. Thay bộ lọc than hoạt tính sau mỗi 6 tháng.

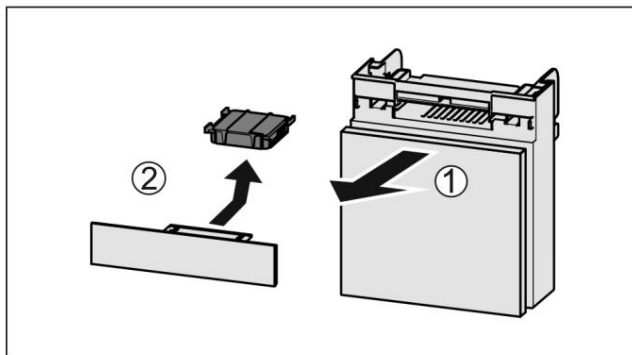
Khi bạn thiết lập lời nhắc, một thông báo trên màn hình sẽ nhắc bạn thay đổi. Bộ lọc than hoạt tính có thể được vứt bỏ cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

Ghi chú

Bạn có thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte trên trang web home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html .

BẢO TRÌ

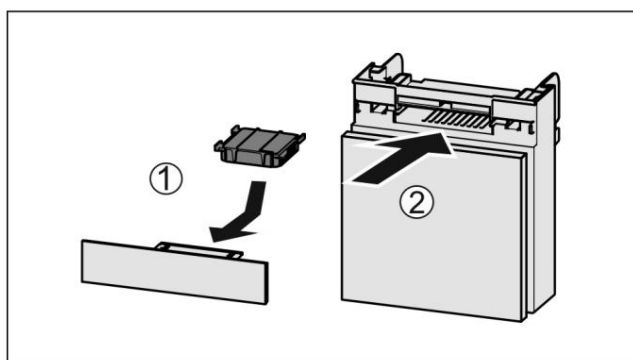
9.1.1 Tháo bộ lọc than hoạt tính FreshAir



Hình 145

Kéo ngăn chứa ra Hình 145 (1). Tháo bộ lọc than hoạt tính Hình 145 (2).

9.1.2 Lắp đặt bộ lọc than hoạt tính FreshAir



Hình 146

Lắp bộ lọc than hoạt tính như trong sơ đồ Hình 146 (1). Bộ lọc carbon khớp vào đúng vị trí. Nếu bộ lọc than hoạt tính hướng xuống dưới: Đẩy ngăn trong Hình 146 (2). Bộ lọc than hoạt tính hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

9.2 Bể chứa nước

Bể chứa nước cho Trung tâm Nước và Đá nằm phía sau ngăn kéo dưới cùng bên trái trong ngăn tủ lạnh.

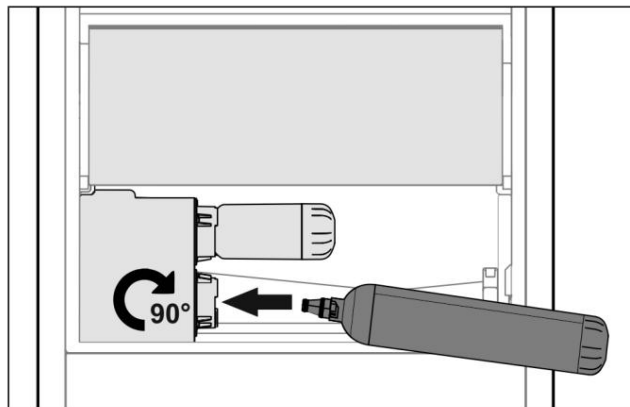
9.2.1 Tháo bể chứa nước Khóa vòi

nước. Lấy nước từ Trung tâm Nước & Đá để

30 giây rồi đổ vào cốc. Tháo ngăn kéo. Xoay bể chứa nước ngược chiều kim đồng hồ hết cỡ rồi kéo ra ngoài.

Nước nhỏ giọt sẽ được hứng vào khay hứng nước. Lau sạch khay hứng nước bằng khăn.

9.2.2 Lắp đặt bể chứa nước



Hình 147

Tháo ngăn kéo. Lắp bể chứa nước và xoay khoảng 90° theo chiều kim đồng hồ cho đến khi nghe tiếng tách. Kiểm tra xem bể đã được bịt kín và không bị rò rỉ nước chưa. Lắp ngăn kéo lại. Mở vòi nước. Xả khí hệ thống nước. (xem mục 4.3.1 Xả khí hệ thống nước)

hệ thống)

Ghi chú

Bạn có thể mua thêm bể chứa nước này như một phụ kiện tùy chọn.

9.3 Bộ lọc nước

Bộ lọc nước nằm phía sau ngăn kéo dưới cùng bên trái trong ngăn tủ lạnh.

Nó lọc bỏ cặn bẩn trong nước và làm giảm vị clo.

Thay bộ lọc nước ít nhất 6 tháng một lần, hoặc nếu lưu lượng nước giảm đáng kể. Bộ lọc nước có chứa than hoạt tính và có thể vứt bỏ.

Cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

Lưu

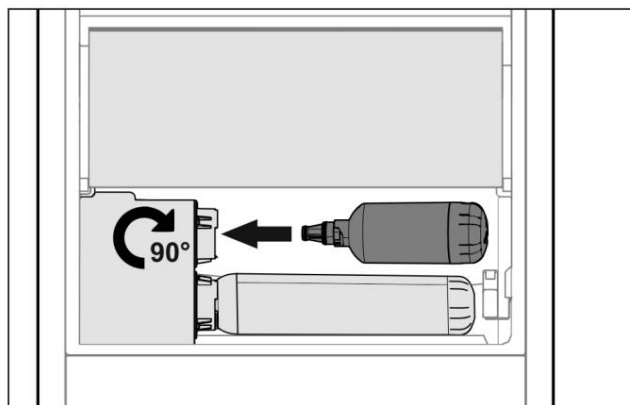
ý: Bộ lọc nước có sẵn tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

9.3.1 Tháo bộ lọc nước Tháo ngăn kéo.

Xoay bộ lọc nước hết cỡ ngược chiều kim đồng hồ và kéo ra ngoài.

Nước nhỏ giọt sẽ được hứng vào khay hứng nước. Lau sạch khay hứng nước bằng khăn.

9.3.2 Lắp đặt bộ lọc nước



Hình 148

Tháo ngăn kéo. Lắp bộ lọc nước và xoay khoảng 90° theo chiều kim đồng hồ cho đến khi nghe tiếng tách. Kiểm tra xem bộ lọc đã được bật kín và không bị rò rỉ nước chưa. Lắp lại ngăn kéo.

Lưu ý:

Bộ lọc nước mới có thể chứa các hạt lơ lửng. Sau khi thay bộ lọc: Lấy và đổ 3 lít nước vào Trung tâm Nước & Đá.

Máy lọc nước hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

9.4 Tháo/lắp hệ thống kéo ra

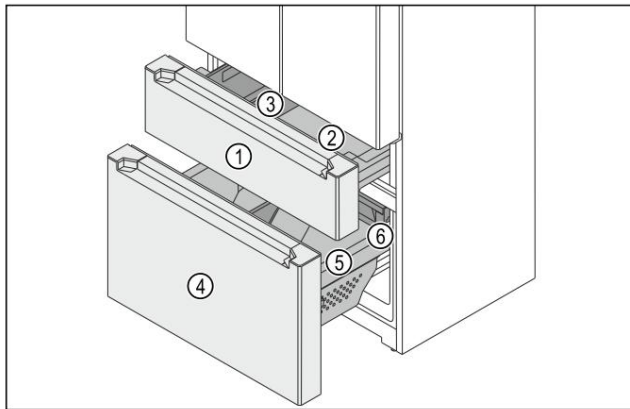
9.4.1 Ghi chú về việc tháo rời

Bạn có thể tháo rời một số hệ thống ngăn kéo để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể có nhiều hệ thống ngăn kéo khác nhau.

Các hệ thống kéo ra sau đây có thể tháo rời hoặc không thể tháo rời:

Hệ thống kéo ra	Có thể tháo rời / Không thể tháo rời
Có thể mở rộng hoàn toàn	không thể tháo rời
Phần ống lồng phía trên có thể tháo rời (xem phần ống lồng phía trên).	
Phần ống lồng dưới có thể tháo rời (xem phần ống lồng dưới).	

9.4.2 Bộ phận dạng ống lồng



Hình 149 Ngăn kéo trượt dạng ống lồng của ngăn đông lạnh
(1) Bộ phận trượt trên (4) Bộ phận trượt dưới (2) Hộp đựng (5) Hộp đựng (3) FlexBox (6) Ngăn kéo

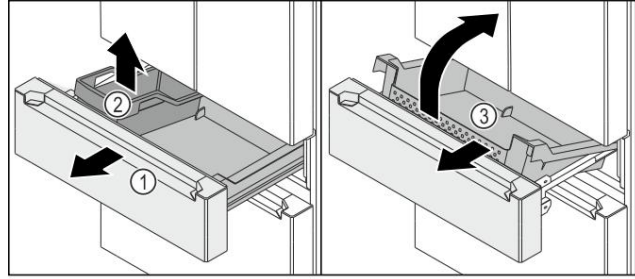
Ngăn đông gồm hai ngăn kéo trượt dạng ống lồng. Ngăn kéo trượt phía trên Hình 149 (1) chứa một hộp đựng Hình 149 (2) và một FlexBox Hình 149 (3). Ngăn kéo trượt phía dưới Hình 149 (4) chứa một hộp đựng lớn Hình 149 (5) và một ngăn kéo Hình 149 (6). Các hộp đựng trong ngăn kéo trượt phía trên và phía dưới có thể được tháo ra để vệ sinh.

Lưu ý:

Ngăn kéo ở bộ phận trượt phía dưới có thể kéo ra hết cỡ. (xem mục 8.3.1 Ngăn kéo trên ray trượt)

Bộ phận kính thiên văn phía trên

Xóa FlexBox và vùng chứa

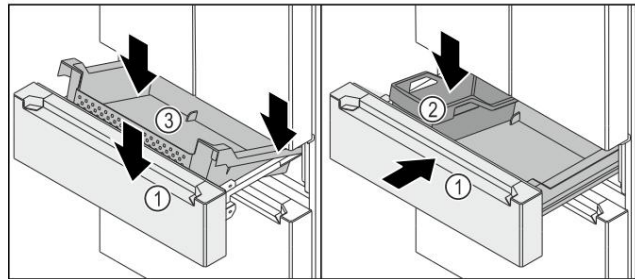


Hình 150

Kéo cụm ống lồng Hình 150 (1) ra hết cỡ. Tháo FlexBox Hình 150 (2). Kéo thùng chứa Hình 150 (3) ra phía trước. Tháo thùng chứa Hình 150 (3) theo đường chéo về phía trước.

Lắp FlexBox và thùng chứa Đảm bảo đáp

ứng các yêu cầu sau: Bộ phận dạng ống lồng Hình 151 (1) được kéo ra.



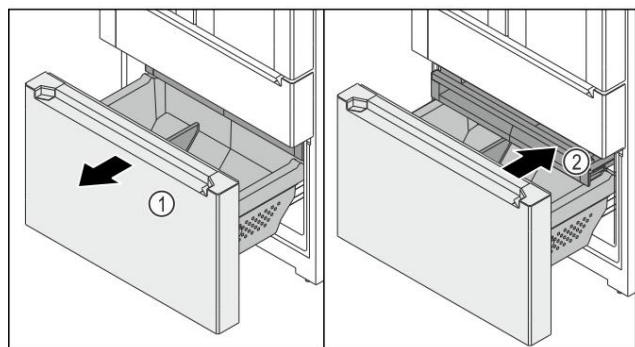
Hình 151

Đặt thùng chứa Hình 151 (3) ở phía sau trên các thanh ray bên phải và bên trái. Hạ phần trước của thùng chứa Hình 151 (3) xuống sao cho thùng chứa Hình 151 (3) bao quanh các thanh ray bên phải và bên trái.

Lắp FlexBox Hình 151 (2). Đẩy bộ phận dạng ống lồng vào Hình 151 (1).

Đơn vị thu gọn phía dưới

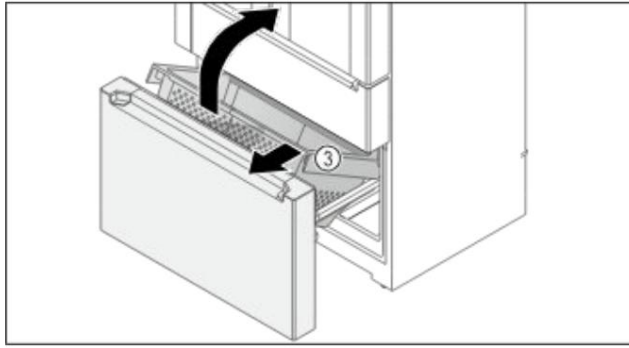
Tháo bỏ thùng chứa



Hình 152

Kéo bộ phận dạng ống lồng Hình 152 (1) ra hết cỡ. Ngăn kéo Hình 152 (2) sẽ tự động được kéo ra. Đẩy ngăn kéo Hình 152 (2) vào.

BẢO TRÌ



Hình 153

Kéo thùng chứa Hình 153 (3) ra phía trước. Tháo thùng chứa Hình 153 (3) theo đường chéo về phía trước.

Lắp đặt thùng chứa Đảm bảo

đáp ứng các yêu cầu sau: Bộ phận dạng ống lồng Hình 154

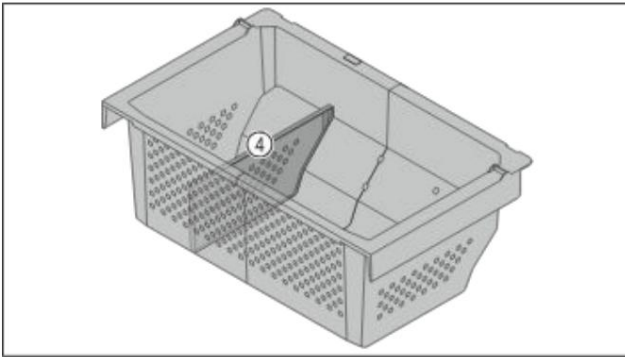
(1) được kéo ra. Ngăn kéo Hình 154 (2) được đẩy vào.



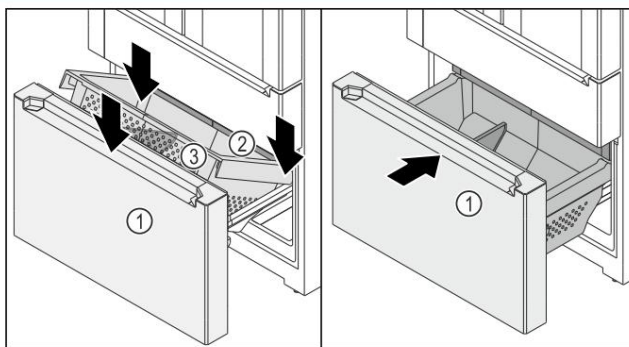
CẢNH BÁO:

Nhiệt độ thấp trong ngăn đá có thể gây nguy hiểm đến tính mạng trẻ em!

Bệnh tê cứng. Nếu bạn tháo vách ngăn trong hộp đựng, trẻ em có thể leo vào trong hộp mà không bị phát hiện và trốn bên trong. Khi bạn lấy hộp đựng ra để vệ sinh, hãy làm sạch và lắp lại:



Không được tháo rời vách ngăn (4). Kiểm tra xem vách ngăn đã được bắt vít chắc chắn vào thùng chứa chưa để trẻ em không thể dễ dàng leo vào bên trong thiết bị.



Hình 154

Đặt thùng chứa Hình 154 (3) ở phía sau trên các thanh ray bên phải và bên trái. Hạ phần trước

của thùng chứa Hình 154 (3) xuống sao cho thùng chứa Hình 154 (3) bao quanh các thanh ray bên phải và bên trái.

Đẩy bộ phận kính thiên văn vào Hình 154 (1).

9.5 Tháo/lắp giá đỡ chai có thể điều chỉnh

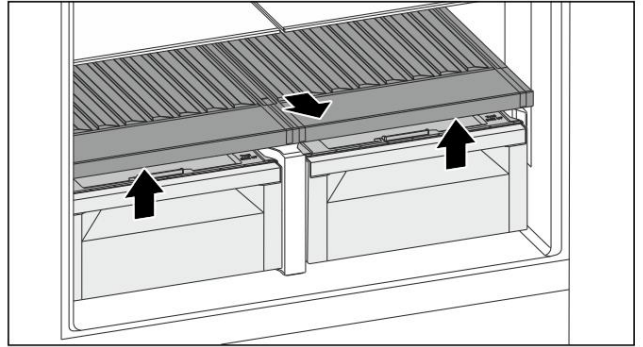
Giá đựng chai có thể tháo rời để vệ sinh.

9.5.1 Tháo giá đỡ chai có thể điều chỉnh

Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Đã loại bỏ các chai lọ. Đã loại bỏ các kệ kính. (xem

mục 8.2.1 Sử dụng)

(Giá đựng chai có thể điều chỉnh)



Hình 155

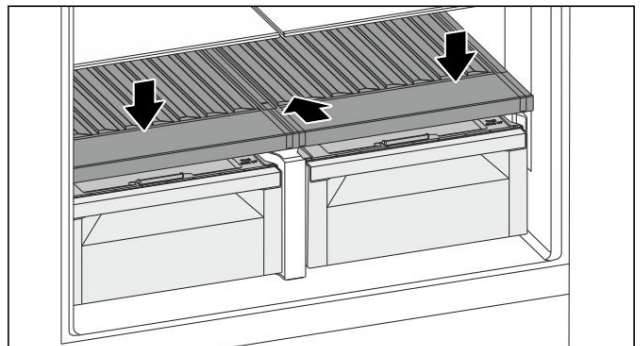
Nâng giá đỡ chai có thể điều chỉnh ở phía trước và kéo ra. Có thể nhìn thấy các nắp ngăn.

Ghi chú

Liebherr khuyến nghị:

Không đặt bất kỳ vật dụng nào lên nắp các ngăn bên dưới.

9.5.2 Lắp giá đỡ chai có thể điều chỉnh



Hình 156

Đẩy giá đỡ chai có thể điều chỉnh vào hết cỡ và nhấn hạ nó xuống.

Các đầu nối ở phía sau giá đựng chai có thể điều chỉnh được kết nối thông qua quy trình tự động. Đèn LED sáng lên.

Lắp các kệ kính.

(xem mục 8.2.2 Sử dụng kệ kính)

(kệ)

-hoặc-

Sử dụng giá đỡ chai có thể điều chỉnh cho các chai.

9.6 Nắp ngăn dành cho BioFresh Safe

Bạn có thể tháo một hoặc cả hai nắp ngăn để vệ sinh.

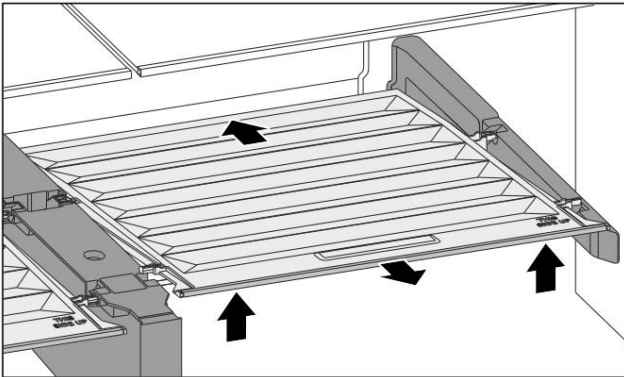
9.6.1 Tháo nắp ngăn chứa Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau:

Các kệ kính ngay phía trên giá đựng chai có thể điều chỉnh

đã được tháo bỏ. Giá

đỡ chai có thể điều chỉnh đã được tháo bỏ. Ngăn kéo ngay

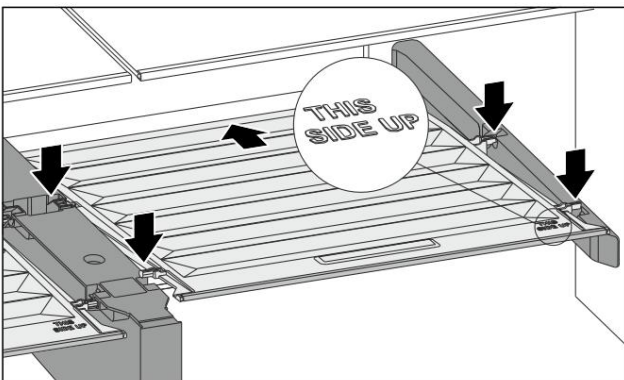
bên dưới nắp ngăn chứa đã được tháo bỏ. (xem mục 8.3 Ngăn kéo)



Hình 157

Đẩy nắp ngăn về phía sau. Nâng nắp ngăn về phía trước. Tháo nắp ngăn về phía trước và lên trên.
góc.

9.6.2 Lắp nắp ngăn



Hình 158

Nếu dòng chữ "MẶT NÀY LÊN TRÊN" nằm ở phía trên:
Lắp các bộ phận giữ phía sau vào lỗ mở phía sau tương ứng.
Đẩy nắp ngăn về phía sau. Hạ nắp ngăn về phía trước và khớp các bộ phận giữ phía trước vào các khe hở. Di chuyển nắp ngăn đến vị trí cần thiết.

9.7 Rã đông thiết bị

9.7.1 Rã đông ngăn tủ lạnh

Quá trình rã đông được thực hiện tự động. Nước từ quá trình rã đông sẽ thoát ra ngoài qua lỗ thoát và bay hơi. Vệ sinh lỗ thoát nước định kỳ.

(Xem mục 9.8 Vệ sinh thiết bị)

9.7.2 Rã đông ngăn đá với chức năng NoFrost

Quá trình rã đông được thực hiện tự động với hệ thống NoFrost. Hơi ẩm tích tụ trên dàn bay hơi, được rã đông định kỳ và bay hơi.

Thiết bị không cần phải rã đông.

9.8 Vệ sinh thiết bị

9.8.1 Sẵn sàng



CẢNH BÁO Nguy

hiểm điện giật! Tháo phích cắm tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện cung cấp.



CẢNH BÁO Nguy

cơ cháy nổ
Không được làm hỏng mạch làm lạnh.

Làm trống thiết bị.
Tháo phích cắm điện.
-hoặc-

Kích hoạt Chế độ Làm sạch. (xem Chế độ Làm sạch)

9.8.2 Vệ sinh vỏ máy

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử

dụng khăn lau mềm và dung dịch tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính, người dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.
Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc có tính mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clohua hoặc axit.



CẢNH BÁO: Nguy

cơ bị thương và hư hại do hơi nước nóng!

Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt. Không sử dụng bất kỳ loại máy làm sạch bằng hơi nước nào!

Lau sạch vỏ máy bằng vải mềm, sạch. Nếu quá bẩn, hãy dùng nước ấm pha với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được làm sạch bằng dung dịch lau kính.

9.8.3 Vệ sinh nội thất

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử

dụng khăn lau mềm và dung dịch tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính, người dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.
Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc có tính mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clohua hoặc axit.

Bề mặt nhựa: lau sạch bằng tay với khăn mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. Bề mặt kim loại: lau sạch bằng tay với khăn mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. Lỗ thoát nước: loại bỏ cặn bẩn bằng vật mỏng (ví dụ như tăm bông).

BẢO TRÌ

9.8.4 Vệ sinh các bộ phận

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử

dụng khăn lau mềm và dung dịch tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính.
người dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.
Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc có tính mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có
chứa cát, clozua hoặc axit.

Lau chùi bằng khăn mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa:

- Cái kệ
- Nắp ngăn đựng rau củ quả an toàn
- Ngăn kéo
- Kệ đựng chai có thể điều chỉnh
- khay hứng nước
- khay hứng nước của Trung tâm Nước & Đá

Lau sạch bằng khăn ẩm:

- Ray trượt có thể thu gọn
 - Xin lưu ý: Lớp mỡ trong các rãnh được dùng để bôi trơn và không được phép loại bỏ!
- Ngăn chứa đá

Rửa trong máy rửa chén ở nhiệt độ tối đa 60 °C:

- Giá đỡ cửa -
- Giá đỡ chai - Giá

đỡ của kệ chia ngăn - Bình chứa nước

HydroBreeze và nắp bình chứa nước* - Giá đỡ trứng - Lưới
hứng nước của

Trung tâm Nước & Đá Để tháo rời các bộ phận:

xem phần liên quan. Vệ sinh các bộ phận.

9.8.5 Vệ sinh máy HydroBreeze*

Việc vệ sinh là cần thiết trong các trường hợp

sau: Lần vận hành

đầu tiên Máy HydroBreeze tắt quá 48 giờ. Đổ đầy
bình chứa nước.

Hãy đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: Chức năng
HydroBreeze đã tắt (xem HydroBreeze*). Bình
chứa nước đã được tháo ra và làm sạch trong khay rửa.
máy giặt.

Lau sạch phần lõm bằng khăn ẩm. Lắp bình
chứa nước. Kích hoạt chức
năng HydroBreeze.

9.8.6 Vệ sinh Trung tâm Nước và Đá

Có thể vệ sinh cửa thoát nước của Trung tâm Nước và Đá và khu vực xung
quanh mà không cần ngắt thiết bị khỏi nguồn điện.

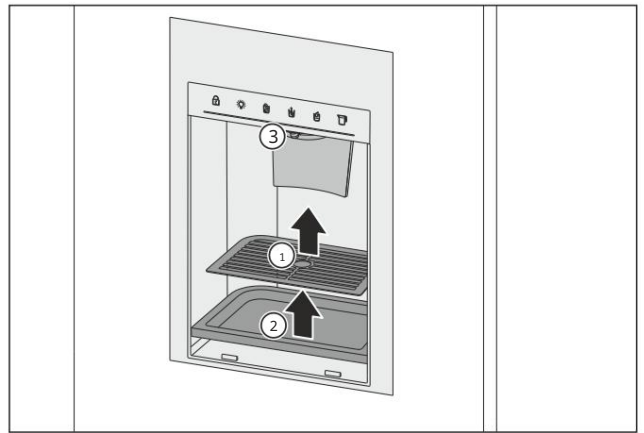
Việc vệ sinh phải được thực hiện sau:

Lần sử dụng

đầu tiên Không sử dụng trong hơn 5 ngày.

Làm sạch khu vực đầu ra

Kích hoạt cài đặt Chế độ làm sạch. (xem Làm sạch-
Cách thức)



Hình 159 Tháo lưới hứng nước và khay hứng nước

Tháo lưới hứng nước Hình 159 (1).

Tháo khay hứng nước Hình 159 (2). Làm
sạch đầu ra Hình 159 (3) và khu vực xung quanh bằng vải mềm, sạch,
nước ấm và một ít dung dịch rửa.

Tắt cài đặt Chế độ làm sạch. (xem Làm sạch-
Chế

độ) Lấy 2 lít nước và đổ bỏ.

Vệ sinh ngăn chứa đá

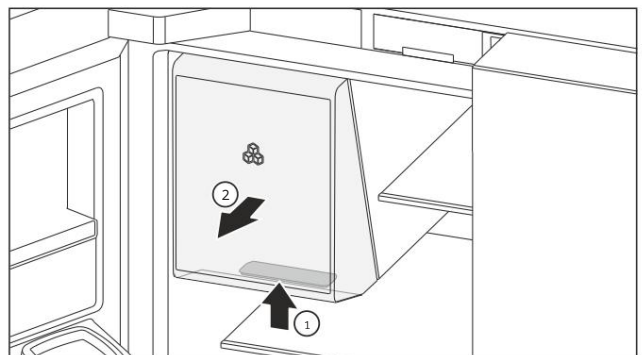
Việc vệ sinh phải được thực hiện sau:

Lần sử dụng

đầu tiên Không sử dụng máy làm đá trong hơn 30 ngày Sau

khi mất điện Sau khi

thiết bị bị lỗi



Hình 160 Tháo ngăn chứa đá Đưa tay vào phần lõm
ở đáy ngăn chứa đá Hình 160 (1) và đồng thời kéo ngăn chứa đá ra phía
trước Hình 160 (2).

Đổ hết đá trong ngăn chứa. Lau sạch ngăn chứa đá bằng khăn
mềm, sạch và nước ấm.

Khi ngăn chứa đá khô:

Đẩy ngăn chứa đá vào.

9.8.7 Sau khi vệ sinh

Lau khô thiết bị và các bộ phận. Kết nối và
bật thiết bị. Kích hoạt chức năng
SuperFrost (xem mục 7.2 Chức năng của thiết bị).
Lặp lại quá trình vệ sinh thường xuyên.

10 Hỗ trợ khách hàng

10.1 Thông số kỹ thuật

Phạm vi nhiệt độ	
Làm mát	3 °C đến 9 °C
BioFresh	0 °C đến 3 °C
Đông cứng	-24 °C đến -15 °C
VarioTemp-Vùng	-18 °C đến +5 °C

Số lượng đá viên tối đa / 24 giờ	
Ngăn đông đá	Xem bảng thông số kỹ thuật dưới mục "Khả năng đông lạnh ./ 24 giờ"

Trọng lượng tải tối đa cho thiết bị Cửa tủ lạnh bên	
trái Cửa tủ lạnh bên phải	1 kg
Bộ phận kéo dài phía trên	12 kg
(xem Hình 149)	34 kg
Ngăn kéo ở xe đẩy kéo ra phía dưới (xem Hình 149)	28 kg
Bộ phận kính thiên văn phía dưới (xem Hình 149)	24 kg

Trung tâm Nước & Đá sản xuất đá viên. Sản lượng	
đá viên: Ở nhiệt độ -18 °C:	1,8 kg đá viên/24 giờ.
Năng suất làm đá viên tối đa / 24 giờ	Khi kích hoạt chức năng MaxIce: 2,1 kg đá viên

Ánh sáng	
Lớp 1	Nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng có hiệu suất năng lượng loại G.	DẪN ĐẾN

1. Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng với các cấp hiệu suất năng lượng khác nhau. Cấp hiệu suất năng lượng thấp nhất được ghi rõ.

Đối với các thiết bị có kết nối WiFi:

Thông số tần số	
Dải tần số	2.4 GHz
Công suất bức xạ tối đa	< 100 mW
Mục đích của thiết bị không dây	Tích hợp vào mạng WiFi cục bộ để truyền dữ liệu.

10.2 Tiếng ồn khi hoạt động

Thiết bị phát ra nhiều âm thanh khác nhau khi hoạt động.

- Ở nhiệt độ cao hơn, thiết bị tiêu thụ ít năng lượng hơn. Nhưng hoạt động được lâu hơn. Nó êm hơn.
- Ở nhiệt độ thấp hơn, thức ăn sẽ nguội nhanh hơn. to hơn.

Ví dụ: • Các

chức năng đang bật (xem mục 7.2 Chức năng của thiết bị)

- Quạt đang chạy
- Thực phẩm vừa được thêm vào
- Nhiệt độ môi trường xung quanh cao
- Cửa mở trong một thời gian

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Sủi bọt và bắn tung tóe	Chất làm mát đang chảy vào mạch làm mát.	tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng rít	Chất làm mát được phun vào mạch làm mát.	tiếng ồn hoạt động bình thường
ngân nga	Thiết bị đang làm lạnh. Thẻ tích phụ thuộc vào công suất làm lạnh.	tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng vo ve và xào xạc	Quạt đang hoạt động. Hoạt	động bình thường. tiếng ồn
Nhấp chuột	Các linh kiện được bật và tắt.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường
tiếng lách cách, tiếng vo ve	Các van hoặc cánh van đang hoạt động.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường

Tiếng ồn	Khả thi gây ra	Loại tiếng ồn: Năng	
Rung động	Thiết lập không đúng cách	Tiếng ồn bị lỗi	Cân bằng thiết bị bằng cách sử dụng chân đế có thể điều chỉnh.
Tiếng lách cách	Các bộ phận, vật dụng bên trong thiết bị	Tiếng ồn bị lỗi	Các thành phần bảo mật để đủ khoảng trống giữa các vật dụng.

10.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn được thiết kế và chế tạo để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ cao. Trong trường hợp hiếm hoi xảy ra lỗi trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem lỗi đó có phải do lỗi vận hành hay không. Nếu vậy, bạn sẽ phải trả phí cho dịch vụ sửa chữa ngay cả khi lỗi đó nằm trong thời gian bảo hành.

Bạn có thể tự khắc phục các lỗi sau.

Hỗ trợ khách hàng

10.3.1 Chức năng của thiết bị

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. Bật thiết bị lên.	
	Phích cắm điện chưa được cắm đúng cách vào ổ cắm.	Kiểm tra phích cắm điện.
	Có điều gì đó không ổn với Cầu chì ổ cắm điện.	Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	Luôn đóng kín thiết bị. Bảo quản thực phẩm: Đặt túi giữ lạnh lên trên thực phẩm hoặc sử dụng tủ đông khác nếu mất điện kéo dài. Không đóng lạnh lại thực phẩm đã rã đông.
	Ổ cắm IEC chưa được cắm đúng cách vào thiết bị.	Kiểm tra ổ cắm IEC.
Nhiệt độ chưa đủ lạnh.	Cửa thiết bị chưa được đóng kín.	Đóng cửa thiết bị.
	Nhiệt độ môi trường xung quanh quá cao.	Giải pháp cho vấn đề: (xem mục 2.5 Phạm vi sử dụng của thiết bị)
	Thiết bị đã được mở quá nhiều lần hoặc quá lâu.	Chờ xem nhiệt độ cần thiết có tự điều chỉnh hay không. Nếu không, hãy liên hệ với Bộ phận Chăm sóc Khách hàng. (xem mục 10.4 Chăm sóc Khách hàng)
	Có quá nhiều thực phẩm tươi được đặt bên trong mà không dùng SuperFrost.	Giải pháp: (xem SuperFrost)
	Thiết bị đặt quá gần nguồn nhiệt (lò nướng, lò sưởi, v.v.).	Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
Nhiệt độ hiển thị trên màn hình cao hơn nhiệt độ thực tế bên trong thiết bị.	Cửa thiết bị đã mở trong thời gian dài và chuông báo cửa tự động kích hoạt. Điều này khiến thiết bị làm lạnh mạnh hơn.	Đóng cửa thiết bị.
Gioăng cửa bị hỏng hoặc cần được thay thế vì lý do khác.	Gioăng cửa có thể thay thế được. Việc thay thế không cần đến dụng cụ đặc biệt.	Liên hệ bộ phận Chăm sóc Khách hàng. (xem mục 10.4 Chăm sóc Khách hàng)
Van điều tiết đóng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.*	Van điều tiết đóng có thể thay thế được. Có thể thay đổi mà không cần bất kỳ công cụ bổ sung nào.	Liên hệ bộ phận Chăm sóc Khách hàng. (xem mục 10.4 Chăm sóc Khách hàng)
Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc hơi nước.	Gioăng cửa có thể đã bị tuột ra Kiểm tra xem	gioăng cửa đã được lắp khít vào rãnh chứa.
Các bề mặt bên ngoài của thiết bị đang ẩm.*	Nhiệt lượng của mạch làm lạnh được sử dụng để tránh hiện tượng ngưng tụ.	Điều này là bình thường.

10.3.2 Tính năng

Khuyết điểm	Gây ra	Giải pháp
HydroBreeze không giữ ẩm cho thực phẩm được bảo quản lạnh.*	Hệ thống HydroBreeze hiện không hoạt động.	Kích hoạt HydroBreeze.
	Bể chứa nước không đủ nước.	Đổ đầy bình chứa nước.

Khuyết điểm	Gây ra	Giải pháp
	Có bụi bẩn phía trước nhà máy tuyển quặng.	Vệ sinh máy HydroBreeze.
	Bình chứa nước chưa được gắn chặt Đặt đúng vị trí.	Gắn bình chứa nước vào đúng vị trí.
	Nắp ngăn của tủ bảo quản rau quả được đặt ở chế độ "độ ẩm thấp".	Nắp ngăn của tủ bảo quản rau quả được đặt ở chế độ "độ ẩm cao".
Trung tâm Nước và Đá hiện không hoạt động.	Bảng điều khiển bị khóa.	Vô hiệu hóa khóa trẻ em trên Trung tâm Nước & Đá. (xem mục 7.3 Chức năng của Trung tâm Nước và Đá)
	Trung tâm Nước và Băng đã ngừng hoạt động.	Kích hoạt Trung tâm Nước & Băng. (xem Nước & Băng Trung tâm)
Trung tâm Nước và Đá không cung cấp đá viên.	Đá viên đã hết.	Chờ cho đến khi đá viên mới được tạo ra.
	Cửa đang mở.	Đóng cửa lại.
	Ngăn chứa đá không hoạt động. Đẩy ngăn chứa đá vào hết cỡ. Đóng cửa hoàn toàn.	
	Rãnh đá viên ở bên trong Cửa bị chặn.	Loại bỏ hoàn toàn đá viên ra khỏi rãnh.
	Chức năng sản xuất đá bị vô hiệu hóa.	Kích hoạt chức năng sản xuất đá. (xem Nước & Đá) (Trung tâm / Máy làm đá)
	Đường ống cấp nước chưa được mở. Mở đường ống cấp nước.	
Trung tâm Nước và Đá không cung cấp nước uống.	Đường ống cấp nước chưa được mở. Mở đường ống cấp nước.	
Lưu lượng nước tại Trung tâm Nước và Băng không đều.	Có không khí trong hệ thống nước. Xả khí khỏi hệ thống nước. (xem mục 4.3 Khởi động Trung tâm Nước & Đá)	
Đèn MoodLight ở khu vực đầu ra không sáng.	Đèn MoodLight đã bị tắt.	Kích hoạt đèn MoodLight. (xem mục 7.3 Trung tâm Nước & Đá) chức năng)
Đèn Moodlight ở tay nắm lõm không sáng.*	Đèn MoodLight đã bị tắt.	Kích hoạt đèn MoodLight. (xem MoodLight*)
Đèn bên trong không sáng.	Thiết bị chưa được bật. Bật thiết bị lên.	
	Cửa mở lâu hơn 15 phút.	Đèn chiếu sáng bên trong sẽ tự động tắt sau khoảng 15 phút khi cửa mở.
	Đèn LED nội thất bị lỗi hoặc Nắp bị hỏng.	Liên hệ bộ phận Chăm sóc Khách hàng. (xem mục 10.4 Chăm sóc Khách hàng)

10.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên, hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục lỗi hay không (xem mục 10 Hỗ trợ khách hàng). Nếu bạn không thể tự khắc phục sự cố, hãy liên hệ với Bộ phận Chăm sóc Khách hàng.

Bạn có thể tìm thấy địa chỉ trong tài liệu đính kèm "Liebherr-Service" hoặc tại home.liebherr.com/service.



CẢNH BÁO:

Sửa chữa không chuyên nghiệp!
Hư hỏng.

Mọi sửa chữa và thao tác - không được nêu rõ - đối với thiết bị và dây nguồn chỉ được thực hiện bởi nhân viên dịch vụ. (xem mục 9 Bảo trì)
Dây nguồn bị hư hỏng chỉ được thay thế bởi nhà sản xuất, bộ phận Dịch vụ Khách hàng của nhà sản xuất hoặc người có trình độ tương đương. Đối với các thiết bị có đầu nối IEC, việc thay thế có thể do khách hàng tự thực hiện.

Tắt máy

10.4.1 Liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng

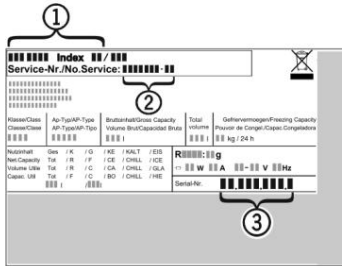
Hãy đảm bảo rằng các thông tin sau đây về thiết bị đều có sẵn:

Tên thiết bị (mẫu mã và chỉ số) Số dịch vụ (Service) Số sê-ri (S no.)

Ghi lại thông tin về thiết bị. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Báo cáo lỗi và thông tin về thiết bị. Điều này sẽ giúp chúng tôi cung cấp cho bạn dịch vụ nhanh chóng và chính xác hơn.

Vui lòng làm theo hướng dẫn tiếp theo từ Bộ phận Chăm sóc Khách hàng.

Tấm mô hình 10.5



Hình 161

(1) Mô tả thiết bị (2) Số dịch vụ (3) Số sê-ri
Lưu ý dữ liệu trên bảng tên mẫu.

11. Tắt máy

Làm trống thiết bị. Làm trống hoàn toàn ngăn chứa đá. Tắt chức năng HydroBreeze. (xem phần Tắt chức năng HydroBreeze)

Vô hiệu hóa Trung tâm Nước và Đá. (xem phần Vô hiệu hóa (Trung tâm Nước và Băng))

Tắt thiết bị. (xem phần Tắt thiết bị) (và tiếp

tục) Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm. Tháo ổ cắm IEC nếu cần: Rút ổ cắm IEC ra khỏi phích cắm của thiết bị và di chuyển đồng thời sang trái và phải. Vệ sinh thiết bị. (xem 9.8 Vệ sinh thiết bị) Để cửa mở để tránh mùi khó chịu phát sinh.

12. Xử lý

Hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Ý nghĩa của các ký hiệu trên thiết bị: đã quen thuộc. (xem 1.14 Ký hiệu trên thiết bị) Các lưu ý về việc thải bỏ: đã quen thuộc. (xem 1.8 Thải bỏ)

12.1 Chuẩn bị thiết bị để thải bỏ Tắt thiết bị.

12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



CẢNH BÁO: Rò rỉ nước làm mát và dầu!

Nguy cơ cháy. Chất làm mát trong thiết bị thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy. Dầu trong thiết bị cũng dễ cháy. Chất làm mát và dầu rò rỉ có thể bốc cháy nếu nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. Không làm hư hại các đường ống của mạch làm mát và máy nén.

Lưu ý các hướng dẫn về vận chuyển thiết bị. Di chuyển thiết bị mà không làm hư hỏng. Vứt bỏ thiết bị theo đúng quy định.

Lưu ý các hướng dẫn về vận chuyển thiết bị. Di chuyển thiết bị mà không làm hư hỏng. Vứt bỏ thiết bị theo đúng quy định.



home.liebherr.com/fridge-manuals

EN Tủ lạnh/tủ đông với công nghệ BioFresh

Ngày phát hành: 20251112

Mã số linh kiện: 7086255-00

Liebherr-Hausgeräte Marica E00D
Quận Plovdiv
4202 Radinovo
Bulgaria